

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI
VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG BẮC**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN CHỢ MINH PHƯƠNG,
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ
ĐỊA ĐIỂM: KHU HỢP PHƯƠNG, PHƯỜNG MINH PHƯƠNG,
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ**

PHÚ THỌ, THÁNG 05, NĂM 2022

PHÚ THỌ, NĂM 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	1
1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	1
2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	1
2.1. Tên dự án đầu tư: Chợ Minh Phương.....	1
2.2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư.....	1
2.3. Cơ quan phê duyệt dự án: UBND tỉnh Phú Thọ.....	7
2.4. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ;.....	7
2.5. Cơ quan thẩm định cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư: UBND thành phố Việt Trì.....	7
2.6. Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):.....	7
3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	8
3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	8
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	8
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	9
4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	9
4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng trong giai đoạn thi công xây dựng.....	9
4.1.1. Nhu cầu nguyên liệu phục vụ thi công xây dựng:.....	9
4.1.2. Nhu cầu sử dụng nước trong thi công xây dựng:.....	10
4.1.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu và máy móc, thiết bị phục vụ thi công công trình:.....	11
4.1.4. Nhu cầu sử dụng điện:.....	11
4.2. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng trong giai đoạn hoạt động.....	12
4.2.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất:.....	14
5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	15
5.1. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án.....	15
5.2. Danh mục máy móc, thiết bị dự án.....	20
5.3. Biện pháp tổ chức thi công các hạng mục công trình của dự án.....	20
5.3.1. Phương án san nền:.....	20
5.3.2. Phương án kiến trúc xây dựng:.....	20
5.4. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án.....	26
5.4.1. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án:.....	26
5.4.2. Vốn đầu tư:.....	26
5.5. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án.....	27
CHƯƠNG II.....	35
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG.....	35
CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	35
1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG.....	35



1.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch của tỉnh	35
1.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải	35
CHƯƠNG III.....	37
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG	37
NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	37
1. DỮ LIỆU VỀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT ...	37
1.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường.....	37
1.2. Dữ liệu về hiện trạng tài nguyên sinh vật	37
2. MÔ TẢ VỀ MÔI TRƯỜNG TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI CỦA DỰ ÁN	38
3. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN	38
3.2. Đánh giá tính phù hợp của vị trí dự án với điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực thực hiện dự án	40
CHƯƠNG IV	42
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ	42
MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	42
1. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG DỰ ÁN	42
1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	42
1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:	46
1.3. Về bụi, khí thải	48
1.4. Giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung trong xây dựng.....	49
1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác.....	50
1.5.1. Các biện pháp giảm thiểu chung:	50
2. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH.....	54
2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải.....	54
Công tác đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực chợ sẽ được coi trọng. Để đạt được mục tiêu trên, chủ đầu tư sẽ duy trì thực hiện các biện pháp sau:	66
3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BVMT	69
3.1. Kế hoạch thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án	69
3.2. Kế hoạch tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án	69
4. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO.....	70
4.1. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá.....	70
4.2. Về mức độ chi tiết của các đánh giá	70
4.3. Về độ tin cậy của các đánh giá.....	71
4.4. Nhận xét về mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng.....	71
CHƯƠNG V.....	73
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	73
1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	73

1.1. Nguồn phát sinh nước thải	73
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa	73
1.3. Dòng thải phát sinh và các chất ô nhiễm trong nước thải	73
1.4. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải	74
2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI	74
3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	74
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn	74
3.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đối với tiếng ồn.....	74
CHƯƠNG VI.....	76
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	76
1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	76
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	76
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	76
2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI ĐỊNH KỲ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.....	77
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	77
3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM.....	78
CHƯƠNG VII.....	79
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	79
PHỤ LỤC	82

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ các điểm khếp góc khu vực Dự án	2
Bảng 1. 2. Khối lượng nguyên, vật liệu sử dụng trong giai đoạn thi công xây dựng	9
Bảng 1. 3. Danh mục máy móc thiết bị tham gia thi công công trình và nhu cầu sử dụng nhiên liệu phục vụ thi công	11
Bảng 1. 4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án.....	12
Bảng 1. 5. Các hạng mục công trình của dự án	15
Bảng 1. 6. Danh mục máy móc, thiết bị trong giai đoạn hoạt động	20
Bảng 3.1. Thời gian lấy mẫu và phân tích mẫu	39
Bảng 3. 2. Kết quả phân tích môi trường không khí (lần 1)	39
Bảng 3. 3. Kết quả phân tích môi trường không khí (lần 2)	39
Bảng 3. 4. Kết quả phân tích môi trường không khí (lần 3)	40
Bảng 4. 1. Tải lượng ô nhiễm nước thải sinh hoạt.....	44
Bảng 4.2. Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt	44
Bảng 4.3. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt	45
Bảng 4. 4. Tổng hợp các biện pháp hạn chế rủi ro trong giai đoạn thi công	53
Bảng 4. 5. Tính chất và thành phần nước thải chợ ở một số chợ tương tự	55
Bảng 4. 6. Khối lượng tuyến ống thoát nước thải sinh hoạt	57
Bảng 4. 7. Danh mục hóa chất sử dụng trong xử lý nước nước thải.....	58
Bảng 4. 8. Tỷ lệ thành phần chất thải rắn phát sinh ở khu vực bán hàng rau củ quả và thực phẩm tươi sống	62
Bảng 4. 9. Thành phần đặc trưng của chất thải sinh hoạt của khu chợ	63
Bảng 4. 10. Các biện pháp hạn chế rủi ro xảy ra trong giai đoạn hoạt động	66
Bảng 4. 11. Danh mục dự trù kinh phí công trình xử lý môi trường dự án đầu tư	69
Bảng 4.12. Tổ chức nhân sự cho công tác quản lý môi trường của khu chợ	70
Bảng 5. 1. Thành phần chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm trong nước thải của chợ Minh Phương	73
Bảng 5. 2. Giới hạn cho phép mức áp suất âm theo thời gian tiếp xúc	74

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí khu vực thực hiện dự án với đối tượng xung quanh.....	3
Hình 1. 2. Hiện trạng hoạt động kinh doanh tại chợ Minh Phương	4
Hình 1. 3. Quy trình hoạt động thương mại của chợ.....	8
Hình 1.4. Trình tự thi công xây dựng Dự án.....	26
Hình 1. 5. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của dự án khi đi vào hoạt động	27
Hình 4. 1. Sơ đồ thu gom nước mưa, nước thải của dự án	56
Hình 4. 2. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.....	57
Hình 4. 3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc	57
Hình 4.4. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn	59
Hình 4.5. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn	61

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Tên chủ dự án đầu tư: Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc (trước đây là Tổng công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH).

- Địa chỉ văn phòng: Số 25/38 Phú Thọ 3, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:

Ông: **Nguyễn Bá Bắc** - Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Điện thoại: 0374026395

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh của chủ dự án đầu tư và các giấy tờ tương đương:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 2800633904 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký lần đầu ngày 10/6/2001 và cấp đăng ký thay đổi lần thứ 31 ngày 7/9/2021;

+ Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

+ Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

+ Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho Tổng công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH thuê để thực hiện dự án đầu tư xây dựng chợ Minh Phương tại phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

2.1. Tên dự án đầu tư: Chợ Minh Phương.

2.2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư

* Địa điểm thực hiện dự án: Tại khu Hợp Phương, phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

* Vị trí địa lý của địa điểm thực hiện dự án:

Vị trí thực hiện Dự án “Chợ Minh Phương” của Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc (trước đây là Tổng công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH) thuộc Khu Hợp Phương, phường

Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ có tổng diện tích đất là 3.171,5 m² được giới hạn bởi các điểm trong phạm vi chỉ giới từ 1,2,3,....., 14,15,1 thể hiện trên bản vẽ trích đo địa chính thu hồi, chuyển mục đích sử dụng và giao đất tỷ lệ 1/500 do Công ty TNHH Tuấn Đạt lập tháng 11/2019 đã được UBND phường Minh Phương, UBND thành phố Việt Trì xác nhận và được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt tại Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 (có bản vẽ và quyết định thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất đính kèm phần phụ lục).

Tọa độ các điểm mốc giới của khu đất thực hiện dự án được xác định bằng hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 104⁰45', múi chiếu 3⁰ thể hiện trên bản đồ tỷ lệ 1:500 như sau:

Bảng 1.1. Tọa độ các điểm khép góc khu vực Dự án

Số hiệu điểm	Kinh tuyến trực 104 ⁰ 45', múi chiếu 3 ⁰		Diện tích (m ²)
	X (m)	Y (m)	
1	2359487.08	564245.05	3.171,5
2	2359510.05	564253.49	
3	2359463.79	564372.30	
4	2359460.17	564373.50	
5	2359446.41	564364.85	
6	2359449.23	564354.89	
7	2359451.56	564342.56	
8	2359454.62	564332.48	
9	2359456.91	564323.52	
10	2359459.22	564313.82	
11	2359461.26	564305.24	
12	2359463.72	564296.70	
13	2359468.75	564282.66	
14	2359472.59	564274.96	
15	2359479.55	564259.60	
1	2359487.08	564245.05	

(Nguồn: Tổng công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH)

* Vị trí dự án tiếp giáp với các đối tượng tự nhiên kinh tế xã hội như sau:

- Phía Đông giáp đường dân sinh.
- Phía Tây giáp khu dân cư.
- Phía Nam giáp đường dân sinh.
- Phía Bắc giáp đường Đại Nải.

* Hiện trạng sử dụng đất:

Từ thực tế trên, việc xây mới chợ Minh Phương trên diện tích chợ cũ là cần thiết, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh mua bán hàng hóa của chợ, đảm bảo phục vụ cho dân cư khu vực. Dự kiến chợ Minh Phương khi hoàn thiện xây dựng đáp ứng đầy đủ hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ; các hạng mục chợ chính đáp ứng quy mô khoảng 260 điểm kinh doanh, ngoài ra chợ xây dựng 20 ki ốt 3 tầng phục vụ các tiểu thương kinh doanh các mặt hàng có giá trị kinh tế cao và yêu cầu mặt bằng lớn.

- Hạ tầng xung quanh khu vực dự án như hạ tầng giao thông, vỉa hè, hệ thống thoát nước mưa, cấp điện, cấp nước, chiếu sáng, xử lý nước thải... của thành phố đã được hoàn thiện.



Hình 1. 2. Hiện trạng hoạt động kinh doanh tại chợ Minh Phương

*** Mối tương quan của vị trí thực hiện dự án với các đối tượng tự nhiên và kinh tế xã hội xung quanh khu vực dự án có khả năng chịu tác động của dự án:**

- Mối tương quan với các đối tượng tự nhiên, dân cư xã hội xung quanh:

Khu vực dự án phần lớn có địa hình tương đối bằng phẳng, có 3 mặt tiếp giáp với đường giao thông do đó khả năng cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ thi công xây dựng rất thuận tiện. Trên mặt bằng khu vực quy hoạch thực hiện dự án chủ yếu là các công trình tạm phục vụ việc kinh doanh của các tiểu thương hiện đã xuống cấp.

Vị trí thực hiện dự án nằm ở khu vực nội thành của thành phố Việt Trì, liền kề với khu đô thị Minh Phương thuộc phường Minh Phương và gần các khu dân cư phường Minh Phương, cách bến xe Việt Trì và các cơ quan như Ngân hàng Nhà nước; Kho bạc, chợ Trung tâm thành phố Việt Trì, các cơ sở kinh doanh dịch vụ, cơ sở hành chính xã hội khác khoảng 3,5km về phía Đông Nam. Dự án cách đường Hùng Vương khoảng 500m về phía Đông do đó rất thuận lợi trong việc kết nối hạ tầng giao thông, phát triển dân sinh, kinh tế, giao thương buôn bán.

Dự án “Chợ Minh Phương” cách khu vực xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung thành phố Việt Trì giai đoạn 1, công suất 5.000 m³/ngày đêm tại bãi Hạ Bạ, phường Minh Nông khoảng 2 km về phía Tây Nam. **Hiện tại dự án này đã cơ bản hoàn thiện và sẽ đi vào vận hành, thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt của thành phố Việt Trì trong đó có nước thải sinh hoạt của dự án về để trạm xử lý.**

- Môi trường quan của khu vực dự án với hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường khu vực:

+ Giao thông bên ngoài có liên quan đến khu vực dự án: Việt Trì với vai trò là thành phố công nghiệp, vị trí là thành phố ngã 3 sông và đang trong quá trình phấn đấu trở thành thành phố lễ hội về với cội nguồn nên trong những năm gần đây cơ sở hạ tầng của thành phố được đầu tư xây dựng khá đồng bộ. Nhiều tuyến đường được đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây mới theo đúng tiêu chuẩn đường nội thị đảm bảo giao thông luôn được thông suốt. Việc vận chuyển hàng hoá thuận lợi trên cả đường ô tô, đường sắt, đường sông,...

Thành phố Việt Trì có tuyến Quốc lộ 2 nối thủ đô Hà Nội với các tỉnh thuộc tiểu vùng Tây Bắc đồng thời còn có tuyến đường sắt và đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai chạy qua. Đường Hùng Vương (QL2 đoạn đi qua thành phố) là trục chính trung tâm của thành phố cách khu vực dự án khoảng 500m đã được xây dựng cải tạo mặt đường bê tông nhựa hoàn chỉnh lộ giới 35m.

Ngoài ra trên địa bàn Thành phố Việt Trì còn hệ thống bến bãi bốc xếp hàng hóa trong đó Cảng Việt Trì (phường Bến Gót) đang được xây dựng cải tạo thành cảng đầu mối phía Bắc cách khu vực dự án khoảng 7,5 km.

Giao thông khu đất lập dự án: Ba mặt của dự án đều giáp với các tuyến đường dân sinh và khu dân cư hiện trạng do vậy khi thi công xây dựng dự án cần đảm bảo tuân thủ theo đúng chỉ giới đường đỏ và hành lang bảo vệ đường theo quy hoạch đã được duyệt.

+ Hệ thống cấp điện: Khi dự án đi vào hoạt động chủ dự án sẽ có giải pháp đấu nối mạng lưới cấp điện của các hạng mục công trình dự án với mạng lưới cấp điện chung của khu vực; đầu tư trạm biến áp, đường dây hạ thế và hệ thống điện chiếu sáng cho toàn khu.

+ Hệ thống cấp nước: Dân cư xung quanh khu vực thực hiện dự án đã có hệ thống cấp nước sạch của Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ để phục vụ cho sinh hoạt. Nước sạch được cấp theo các tuyến ống chính Ø300, Ø600 mm chạy dọc đường Đại Nãi và các tuyến ống chính Ø400, Ø500 chạy dọc đường Hùng Vương sau đó phân phối đến các tuyến ống nhánh và cấp nước tới từng hộ gia đình. Sau khi dự án đi vào hoạt động, chủ dự án sẽ đấu nối đường ống cấp nước CN-D50 của dự án vào đường ống cấp nước này để phục vụ cho nhu cầu của dự án.

+ Hệ thống thoát nước:

• Thoát nước mưa: trong khu vực dự án và khu dân cư xung quanh đã có hệ thống cống thu gom thoát nước mưa, nước mưa được thu gom vào hệ thống cống thu gom sau đó chảy về Trạm bơm Tân Xuôi có công suất 3.000m³/h sau đó bơm tiêu nước ra sông Hồng.

- Thoát nước thải:

Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt của khu dân cư xung quanh khu vực dự án đã được xây dựng dọc theo các trục đường chính có kích thước BxH = 50 x 50 cm, theo thiết kế thì toàn bộ hệ thống nước thải sinh hoạt của khu vực dân cư xung quanh chợ Minh Phương và nước thải từ hoạt động kinh doanh của Chợ Minh Phương sau khi đi vào hoạt động sẽ được thu gom và vận chuyển về trạm bơm PS4 dẫn về Trạm xử lý nước thải TP1 công suất 5.000 m³/ngày.đêm (vùng phía Tây) tại Khu Hạ Bạ, phường Minh Nông, thành phố Việt Trì.

- + Hệ thống thu gom CTR: Hiện tại khu vực dự án thuộc phường Minh Phương đã có mạng lưới thu gom, điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt do Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Việt Trì đảm nhận.

- + Hệ thống thông tin liên lạc: Hiện nay trên địa bàn thành phố Việt Trì có 3 nhà khai thác dịch vụ thông tin liên lạc chính bao gồm: Tổng công ty Viễn thông Việt Nam (VNPT), Công ty Viễn thông quân đội (Viettel), Công ty viễn thông điện lực (EVN) và phủ sóng di động của mạng Vinaphone, Mobile, Viettel....

- + Vệ sinh môi trường: Các chất thải sinh hoạt đã được thu gom hàng ngày và vận chuyển về điểm tập kết rác thải tập trung của khu dân cư.

** Tổng quan hiện trạng các chợ trên địa bàn thành phố Việt Trì và dự kiến phát triển theo định hướng của chính quyền địa phương:*

Tại thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án, trên địa bàn thành phố Việt Trì có 24 chợ lớn nhỏ, tập trung hàng hóa đáp ứng nhu cầu buôn bán trao đổi của người dân đồng thời mang lại nguồn thu nhập khá ổn định cho một bộ phận không nhỏ người dân trong thành phố với tình hình buôn bán nhộn nhịp, điển hình như các chợ lớn và có vị trí ở các khu vực đặc địa của thành phố như:

- Chợ Trung tâm giáp với đường Hùng Vương thuộc phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Chợ Gia Cẩm giáp với đường Hùng Vương thuộc phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Chợ Gát giáp với đường Hùng Vương thuộc phường Thọ Sơn, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Chợ Nông Trang giáp với đường Hùng Vương thuộc phường Nông Trang, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Chợ đầu mối trung tâm thành phố Việt Trì thuộc phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Tuy nhiên, các chợ đầu mối cũng như các chợ cung cấp nông sản lớn nhỏ hiện nay của thành phố chưa được đầu tư đúng mức, nhiều chợ đã xuống cấp,

nổi cộm lên vấn đề về an ninh trật tự và vệ sinh môi trường dẫn tới việc khai thác chưa hiệu quả và để lại hình ảnh không đẹp trong lòng du khách và nhân dân. Vì vậy, để đảm bảo tiêu chí Việt Trì là thành phố đô thị loại I và định hướng đầu tư phát triển thành một trong 11 đô thị lớn nhất Việt Nam thì việc đầu tư xây dựng chợ tại khu vực trung tâm thành phố với hạ tầng và kiến trúc cảnh quan được xây dựng đồng bộ vừa đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa vừa góp phần xây dựng thành phố sạch đẹp, văn minh có ý nghĩa cấp thiết trong quá trình phát triển bền vững của thành phố.

** Đánh giá vị trí lựa chọn khu vực thực hiện dự án:*

- Thuận lợi:

+ Khu đất thực hiện dự án được bố trí theo đúng quy hoạch do đó hệ thống cấp điện, cấp nước được sử dụng theo nguồn cấp điện, cấp nước hiện có.

+ Khu đất có 3 mặt giáp với đường giao thông do đó khả năng cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ thi công xây dựng dự án được thuận tiện và đặc biệt là trong quá trình lưu thông, buôn bán, trao đổi hàng hóa khi dự án đi vào hoạt động.

+ Có vị trí thuận lợi do nằm gần với các khu công nghiệp, trung tâm giáo dục đào tạo, trung tâm hành chính lớn của tỉnh, thành phố.

+ Khu đất nằm ở vị trí trong nội thành của thành phố Việt Trì, tập trung các công trình thương mại, công cộng, văn hoá, cảnh quan thiên nhiên khu vực đẹp, có nhiều di tích lịch sử văn hoá, phù hợp với việc xây dựng thành một khu đô thị hiện đại, văn minh của tỉnh.

- Khó khăn:

+ Hệ thống hạ tầng trong khu vực chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ, cần phải đầu tư mới toàn bộ do đó cần một nguồn kinh phí tương đối lớn.

+ Khu đất gần với khu dân cư nên việc đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động trong quá trình thi công xây dựng cũng như hoạt động của dự án là việc cần quan tâm.

+ Khu vực dự án đã hình thành các công trình hạ tầng tạm của chợ hiện đang xuống cấp do vậy khi thi công phải thực hiện tháo dỡ, dọn dẹp mặt bằng sẽ phát sinh lượng lớn phế thải xây dựng.

2.3. Cơ quan phê duyệt dự án: UBND tỉnh Phú Thọ.

2.4. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ;

2.5. Cơ quan thẩm định cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư: UBND thành phố Việt Trì.

2.6. Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

Dự án có tổng mức đầu tư là 32.314.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ ba trăm mười bốn triệu đồng) do vậy thuộc nhóm C theo Khoản 4, Điều 10, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

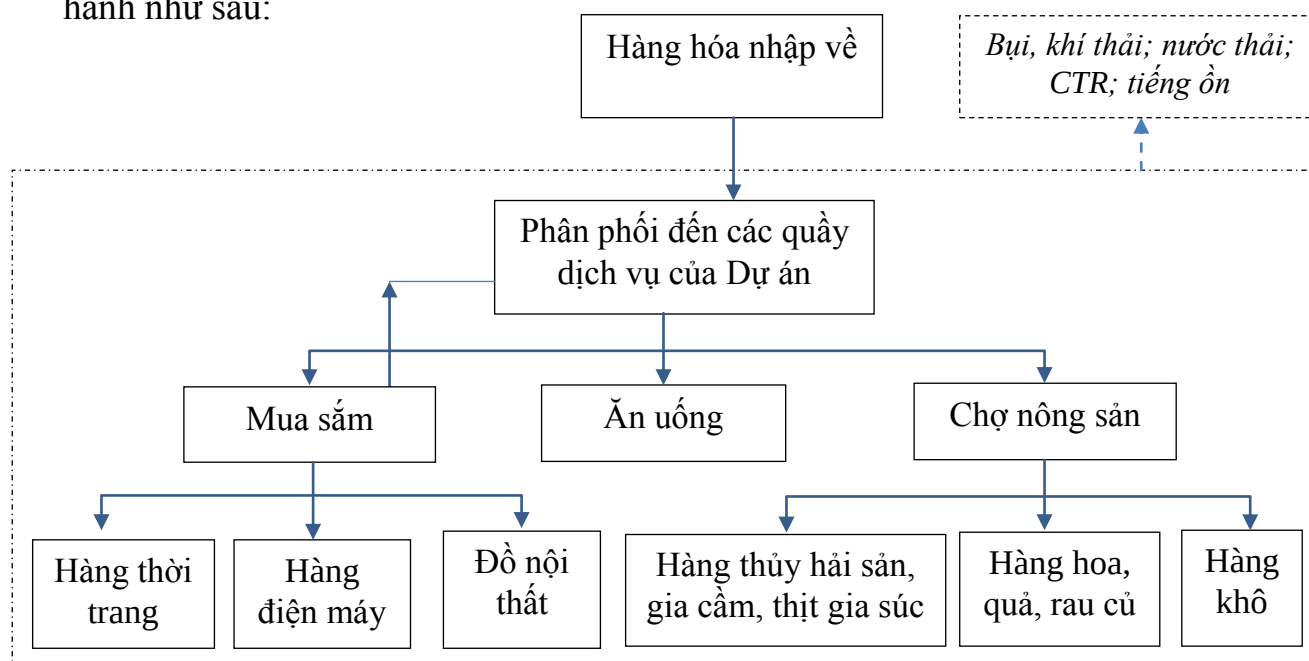
3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Công suất của dự án đầu tư

- Diện tích dự án: 3.171,5 m².
- Quy mô đầu tư: Xây dựng chợ 03 (ba) tầng với tổng số 280 quầy hàng (chợ loại 2). Tổng diện tích xây dựng khoảng 1.902 m² (mật độ xây dựng toàn chợ là 60%); trong đó:
 - + Hạng mục nhà chợ chính quy mô 01 tầng hầm, 03 tầng nổi với tổng số 205 quầy, diện tích xây dựng khoảng 1.080 m²;
 - + Hạng mục nhà dịch vụ thương mại, ki-ốt quy mô 03 tầng với tổng số 20 ki ốt, diện tích xây dựng khoảng 822 m²;
 - + Các công trình phụ trợ khác: Sân đường, bãi gửi xe, chợ vãng lai khoảng 55 quầy, nhà vệ sinh và thu gom rác thải, bể nước sinh hoạt, bể nước phòng cháy chữa cháy...

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư, đánh giá việc lựa chọn công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Do đặc thù dự án tập trung các loại hình kinh doanh, thương mại của các tiểu thương nên không có quy trình công nghệ sản xuất mà dự án sẽ thành lập ban quản lý chợ để quản lý việc kinh doanh tại chợ theo cơ cấu tổ chức vận hành như sau:



Hình 1. 3. Quy trình hoạt động thương mại của chợ

Hàng hóa kinh doanh tại chợ là hàng hóa không thuộc danh mục pháp luật cấm kinh doanh và không thuộc các loại sau đây: Hàng hóa có chứa chất phóng xạ và thiết bị phát bức xạ; các loại vật liệu nổ, các loại chất lỏng dễ gây cháy nổ, các loại thuốc bảo vệ thực vật thuộc danh mục hạn chế kinh doanh, các loại chất độc hại. Các loại hàng hóa nhập vào chợ được tổ kiểm dịch và tổ quản

lý chất lượng hàng hóa kiểm tra. Sau khi đạt yêu cầu hàng hóa được lưu kho để tiếp tục trung chuyển hoặc phân phối đến các gian, sạp, quầy dịch vụ bán hàng (Ban quản lý chợ quy định từng khu bán từng loại mặt hàng) sau đó được bán cho người tiêu dùng tùy theo nhu cầu sử dụng. Hàng hóa kinh doanh tại chợ cần phải được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp theo ngành hàng, nhóm hàng theo tính chất và yêu cầu chống hỏa hoạn, thiên tai; không bố trí gần nhau các loại hàng hóa có ảnh hưởng xấu lẫn nhau... bảo đảm mỹ quan và văn minh thương mại theo sự hướng dẫn của Ban quản lý chợ.

Ngoài hoạt động mua sắm tại chợ, người dân hay sử dụng dịch vụ ẩm thực tại chợ để được thưởng thức các món ăn. Nguyên liệu ban đầu cho các món ăn của người dân là những loại thực phẩm: gà, cá, nem, ốc, hải sản, gia cầm, gia súc, các loại rau, bột làm bánh, đậu nấu chè,...

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Dự án Chợ Minh Phương thuộc nhóm dự án xây dựng hạ tầng kinh doanh thương mại, không thuộc nhóm dự án sản xuất do đó sản phẩm của dự án là các ki ốt và nhà chợ chính phục vụ kinh doanh thương mại đảm bảo theo tiêu chuẩn thiết kế xây dựng.

4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng trong giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Nhu cầu nguyên liệu phục vụ thi công xây dựng:

Đây là dự án đầu tư xây dựng hạ tầng chợ phục vụ trao đổi, mua bán hàng hóa vì vậy nguyên liệu, vật liệu, phụ liệu chủ yếu phục vụ cho công tác xây dựng các khu chợ và ki ốt. Khối lượng nguyên, vật liệu phục vụ công tác thi công xây dựng dự án được tổng hợp từ dự toán khối lượng thi công công trình theo thuyết minh thiết kế cơ sở của Dự án như sau:

Bảng 1. 2. Khối lượng nguyên, vật liệu sử dụng trong giai đoạn thi công xây dựng

TT	Tên vật liệu	Trọng lượng (tấn/m ³)	Khối lượng		Nguồn cung cấp
			Tấn	m ³	
1	Bột đá	1,2	4	3,33	Trên địa bàn thành phố Việt Trì và các vùng lân cận
2	Cát vàng	1,4	7.000	5.000	
3	Cát nền	1,2	28.800	24.000	
4	Đá hộc 15 cm	1,5	6	4	
5	Đá 1 x 2	1,55	4.650	3.000	
6	Đá 4 x 6	1,55	465	300	
7	Cấp phối đá dăm loại 1	1,6	1.520	950	
8	Cấp phối đá dăm loại 2	1,55	1.348,5	870	
9	Đỉnh các loại	7,8	0,25	0,032	

10	Gỗ ván (cả nẹp)	1,0	320	320	
11	Nước	1,0	2.150	2.150	
12	Que hàn	2,5	0,4	0,16	
13	Nhựa đường	1,05	28	26,67	
14	Thép	7,85	530	67,51	
15	Xi măng PC 30	1,9	2.100	1.105	
16	Gạch đặc	1,6 (kg/viên)	266,4	166.500 (viên)	
Tổng			48.970	37.796	

[Nguồn: Thuyết minh dự án đầu tư]

⇒ Nguồn cung cấp nguyên nhiên liệu phục vụ thi công xây dựng:

Nguyên, nhiên vật liệu phục vụ cho quá trình thi công xây dựng của dự án được mua tại tỉnh Phú Thọ và các khu vực lân cận.

- Cát xây dựng sử dụng thuận lợi do khu vực dự án gần các mỏ khai thác cát trên sông Hồng, sông Lô thuộc thành phố Việt Trì, huyện Lâm Thao, huyện Phù Ninh, cát đạt tiêu chuẩn Việt Nam sử dụng cho xây dựng.

- Đá được mua tại một số mỏ đá trên địa bàn huyện Thanh Sơn, Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

- Gạch được cung cấp từ nhà máy gạch của các công ty trên địa bàn huyện Lâm Thao, thành phố Việt Trì.

- Các loại vật liệu khác như xi măng, sắt thép được mua từ các đại lý phân phối trên địa bàn và khu vực lân cận.

Các nguyên vật liệu xây dựng do các nhà thầu cung cấp đến tận chân công trình, đánh giá tác động môi trường của việc khai thác nguyên vật liệu thuộc trách nhiệm của Đơn vị cung cấp, không thuộc phạm vi của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường này.

Quãng đường vận chuyển trung bình nguồn nguyên vật liệu tới chân dự án trung bình khoảng 25 - 30 km.

4.1.2. Nhu cầu sử dụng nước trong thi công xây dựng:

*** Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng:**

Ước tính số công nhân khi cao điểm khoảng 30 người, tính với điều kiện công nhân không ăn ngủ tại công trường, với tiêu chuẩn dùng nước là 45 lít/người.ngày.đêm. Như vậy tổng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của công nhân khoảng 1,35 m³/ngày.đêm.

*** Nhu cầu sử dụng nước phục vụ thi công:** Nước phục vụ thi công chủ yếu là nước phục vụ công tác trộn bê tông, trộn vữa xi măng, nước rửa xe ra vào công trường với nhu cầu sử dụng nước dự kiến cho 5 tháng thi công xây dựng dự kiến khoảng 1.907 m³.

4.1.3. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu và máy móc, thiết bị phục vụ thi công công trình:

Các máy móc thiết bị chủ yếu cần thiết để thi công công trình và nhu cầu sử dụng nhiên liệu được trình bày ở bảng sau:

Bảng 1. 3. Danh mục máy móc thiết bị tham gia thi công công trình và nhu cầu sử dụng nhiên liệu phục vụ thi công

STT	Thiết bị, phương tiện	Nguồn gốc	Định mức tiêu thụ (lít DO/ca)	Số ca máy
1	Ô tô tự đổ 10T	Trung Quốc	112,22	1200
2	Đầm dùi 1,5 kw	Trung Quốc	6,5 kwh	1335
3	Đầm bàn 1 kw	Trung Quốc	5 kwh	250
4	Máy đào 1,6 m ³	Hàn Quốc	113,22	150
5	Máy đầm 16T	Việt Nam	37,8	350
6	Máy hàn 23 kw	Việt Nam	48 kwh	500
7	Máy ủi 110CV	Trung Quốc	46,2	180
8	Máy lu rung 25T	Trung Quốc	40,32	300
9	Máy trộn 250l	Việt Nam	10,8 kwh	1500
10	Vận thăng 0,8T	Việt Nam	21 kwh	1500
11	Máy cắt gạch đá 1,7KW	Việt Nam	3 Kwh	250
12	Máy cắt uốn cắt thép 5KW	Việt Nam	9 Kwh	240
13	Máy rải 130-140CV	Nhật bản	50,4	30
14	Cần cẩu tháp 25T	Nhật bản	120 kwh	150
Tổng nhiên liệu sử dụng			DO (lít)	186.774
			Điện năng (kwh)	102.537

(Nguồn: Dự toán công trình)

4.1.4. Nhu cầu sử dụng điện:

Trong giai đoạn thi công, điện chủ yếu được sử dụng phục vụ hoạt động của một số loại máy móc, thiết bị thi công. Nguồn điện đầu nối từ mạng lưới điện hiện hữu của khu vực.

4.1.5. Phương án tập kết nguyên vật liệu cho dự án:

*** Phương án tập kết nguyên vật liệu cho dự án:**

Nguồn nguyên, nhiên vật liệu trong quá trình thi công được tập kết trong phạm vi ranh giới của dự án, không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Bố trí khu tập kết nguyên vật liệu và che chắn tránh thất thoát khi gặp mưa và phát tán bụi vào ngày nắng gió đồng thời giảm thiểu tác động đến giao thông khu vực.

Do các hạng mục thi công của dự án thực hiện cuốn chiếu nên tùy thuộc vào điều kiện thực tế, vị trí tập kết có thể thay đổi nhưng vẫn nằm trong diện tích của dự án và đặt cách xa nguồn nước, tránh đặt chỗ trũng có nguy cơ về úng ngập.

Một số nguyên liệu đặc trưng như sắt thép, cát, xi măng, đá dăm,.. che phủ bằng bạt để đảm bảo chất lượng, tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh. Riêng đối với vật liệu như: xi măng, dầu diesel hầu hết mua đến đâu sử dụng đến đó và hạn chế tồn trữ ở công trường.

* Phương án vận chuyển: Sử dụng các loại xe ô tô tải có trọng lượng tải 10 tấn đi theo tuyến đường bộ vào dự án. Xe chở nguyên vật liệu được che chắn cẩn thận bằng bạt chuyên dụng.

* Vị trí đổ phế thải xây dựng:

Dự án thi công cuốn chiếu theo từng hạng mục công trình của dự án nên vị trí bãi đổ phế thải tạm thời nằm trong phạm vi của dự án theo từng đoạn. Chủ dự án sẽ làm việc với chính quyền địa phương để đổ thải phế thải xây dựng từ hoạt động phá dỡ các hạng mục chợ tạm hiện hữu và phế thải trong thi công xây dựng các hạng mục công trình đảm bảo đúng quy định của thành phố.

4.2. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng trong giai đoạn hoạt động

4.2.1. Nguyên nhiên liệu trong quá trình hoạt động của dự án:

Nguyên liệu là các mặt hàng kinh doanh buôn bán chủ yếu từ các nhà cung cấp tại địa phương nhằm hạn chế chi phí giá thành vận chuyển. Nguyên liệu sử dụng chủ yếu trong quá trình hoạt động của dự án là các loại lương thực, thực phẩm phục vụ nhu cầu ẩm thực của người dân, riêng mặt hàng kinh doanh hải sản được chuyên chở từ các tỉnh thành như: Thanh Hóa, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định.... Lượng nguyên liệu trong một ngày lưu thông tại chợ phụ thuộc vào sức mua của người dân trên địa bàn thành phố.

4.2.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước:

Khi dự án đi vào hoạt động thì nhu cầu sử dụng nước cấp cho Dự án bao gồm:

- + Nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt, kinh doanh.
- + Nước cấp cho nhu cầu chữa cháy, tưới cây, rửa đường.
- + Nước cấp cho các công trình công cộng

Dự báo nhu cầu sử dụng nước cấp cho các hạng mục công trình công cộng, khu chợ là 145,56 m³/ngày.đêm, trong đó nguồn nước sử dụng hàng ngày cho hoạt động kinh doanh buôn bán, vệ sinh công cộng chỉ khoảng 31,3 m³/ngày. Nguồn cấp nước cho khu vực dự án lấy từ Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ.

Bảng 1. 4. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước của dự án

TT	Đối tượng dùng nước	Tiêu chuẩn	Diện tích sàn XD (m ²)	Nhu cầu (m ³ /ng.đ)
1	Đất chợ	2 lít/ m ² sàn-ngđ	4.400	8,8

2	Nước cấp cho công trình nhà vệ sinh công cộng	45l/ng/ngđ	500 người	22,5
3	Nước tưới cây	10%Qsh		3,13
4	Nước rò rỉ	10%Qsh		3,13
5	Nước chữa cháy	1 đám cháy		108
	Cộng			145,56

⇒ Thiết kế mạng lưới hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước: được lấy từ đường ống cấp nước của thành phố bố trí dọc tuyến đường hiện hữu, ống cấp nước sử dụng đường ống HDPE D40 ÷ 125.

+ Mạng lưới đường ống trục chính được bố trí tạo thành mạng lưới vòng hoặc mạng lưới cụt, nhằm đáp ứng việc cấp nước an toàn, liên tục và phù hợp với công suất tính toán.

- Tính toán trạm bơm:

+ Trạm bơm được bố trí gần bể chứa bao gồm bơm sinh hoạt và bơm chữa cháy.

+ Chọn bơm cấp nước sinh hoạt có thông số kỹ thuật là: chiều cao đẩy $H = 45\text{m}$, lưu lượng $Q = 32 \text{ m}^3/\text{h}$. Thiết kế 2 máy bơm, trong đó 01 máy hoạt động, 01 máy dự phòng.

- Dung tích bể mái: Thiết kế 2 két nước inox mỗi két có dung tích 5 m^3 .

- Dung tích bể chứa: Để đảm bảo trữ nước trong trường hợp mất nước do sự cố công ty sẽ thiết kế bể chứa nước sinh hoạt đồng thời cấp nước cho PCCC có dung tích 150 m^3 .

- Riêng nước cấp dùng cho hệ thống phòng cháy chữa cháy được công ty chúng tôi thiết kế hệ thống nước cho công tác PCCC với 01 họng cứu hỏa. Nước cứu hỏa được lấy từ nguồn nước do công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ cung cấp và được bơm vào mạng lưới đường ống cấp nước chữa cháy đến các hộp cứu hỏa khi có sự cố xảy ra. Trụ nước chữa cháy ngoài nhà được bố trí dọc theo đường giao thông, khoảng cách giữa các trụ không quá 150m (TCVN2622-1995).

4.2.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện:

a. Chỉ tiêu dùng điện cho khu Nhà chợ chính:

TT	Danh mục	Công suất (KW)	Hệ số sử dụng	Cosφ tb	Công suất biểu kiến (KVA)
01	Tầng hầm để xe	15	0.8	0.85	14
02	Tầng 1	40	0.8	0.85	37.6
03	Tầng 2	45	0.8	0.85	42
04	Tầng 3	65	0.8	0.85	61
	Tổng cộng				154,6

b. Chỉ tiêu dùng điện cho 1 ki ốt của khu Nhà 20 ki ốt:

TT	Danh mục công trình	Công suất (KW)	Hệ số sử dụng	Cosφ tb	Công suất biểu kiến (KVA)
01	Tầng 1	3.5	0.6	0.85	2.1
02	Tầng 2	3.0	0.6	0.85	1.8
03	Tầng 3	3.0	0.6	0.85	1.8
Tổng cộng					5.7

Để cấp điện cho công trình một cách an toàn, chủ dự án sử dụng cáp cấp điện đến công trình là cáp điện 1 pha 2 dây 2x6 mm² nâng lên 2x10 mm².

Căn cứ nhu cầu sử dụng điện, chủ dự án lựa chọn xây dựng 01 trạm biến áp 320 KVA.

4.2.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất:

Sau khi hoàn thành xây dựng hạ tầng chợ chính và các ki ốt dự án, chủ dự án sẽ bàn giao cho các tiểu thương kinh doanh. Do vậy trong giai đoạn vận hành Dự án công ty chỉ sử dụng men vi sinh, chế phẩm sinh học bón cầu cho các nhà vệ sinh nhằm tăng cường khả năng hoạt động của hệ thống bể tự hoại và sử dụng một lượng nhỏ hóa chất Clorine trong xử lý nước thải trước khi đầu nối vào HTXL nước thải chung của thành phố Việt Trì.

- Nhu cầu sử dụng men vi sinh, chế phẩm sinh học bón cầu dự kiến: 200 g chế phẩm Bio phốt hoặc chế phẩm DW.97 cho 1 m³ bể tự hoại x 75m³ bể x 4lần/năm = 60,0 kg/năm.

- Nhu cầu sử dụng Clo dùng để sát trùng nước thường dùng ở dạng khí được chứa trong các bình thép và khi clo hóa nước chỉ cần với nồng độ 0,1 - 0,2 mg/l. Tác dụng của clo lên các tế bào sinh trưởng và bào tử của vi sinh vật là không giống nhau: với các tế bào sinh trưởng khả năng diệt khuẩn của clo mạnh hơn nhiều so với bào tử. Các hipoclorit không bền dễ bị phân ly thành Cl₂ và O₂. Khí clo và oxi sơ sinh có tác dụng diệt khuẩn.

Dùng hipoclorit canxi dạng bột - Ca(ClO)₂: hòa tan thành dung dịch 5%, rồi định lượng cho vào bể tiếp xúc với định mức sử dụng theo Mục 7.193-TCXDVN-51-2008 dự kiến khoảng 150 lít/năm.

4.2.5. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp lao động cho dự án:

Trong quá trình thi công và vận hành dự án, chủ đầu tư có phương án ưu tiên đào tạo, sử dụng lao động địa phương, với số nhân công ký hợp đồng và thời vụ như sau:

+ Trong quá trình thi công: dự kiến sử dụng khoảng 30 công nhân là lao động địa phương.

+ Trong giai đoạn hoạt động: Chủ dự án sẽ tuyển dụng 15 lao động chính thức thuộc ban quản lý chợ.

5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

5.1. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình của dự án

Các hạng mục công trình được thiết kế ngôn ngữ kiến trúc hiện đại phù hợp với cảnh quan đô thị, hình khối gọn gàng, đơn giản, công năng sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, hạn chế tối đa các không gian phụ, tận dụng chiếu sáng và thông gió tự nhiên phù hợp với chức năng công trình. Các hạng mục công trình chủ yếu được thiết kế với công năng chú trọng đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong chợ. Hình thức công trình thể hiện rõ được tính hiện đại kết hợp đặc điểm cảnh quan khu vực lân cận, khai thác tốt cảnh quan xung quanh với các điểm nhìn đẹp.

Dự án “Chợ Minh Phương” tại khu Hợp Phương, phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ của Công ty cổ phần Tổng công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc gồm các hạng mục công trình chính và phụ trợ được bố trí trên tổng diện tích 3.171,5 m² như sau:

Bảng 1. 5. Các hạng mục công trình của dự án

TT	Các hạng mục công trình dự án	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Các hạng mục công trình chính		
1	Nhà chợ chính	1.080	34,05%
2	Nhà dịch vụ, thương mại ki - ốt	822	25,92%
II	HTKT và công trình phụ trợ		
1	Sân đường nội bộ (Bố trí chợ vãng lai tại khu vực này với quy mô 55 quây)	901	25,25
2	Bể chứa nước sinh hoạt, bể nước PCCC	50	1,58
3	Trạm biến áp	10	0,31
III	Công trình bảo vệ môi trường		
1	Khu tập kết chất thải rắn	100	6,30
2	Hệ thống thu gom nước mưa	-	
3	Hệ thống thu gom nước thải	-	
4	Hệ thống bể xử lý nước thải	50	1,58
5	Cây xanh cảnh quan	158,5	5,0%

(Nguồn: Thiết kế cơ sở dự án)

5.1.1. Các hạng mục công trình chính của dự án:

1. Nhà chợ chính:

1.1. Giải pháp thiết kế mặt bằng:

- Tầng hầm: Diện tích khoảng 1.025 m², là khu vực để xe hai bánh.
- + Lối vào tầng hầm là 01 đường dốc lớn và 01 hướng cửa từ cầu thang bộ.
- Tầng 1 (Tổng số 24 ki ốt và 96 quây): Diện tích khoảng 1.020 m² được phân thành các khu cho từng ngành: Mỹ phẩm, văn phòng phẩm, giày dép, chè khô, bánh kẹo, đồ gia dụng, đồ thủy tinh, gốm sứ, đồ kim khí.

+ Lối vào các không gian mua bán tầng 1 được tính toán từ 03 hướng, lối vào trực tiếp từ đường giao thông phía Bắc, lối vào từ giữa sân phía Đông, lối vào từ cửa phía cầu thang bộ phía Tây.

+ Các không gian phụ như vệ sinh được bố trí cạnh các nút giao thông phía Đông của khu nhà.

- Tầng 2 (Tổng số 85 quầy): Diện tích khoảng 1.020 m² được tổ chức riêng cho các ngành: Quần áo, vải vóc, điện tử, điện lạnh...

Ngoài hệ thống giao thông đứng được tổ chức từ tầng 1 lên, tầng 2 nhà chợ chính được tổ chức các khoảng thông tầng hợp lý để lấy ánh sáng và thông gió tự nhiên cho công trình.

- Tầng 3 (Khu vui chơi giải trí): Diện tích khoảng 1.020 m² là nơi tập trung các loại hình dịch vụ như thể hình, thể dục thẩm mỹ, cafe, giải khát...

- Hệ thống giao thông đứng bằng 02 thang bộ trong nhà và 01 thang bộ ngoài nhà, giao thông ngang bằng các lối đi.

1.2. Giải pháp thiết kế mặt đứng:

Công trình có phong cách kiến trúc hiện đại, màu sắc tươi sáng phù hợp với chức năng của công trình và cảnh quan chung của khu vực. Chiều cao công trình so với cốt vỉa hè phía Bắc là 17m. Chiều cao nền 0,2m; chiều cao tầng hầm là 3,1m; chiều cao tầng 1,2 là 4,5m; chiều cao tầng 3 là 4,2m; chiều cao mái 3,6m.

1.3. Giải pháp hoàn thiện:

- Các loại vật liệu hoàn thiện được sử dụng là những loại vật liệu truyền thống và các loại vật liệu phổ biến trên thị trường hiện nay:

- Tường bao xây gạch tiêu chuẩn VXM50#, trát VXM 50#, sơn bả theo quy phạm. Nền và sàn nhà lát gạch granite 600x600, nền và sàn vệ sinh lát gạch 300x300.

- Sân bê tông láng VMX#75

- Công trình mái sử dụng sàn bê tông cốt thép kết hợp hệ mái khung thép lợp tôn.

- Công trình sử dụng hệ cửa, vách kính khung nhôm hệ.

1.4. Thông số kỹ thuật:

- Diện tích xây dựng: S_{xd} = 1.080 m²

- Tổng diện tích sàn: S_s = 4.400 m²

2. Nhà dịch vụ thương mại, ki ốt:

2.1 Giải pháp thiết kế mặt bằng chung:

+ Các khu ki ốt được thiết kế với các modun chung có kích thước là: 4x10; 4x11 và các lô có kích thước mặt tiền 4m, chiều dài xéo, các lô đầu ve có kích thước khác nhau tùy theo vị trí lô đất.

+ Phần thang của các ki ốt được thiết kế về cuối nhà nhằm tận dụng tối đa không gian kinh doanh buôn bán. Khu vệ sinh được thiết kế dưới gầm cầu thang(tầng 1) và bên hông thang tại vị trí tầng 2 và tầng 3.

2.2. Nhà ki ốt dịch vụ số 1:

- Được bố trí ở phía Bắc khu đất và giáp đường quy hoạch lớn.
- Nhà ki ốt kinh doanh bao gồm 14 ki ốt, với kích thước các lô 4x10m và diện tích xây dựng là 40 m².

- Các thông số kỹ thuật chính cho một ki ốt:

- + Diện tích xây dựng: 40 m².

- + Tổng diện tích sàn: 130 m².

- + Chiều cao tầng: tầng 1 là 3,6m; tầng 2,3 là 3,3m; tầng tum là 3m.

2.3. Nhà ki ốt dịch vụ số 2:

- Được bố trí ở phía Bắc khu đất và giáp đường quy hoạch lớn.
- Nhà ki ốt kinh doanh bao gồm 02 ki ốt, với kích thước các lô 4x11m và diện tích là 44 m².

- Các thông số kỹ thuật chính cho một ki ốt:

- + Diện tích xây dựng: 44 m².

- + Tổng diện tích sàn: 142 m².

- + Chiều cao tầng: tầng 1 là 3,6m; tầng 2,3 là 3,3m; tầng tum là 3m.

2.4. Nhà ki ốt dịch vụ số 3:

- Được bố trí ở góc đầu về phía Đông Bắc khu đất và giáp đường quy hoạch lớn.

- Nhà ki ốt kinh doanh bao gồm 01 ki ốt với diện tích 65,8 m².

- Các thông số kỹ thuật chính:

- + Diện tích xây dựng: 65,8 m².

- + Tổng diện tích sàn: 216,4 m².

- + Chiều cao tầng: tầng 1 là 3,6m; tầng 2,3 là 3,3m; tầng tum là 3m.

2.5. Nhà ki ốt dịch vụ số 4:

- Được bố trí ở phía Đông khu đất và giáp đường quy hoạch lớn.

- Nhà ki ốt kinh doanh bao gồm 01 ki ốt, với kích thước lô: mặt tiền 4m, chiều sâu cạnh dài 9,4m, chiều sâu cạnh ngắn 8,52m với diện tích là 35,6 m².

- Các thông số kỹ thuật chính:

- + Diện tích xây dựng: 35,6 m².

- + Tổng diện tích sàn: 120,7 m².

- + Chiều cao tầng: tầng 1 là 3,6m; tầng 2,3 là 3,3m; tầng tum là 3m.

2.6. Nhà ki ốt dịch vụ số 5:

- Được bố trí ở góc đầu về phía Đông Nam khu đất và giáp đường quy hoạch lớn và đường dân sinh.

- Nhà ki ốt kinh doanh bao gồm 01 ki ốt với diện tích 36 m².

- Các thông số kỹ thuật chính:

+ Diện tích xây dựng: 36 m².

+ Tổng diện tích sàn: 123,7 m².

+ Chiều cao tầng: tầng 1 là 3,6m; tầng 2,3 là 3,3m; tầng tum là 3m.

2.7. Nhà ki ốt dịch vụ số 6:

- Được bố trí ở phía Nam khu đất và giáp đường quy hoạch lớn.

- Nhà ki ốt kinh doanh bao gồm 01 ki ốt, với kích thước lô: mặt tiền 4m, chiều sâu cạnh dài 9,15m, chiều sâu cạnh ngắn 8,75m với diện tích là 35,6 m².

- Các thông số kỹ thuật chính:

+ Diện tích xây dựng: 35,6 m².

+ Tổng diện tích sàn: 125,2 m².

+ Chiều cao tầng: tầng 1 là 3,6m; tầng 2,3 là 3,3m; tầng tum là 3m.

2.8. Giải pháp thiết kế mặt đứng chung:

- Hình thức kiến trúc của công trình mang dáng vẻ và phong cách phù hợp với đặc thù của công việc và công năng sử dụng

- Công trình thể hiện được sự năng động, phù hợp với tính chất của một công trình chợ và thể hiện rõ nét về hình thức của 1 tuyến phố thương mại.

- Khai thác yếu tố kỹ thuật mới trong bố cục, trong xây dựng, trong xử lý vật liệu...

- Chiều cao tầng: tầng 1 = 3,6m; tầng 2 = 3,3m; tầng 3 = 3,3m; tầng tum là 3m.

5.1.2. Khối lượng và quy mô các hạng mục công trình phụ trợ của dự án:

1. Chợ vắng lai: Chợ vắng lai hợp ngoài trời phục vụ các hoạt động buôn bán ngoài trời của người dân.

Khu vực bán hàng ngoài trời của chợ vắng lai đặt tại vị trí trung tâm tại phía Nam dự án, thuận tiện giao thông đi lại, mua bán ngoài trời.

2. Bãi đỗ xe: Bãi đỗ xe được bố trí 01 khu vực trong khuôn viên sân đường với tổng diện tích khoảng 200m². Nền được đổ bê tông xi măng để phục vụ việc đỗ xe máy, ô tô của khách hàng và các hộ tiểu thương kinh doanh tại chợ. Bãi đỗ xe được kết hợp làm khu bốc xếp hàng hóa.

3. Cổng chợ, lối ra vào và hệ thống đường giao thông nội bộ trong chợ.

Cổng chính được bố trí giáp với tuyến đường quy hoạch rộng 30m phía Tây của khu đất.

5.1.3. Các công trình bảo vệ môi trường:

**** Bãi tập kết, thu gom rác thải và khu vực vệ sinh công cộng:***

Dự án bố trí 01 bãi tập kết và thu gom rác thải với diện tích khoảng 100 m². Rác thải của toàn bộ khu vực chợ sẽ được tập kết tại khu vực này. Cuối

ngày sẽ chuyển lên xe chở rác chuyên dụng và đưa đến nhà máy chế biến chất thải của thành phố.

Nhà vệ sinh công cộng được bố trí giáp với nhà BQL chợ để thuận tiện cho việc quản lý và dọn dẹp vệ sinh. Nhà vệ sinh được phân thành 02 khu vực riêng biệt dành riêng cho nam và nữ, có nhân viên vệ sinh trực thu vé và dọn dẹp vệ sinh.

*** Bể tự hoại, bể chứa nước sinh hoạt, PCCC, bể chứa và xử lý nước thải:**

Bể tự hoại được đặt dưới chân công trình nhà vệ sinh của các dãy nhà chợ chính và nhà dịch vụ thương mại - ki ốt 03 tầng.

Bể chứa nước sinh hoạt, bể chứa nước PCCC được bố trí phía Đông Nam khu đất. Bể chứa nước cấp sinh hoạt kết hợp với PCCC có dung tích khoảng 150m³ được thiết kế đổ bằng bê tông toàn khối và có nắp đậy.

Bể xử lý nước thải được thiết kế với quy mô 02 bể lắng dung tích 35 m³/bể; 01 bể khử trùng dung tích 5 m³/bể, được thiết kế đổ bằng bê tông toàn khối và có nắp đậy.

*** Hệ thống thu gom nước thải:**

Hệ thống rãnh thu gom nước thải của toàn bộ khu vực chợ vĩnh lai được bố trí hai bên các tuyến đường nội bộ. Hệ thống rãnh thoát nước này có bố trí các tấm đan bằng thép để thuận tiện cho việc cọ rửa và vệ sinh. Nước thải của toàn bộ khu vực chợ vĩnh lai được thu gom qua hệ thống rãnh và chảy xuống bể chứa của hệ thống xử lý nước thải. Nước thải sau khi được xử lý sẽ đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của khu vực dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của thành phố tại khu Hạ Bạ, phường Minh Nông.

*** Khu cây xanh:**

Được bố trí dàn trải trong khu vực dự án với diện tích bằng 5% tổng diện tích dự án, tạo ra không gian mở, sinh thái, hình thành lá phổi xanh cho cả khu vực. Không gian này kết hợp với hệ thống cây xanh theo các tuyến đường và cây xanh trong khuôn viên từng công trình tạo ra một diện tích phủ xanh lớn, đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp. Không trồng các loại cây có hoa quả thu hút ruồi muỗi, sâu bọ, loại cây dễ đổ và loại cây có nhựa độc. Trồng các loại cây cao to, tán rộng tạo bóng mát, có màu sắc tạo nên cảnh quan chung, ngăn và giảm tiếng ồn, bụi cho các công trình như: phượng vĩ, bằng lăng, sấu, cơm nguội, móng bò, lộc vừng, tràm bông đỏ, muồng ngủ, muồng hoa đào, riêng riêng... hoặc các các loại cây bản địa; phần tiếp giáp tường rào các công trình được thiết kế tạo thành các thảm trồng cỏ xen lẫn các bụi hoa nhiều màu làm tôn thêm vẻ đẹp mặt đứng các công trình.

5.2. Danh mục máy móc, thiết bị dự án

Đối với loại hình chợ, Công ty chỉ xây dựng hạ tầng và kiến trúc để cho thuê, các máy móc thiết bị phục vụ kinh doanh do các cơ sở kinh doanh tự trang bị theo nhu cầu.

Các máy móc, thiết bị trong giai đoạn hoạt động của dự án chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt, công tác của cán bộ nhân viên ban quản lý chợ, cụ thể như sau:

Bảng 1. 6. Danh mục máy móc, thiết bị trong giai đoạn hoạt động

TT	Loại	Số lượng	Đơn vị	Xuất xứ
1	Giường ngủ 1,5m	2	cái	Việt Nam
2	Tủ quần áo	1	cái	Trung Quốc
3	Tủ lạnh	1	cái	Nhật-Việt Nam
4	Tivi LCD 26 inch	1	cái	Nhật-Việt Nam
5	Salon (6 ghế)	1	Bộ	Việt Nam
6	Bàn ghế làm việc	1	Bộ	Việt Nam
7	Tủ hồ sơ	1	Cái	Việt Nam
8	Bàn ghế họp	1	Bộ	Việt Nam
9	Máy vi tính	2	Bộ	Việt Nam
10	Máy in trắng đen A4	3	Máy	Việt Nam
11	Máy điều hòa 2 HP	1	Máy	Nhật

5.3. Biện pháp tổ chức thi công các hạng mục công trình của dự án

5.3.1. Phương án san nền:

Do mặt bằng hiện trạng khu vực thực hiện dự án được thực hiện trên nền mặt bằng của chợ Minh Phương hiện hữu sau khi thực hiện các thủ tục pháp lý về đầu tư và đất đai, công ty tiến hành phá dỡ các hạng mục nhà chợ tạm trên mặt bằng và tiến hành xây dựng theo thiết kế được phê duyệt đó đó công ty không cần thực hiện san gạt tôn tạo tạo mặt bằng trước khi đầu tư xây dựng công trình.

5.3.2. Phương án kiến trúc xây dựng:

a. Giải pháp về quy hoạch tổng mặt bằng:

Tổng mặt bằng xây dựng tuân thủ theo những quy định của quy chuẩn và quy phạm hiện hành về mật độ xây dựng, phân khu chức năng và các khoảng lùi tối thiểu đối với công trình tại khu vực có đường đi qua. Đáp ứng được các yêu cầu về khu đất xây dựng và quy hoạch tổng mặt bằng:

- Giao thông thuận tiện và an toàn.
- Thuận tiện cho việc cung cấp điện.
- Cấp thoát nước thuận tiện theo quy hoạch chung của vùng.
- Công trình không phải thiết kế hệ thống san nền.

- Trong khuôn viên xây dựng cần thiết phải tạo ra khoảng cách tối thiểu để xử lý đường giao thông nội bộ. Khu đất thực hiện dự án có 3 mặt hướng tiếp giáp đường giao thông nên thuận lợi cho đường xe cứu hỏa chạy được xung quanh công trình khi có sự cố. Và đảm bảo giao thông liên hệ giữa công trình và các không gian khu vực.

- Thông số kỹ thuật quy hoạch tổng mặt bằng:

+ Tổng diện tích khu đất: 3.171,5 m²;

+ Tổng diện tích xây dựng: 1.902 m²;

+ Diện tích sân đường, cây xanh, công trình phụ trợ: 1.269,5 m²;

+ Chiều cao công trình: 1-3 tầng

+ Mật độ xây dựng : 60%

+ Mật độ sân đường, cây xanh: 40%

⇒ *Nhận xét:* Quy hoạch tổng mặt bằng phân khu chức năng rõ ràng, các khối công trình gắn kết liên tiếp đồng bộ, hạng mục công trình có hình thức kiến trúc đẹp và gọn gàng tạo nên Tổng mặt bằng đơn giản, các khối công trình có hình khối cơ bản dễ bố trí và tiết kiệm được quỹ đất, tạo thuận lợi cho quá trình đầu tư, không lãng phí đất đai khi chưa có nhu cầu sử dụng đất.

b. Phương án kiến trúc và giải pháp xây dựng:

Các hạng mục công trình được thiết kế ngôn ngữ kiến trúc hiện đại phù hợp với cảnh quan đô thị, hình khối gọn gàng, đơn giản, công năng sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, hạn chế tối đa các không gian phụ, tận dụng chiếu sáng và thông gió tự nhiên phù hợp với chức năng công trình. Các hạng mục công trình chủ yếu được thiết kế với công năng chú trọng đáp ứng nhu cầu kinh doanh trong chợ. Hình thức công trình thể hiện rõ được tính hiện đại kết hợp đặc điểm cảnh quan khu vực lân cận, khai thác tốt cảnh quan xung quanh với các điểm nhìn đẹp.

5.3.3. Giải pháp về công trình và biện pháp thi công:

Biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án được thực hiện trên diện tích 3.171,5 m² bao gồm: Nhà chợ chính: 205 quầy; Nhà dịch vụ thương mại, ki ốt: 20 ki ốt; Chợ vắng lai: 55 quầy.

a. Giải pháp về vật liệu xây dựng:

1. Bê tông:

- Bê tông các cấu kiện: cọc, đài móng, giằng móng, cột, dầm, sàn, thang dùng bê tông có cấp độ bền B20 (mác 250); Cường độ chịu nén thiết kế của bê tông là $R_b = 115 \text{ kg/cm}^2$, $E_b = 270000 \text{ kg/cm}^2$.

- Bê tông các cấu kiện không chịu lực(lanh tô, ô văng, lam bê tông...): dùng bê tông có cấp độ bền B15 (mác 200); Cường độ chịu nén thiết kế của bê tông là $R_b = 85 \text{ kg/cm}^2$, $E_b = 230000 \text{ kg/cm}^2$.

- Bê tông lót đá 4x6, vữa xi măng mác 100#.

2. Cốt thép:

- Các thép có đường kính $\phi < 10$ dùng thép CI hoặc tương đương có $R_s = R_{sc} = 2250 \text{ kG/cm}^2$;

- Các thép có đường kính $10 \leq \phi \leq 18$ dùng thép CII hoặc tương đương có $R_s = R_{sc} = 2800 \text{ kG/cm}^2$;

- Các thép có đường kính $\phi > 18$ dùng thép CIII hoặc tương đương có $R_s = R_{sc} = 3650 \text{ kG/cm}^2$.

3. Các vật liệu khác:

- Vữa xây mác M50#(B5)

- Gạch xây mác M75#.

- Bulông móng làm từ thép MNSI - $RA = 1.920 \text{ kg/cm}^2$.

- Bulông liên kết cho bản mã khung chính làm từ bulông có cấp độ bền M8.8 cho các bulông M24, M30; các, bulông liên kết khác dùng loại M6.6.

- Các liên kết hàn dùng que hàn N42 hoặc loại có cường độ tương đương; các liên kết hàn phải hàn hết chiều dài tiếp xúc của cấu kiện liên kết (với $H_{\min} = 8\text{mm}$).

- Sơn 3 lớp trong đó: 01 lớp chống gỉ và 02 lớp phủ ngoài.

- Mái lợp sử dụng tôn màu dày 0,42mm.

- Vật tư đường ống cấp nước: Đường ống cấp nước sử dụng ống HDPE loại PN16 cho mạng cấp I (đường kính D110 ÷ D135), và ống HDPE loại PN10 cho mạng cấp II (đường kính D40 ÷ D50).

- Vật liệu cống thoát nước: Sử dụng cống tròn BTCT và các gối đỡ, măng sông đúc sẵn đồng bộ, tải trọng C(H30).

b. Biện pháp thi công:

*** Công tác chuẩn bị mặt bằng:**

- Nhà thầu thi công nhận mặt bằng, nhận giao tim, mốc giới của chủ đầu tư và đơn vị thiết kế;

- Tiến hành công tác trắc đạc phục vụ xây lắp công trình;

- Kiểm tra lại tim cốt thực tế định vị được vị trí của các hạng mục công trình;

- Triển khai thi công các hạng mục công trình.

Hiện trạng khu đất thực hiện dự án đã có sẵn mặt bằng thi công, do đó, công ty chúng tôi không cần thực hiện công tác san lấp mặt bằng.

*** Tiêu chuẩn thiết kế:**

Theo tiêu chuẩn TCVN 2737-95 về tải trọng gió các công trình, có tải trọng gió thiết kế thuộc vùng III - B.

- Bộ Quy chuẩn xây dựng Việt Nam (các tập 1, 2, 3).

- QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng;

- QCVN 03:2012/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nguyên tắc phân loại phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- QCXDVN 09:2013 - Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng có hiệu quả;

- Quy chuẩn hệ thống cấp thoát nước trong nhà và công trình.

- QCVN 02:2009/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

- QCVN 06:2010/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;

** Cu thể quy trình xây dựng của dự án:*

Trên tổng mặt bằng khu vực dự án đơn vị thi công bố trí các hạng mục như sau:

+ Dựng lán trại phục vụ chỉ huy xây dựng tại phía Đông.

+ Bố trí diện tích tập kết nguyên vật liệu phục vụ thi công tại phía Tây.

+ Đầu tư 01 nhà vệ sinh di động phía Đông Bắc.

- Tiếp nhận vật tư và bảo quản: Vật tư bao gồm cọc móng, xi măng, gạch, cát, khung nhà. Vì kèo, mái tôn được sử dụng theo tiến độ xây dựng của dự án và được tập kết tại khu đất trống phía Tây. Vật liệu tập kết được để đúng vị trí quy định của công ty đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh. Các vật liệu như xi măng, sắt, mái tôn được phủ bạt nhằm hạn chế các tác động gây giảm chất lượng công trình.

- Thi công xây dựng nhà chợ chính, khu ki ốt, nhà điều hành:

Nhà chợ chính và các khu nhà ki ốt được thiết kế là khung, sàn bê tông, đổ bê tông mái, lợp tôn chống nóng, bố trí hệ thống thông gió tự nhiên bằng hệ thống cửa, hệ thống quạt gió và hệ thống điều hòa đảm bảo môi trường kinh doanh của chợ, các ki ốt thoáng mát. Quá trình xây dựng các hạng mục công trình đảm bảo các kỹ thuật sau:

+ Thi công nền móng:

Tiến hành công tác đào đất bằng cơ giới đến cao trình cách cao trình thiết kế móng từ 0,3 đến 0,5m, sau đó tiến hành đào thủ công nền đất đến cao độ thiết kế, đầm nén nền móng đạt yêu cầu, định vị tim trục và tiến hành đổ bê tông lót, lớp bê tông lót phải đúng kích thước, cao độ và vị trí bằng phẳng.

Công tác bê tông sẽ được thực hiện cho móng sau khi coffa và cốt thép đạt yêu cầu. Bê tông được vận chuyển đến vị trí đổ bằng xe vận chuyển bê tông chuyên dụng. Trong quá trình đổ bê tông, bố trí người trực coffa, cốt thép, bu lông... để phòng các sự cố bất thường xảy ra. Bảo dưỡng bê tông bằng tấm phủ nhựa hoặc bao bố và tưới nước thường xuyên nhằm giữ ẩm cho bê tông.

+ Thi công lắp dựng khung chính:

Đây là phần lắp đặt chính của nhà thép tiền chế, sử dụng xe cầu 15 tấn để lắp dựng cột. Quá trình lắp dựng cột phải bố trí xe cầu hợp lý để lắp, tránh bị uốn cong thanh kèo làm tuổi thọ công trình bị giảm sau này. Quá trình lắp đặt cột, kèo phải đảm bảo thực hiện theo đúng yêu cầu kỹ thuật an toàn trong lắp đặt nhà cao tầng khung bê tông cốt thép.

Việc lắp đặt cột, kèo đầu tiên là quan trọng nhất, nó định hình toàn bộ cho cả khu nhà sau này:

Sau khi lắp đặt cột, kèo đầu tiên xong, sẽ giằng nứu thật chặt đảm bảo cột kèo không bị xô dịch. Công đoạn thi công này phải làm thật tốt và chuẩn để làm căn cứ tiếp tục triển khai công đoạn tiếp theo.

+ Lắp dựng phần tôn mái: Việc lắp dựng phần tôn mái được tiến hành sau khi phần lắp dựng khung chính đã hoàn thành và căn chỉnh chính xác, các bu lông, thanh giằng đã được bắt chặt.

+ Lắp dựng tôn thung tường: Thi công lắp dựng tôn tường kết hợp với xây dựng tường đảm bảo ăn khớp giữa phần xây dựng và phần lắp đặt.

+ Hoàn thiện: Kiểm tra lại các bu lông đã bắt, các khe hở tại các điểm nối tôn với tôn, khe hở tại các ô cửa thông gió để đảm bảo sau này không bị dột và công trình được thi công chất lượng.

+ Thi công lắp đặt hệ thống công nghệ: Xác định vị trí đường ống, đường điện, kiểm tra lỗi kỹ thuật, cao trình theo đúng thiết kế. Quá trình lắp đặt phải tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng thiết kế, đảm bảo đúng kỹ thuật lắp đặt.

- Thi công xây dựng các công trình phụ trợ:

+ Thi công hệ thống giao thông gồm:

- Đo đạc xác định vị trí mặt bằng thi công trên tuyến.

- Thi công nền đường đào đắp thường: Sử dụng tổ hợp máy xúc, máy ủi để đào nền đường, dùng nhân công sửa sang nền đường. Đất đào ra một phần tận dụng cho đắp nền, phần dư dùng để đắp nền các khu vực khác của dự án.

- Thi công nền đường đắp: Nền đắp được thi công hoàn toàn bằng máy, đất đắp độ chặt đảm bảo $K > 95$.

- Khuôn đường: Dùng máy thi công theo đúng kích thước và độ dốc ngang, chỉnh sửa lại bằng nhân công, tiến hành lu chèn đạt độ chặt rồi tiến hành thi công lớp mặt đường.

- Thi công công trình trên tuyến: Bao gồm cống thoát nước ngang, rãnh gia cố đá hộc xây, cọc tiêu, biển báo.

- Thi công mặt đường: đổ bê tông dày 50cm, mác 250.

→ Các vật liệu xây dựng: Vật liệu đá, bê tông...được mua trên địa bàn tỉnh, trong bán kính từ <30km.

+ Thi công công trình cấp điện:

- Các công tác chính: Đào móng, móng néo, đào rãnh đặt tiếp địa; lắp đặt trạm biến áp; dựng cột; lắp xà, sứ cách điện, dây néo.

- Tổ chức thi công tại hiện trường: Kho kín để xi măng, sắt thép, thiết bị điện và phụ kiện; kho hở có hàng rào bảo vệ dây dẫn, xà sứ và dụng cụ thi công.

- Các phương án xây lắp chính: Công tác đào đắp đất; công tác đào móng cột bằng thủ công; lấy hố các vị trí chân cột sau khi nghiệm thu bằng biện pháp thủ công. Đất thừa được tận dụng để đắp khu vực trồng cây xanh; lắp đặt trạm biến áp bằng cơ giới và các dụng cụ chuyên dùng; công tác dựng cột bằng biện pháp thủ công kết hợp tời, tó, dây chằng, lắp xà kéo dây (rải căng dây, lấy độ võng bằng biện pháp thủ công và các dụng cụ chuyên dùng); hạ trạm điện tạm phục vụ thi công.

+ Thi công công trình cấp, thoát nước:

- Chuẩn bị vật liệu xây dựng: Các loại vật liệu chính như xi măng, sắt thép, cát, sỏi, đá dăm được vận chuyển theo đường ô tô từ đường chính tới chân công trình và tập kết tại kho vật tư công trường. Từ kho của công trường vật liệu được vận chuyển để xây dựng công trình bằng các loại xe cơ giới nhỏ.

→ Biện pháp thi công:

- Định vị các vị trí đầu mối, bể lắng, bể chứa, hố van, tuyến đường ống... theo yêu cầu của hồ sơ thiết kế.

- Bố trí thi công bao gồm các công tác cơ bản sau: Công tác thi công đất (đào đất, đắp đất); Công tác thi công ván khuôn; Công tác cốt thép; Công tác thi công bê tông; Công tác thi công xây lát; thi công lắp đặt các cây ống (sau khi lắp đặt đường ống xong tiến hành lắp đặt ngay để trả lại mặt bằng hiện trạng).

- Vật tư đường ống cấp nước: Đường ống cấp nước sử dụng ống HDPE loại PN16 cho mạng cấp I (đường kính D110 ÷ D135) và ống HDPE loại PN10 cho mạng cấp II (đường kính D40 ÷ D50).

- Vật liệu cống thoát nước mưa: Sử dụng cống tròn BTCT B400 và B600 và các gối đỡ, măng sông đúc sẵn đồng bộ, tải trọng C(H30).

- Vật liệu thoát nước thải: sử dụng ống nhựa PVC đi ngầm.

* Thời gian thi công:

- Chế độ làm việc: 01 ca/8 giờ.

- Thời gian thi công xây dựng: Dự tính 06 tháng, trong đó:

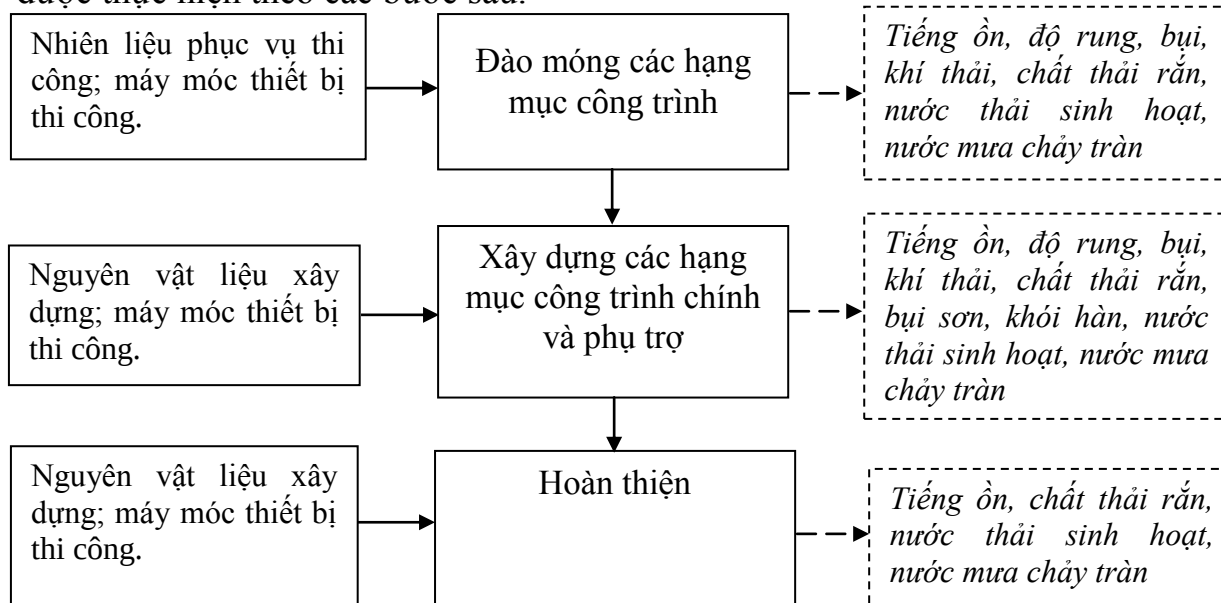
+ Thời gian tiến hành đào móng xây dựng: 01 tháng.

+ Thời gian thi công xây dựng các hạng mục công trình chính và các công trình phụ trợ khác: 05 tháng.

- Số người lao động sử dụng: 30 người.

* *Biện pháp thi công cơ giới kết hợp với thủ công:*

Trong giai đoạn thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án được thực hiện theo các bước sau:



Hình 1.4. Trình tự thi công xây dựng Dự án

- + Việc xây trát sẽ thực hiện bằng thủ công.
- + Đổ bê tông bằng bê tông tươi, tiến hành thi công bằng thủ công kết hợp máy bơm bê tông, đầm, dùi bê tông.

5.4. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

5.4.1. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án:

* *Thời gian hoạt động của dự án:* 49 năm.

* *Tiến độ thực hiện dự án:*

Tiến độ thực hiện dự án được quy định trong chủ trương đầu tư do UBND tỉnh cấp tại Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 và cấp điều chỉnh lần thứ nhất tại văn bản số 1065/UBND-KTN ngày 19/3/2019; điều chỉnh lần thứ hai tại Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 14/4/2022, cụ thể:

+ Từ tháng 5/2021 đến hết tháng 01/2022: Hoàn thành thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.

+ Từ tháng 2 đến hết tháng 8/2022: Triển khai xây dựng dự án.

+ Tháng 9 năm 2022 dự án hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động.

5.4.2. Vốn đầu tư:

- Tổng vốn đầu tư: 32.314.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ ba trăm mười bốn triệu đồng); trong đó:

+ Vốn góp của nhà đầu tư: 9.694.000.000 đồng (Chín tỷ sáu trăm chín mươi triệu đồng), chiếm 30% tổng vốn đầu tư.

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng), chiếm 70% tổng vốn đầu tư.

- Vốn đầu tư cho các công trình bảo vệ môi trường của dự án chiếm 15% tổng vốn đầu tư, tức khoảng 5.105.000.000 đồng.

5.5. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Căn cứ vào quy mô và tính chất của dự án, dự kiến lựa chọn hình thức quản lý dự án là: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án. Chủ đầu tư sẽ thành lập một ban quản lý dự án để quản lý, điều hành dự án.

5.5.1. Giai đoạn chuẩn bị:

Công ty phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để đẩy nhanh việc tháo dỡ các hạng mục công trình chợ tạm trên tổng mặt bằng dự án cho phù hợp với tiến độ đầu tư. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị cung cấp hạ tầng (điện, nước...) trên địa bàn để triển khai thiết kế, thi công đầu nối đúng quy định.

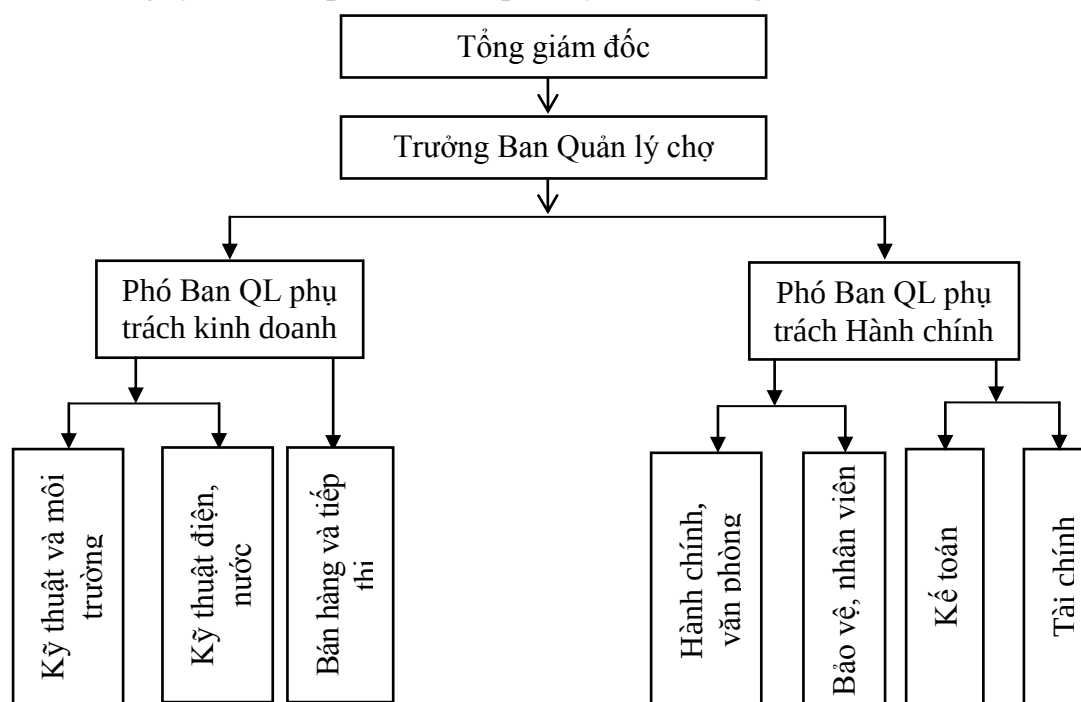
5.5.2. Giai đoạn thi công:

Chủ đầu tư sẽ thực hiện trực tiếp quản lý dự án, tổ chức thi công, lựa chọn nhà thầu phụ và trực tiếp giám sát, quản lý khối lượng, chất lượng công trình và tiến độ thi công. Việc tổ chức thực hiện các dịch vụ công ích (giữ gìn vệ sinh môi trường, đảm bảo an ninh...) sẽ được chủ đầu tư giao trách nhiệm cho Ban quản lý dự án thực hiện.

Trong giai đoạn thi công xây dựng, chủ dự án ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương, tại công trường không tổ chức nấu ăn, ở cho công nhân, nhà thầu thi công sẽ ký hợp đồng với đơn vị cung cấp suất ăn công nghiệp hoặc công nhân về nhà, ăn tại các cửa hàng ăn xung quanh khu vực dự án.

5.5.3. Giai đoạn hoạt động:

Công ty thành lập một Ban quản lý chợ: 20 người



Hình 1. 5. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của dự án khi đi vào hoạt động

Ban quản lý chợ sẽ tổ chức theo loại hình doanh nghiệp, tự trang trải các chi phí, có tư cách pháp nhân.

Ban quản lý chợ có trách nhiệm quản lý các hoạt động trong phạm vi chợ, thực hiện ký hợp đồng với thương nhân về thuê, sử dụng điểm kinh doanh, kinh doanh các dịch vụ tại chợ, tổ chức bảo đảm công tác phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự và an toàn thực phẩm trong phạm vi chợ.

Ban quản lý chợ có trách nhiệm xây dựng Nội quy của chợ (theo Điều 10 Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 và Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ); tổ chức thực hiện Nội quy chợ và xử lý các vi phạm về nội quy chợ; điều hành chợ hoạt động và tổ chức phát triển các hoạt động tại chợ.

Ban quản lý chợ gồm 20 người để quản lý và giải quyết các vấn đề của Chợ Minh Phương theo các quy định của pháp luật, cụ thể:

- Trưởng ban, phó ban: 03 người
- Tổ bảo vệ, an ninh trật tự: 05 người
- Tổ thu phí chợ: 02 người
- Tổ vệ sinh môi trường: 05 người
- Tổ điện nước, phòng chống cháy nổ: 02 người
- Tổ kiểm dịch, quản lý chất lượng hàng hóa: 03 người

Ngoài ra, các thương nhân, hộ gia đình thuê mặt bằng kinh doanh tại chợ và các hộ gia đình sinh sống trong khu đô thị phải chấp hành các quy định chung, đồng thời phải có ý thức tự giác bảo vệ môi trường chung trong khu vực hoạt động và sinh sống.

*** Công tác khác:**

Ban quản lý dự án có chức năng và trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn xã hội trong khu vực dự án; Phối hợp với các phòng chức năng tổ chức thực hiện các công việc:

- Giải quyết thủ tục về vốn đầu tư của dự án. Quản lý nguồn vốn đầu tư, lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư định kỳ theo quy định.
- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các hợp đồng kinh doanh của dự án, tổ chức thu hồi nợ tồn đọng, đề xuất các biện pháp giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm của khách hàng.
- Thay mặt chủ dự án trực tiếp giao dịch với các cấp chính quyền trong phạm vi cho phép.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

1.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch của tỉnh

- Dự án “Chợ Minh phương, thành phố Việt Trì” của Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc có vị trí thuộc nội thành thành phố Việt Trì, hoàn toàn phù hợp với điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đến năm 2030 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1214/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 7 năm 2015 trong đó nêu rõ định hướng phát triển hệ thống thương mại và dịch vụ của thành phố Việt Trì như sau: Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nâng cấp các công trình thương mại, dịch vụ hiện có. Xây dựng Trung tâm thương mại cấp vùng và khu Hội chợ Hùng Vương ở phía Nam khu Di tích lịch sử Đền Hùng; xây dựng chợ đầu mối tại khu vực phía Nam quảng trường Hùng Vương với quy mô 10 ha; cải tạo Chợ trung tâm thành phố hiện nay thành Trung tâm thương mại đa năng; xây dựng trục thương mại dịch vụ dọc tuyến đường Nguyễn Tất Thành (đoạn nắn tuyến mới, kế cận đoạn giao cắt với đường Hùng Vương), dọc tuyến đường Phù Đổng và hình thành các tuyến, khu phố ẩm thực ven sông Lô. Trong tương lai, xây dựng khu dịch vụ cao cấp Sân Golf tại vị trí phía Đông Bắc xã Kim Đức. Để đáp ứng nhu cầu đẩy nhanh tốc độ phát triển đô thị như theo định hướng của Thủ tướng chính phủ, việc thực hiện tốt công tác xã hội hóa đầu tư cụ thể trong lĩnh vực chợ đầu mối cũng như nhà ở liên kề... để cải thiện điều kiện sinh hoạt, làm việc cho nhân dân, nâng cao hiệu quả khai thác lao động cũng như sản vật địa phương là một việc làm cấp thiết, mang lại đóng góp đáng kể và có ý nghĩa đối với nền kinh tế địa phương.

- Dự án phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 được Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định số 6481/QĐ - BCT ngày 26/6/2015; Quy hoạch mạng lưới bán buôn bán lẻ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt tại Quyết định số 831/QĐ - UBND ngày 26/3/2012.

1.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải

1.2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận nước thải:

Vị trí thực hiện Chợ Minh phương, thành phố Việt Trì của Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc nằm gần tuyến đường

Đại Nãi và đường Hùng Vương (Đại lộ Hùng Vương), các trục chính của khu đô thị Minh Phương có mật độ lưu thông của các loại xe cỡ lớn khá cao nên chỉ tiêu môi trường nền đối với tiếng ồn tại khu vực này là tương đối cao nhưng chưa đến mức vượt QCCP. Từ các bảng kết quả phân tích về môi trường không khí khu vực thực hiện dự án cho thấy hiện tại môi trường chưa có dấu hiệu ô nhiễm. Tuy nhiên, khi dự án đi vào hoạt động sẽ phát sinh các nguồn thải gây tác động đến môi trường khu vực nhất là nước thải sinh hoạt, nước thải từ khu giết mổ gia cầm, thủy hải sản, chất thải rắn sinh hoạt nếu không được thu gom và xử lý theo đúng quy định sẽ gây ô nhiễm môi trường cho khu vực. Dự án sẽ thực hiện các biện pháp quản lý, xử lý tốt để hàm lượng các chất thải ra môi trường phải đảm bảo tiêu chuẩn Việt Nam tương ứng cho phép áp dụng, nước thải của dự án với đặc thù là nước thải sinh hoạt, nước thải từ khu giết mổ gia cầm, thủy hải sản do đó việc xử lý sẽ không phức tạp, công ty sẽ thiết kế việc thu gom xử lý nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh, nước thải từ khu thủy hải sản, buôn bán giết mổ gia cầm, vệ sinh quầy thịt tươi sống để xử lý qua bể tự hoại dẫn về hệ thống các bể lắng sau đó đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của thành phố tại bãi Hạ Bạ, phường Minh Nông để xử lý đảm bảo đạt QCVN 14: 2008/BTNMT (mức A) trước khi thải ra môi trường. Đối với chất thải rắn sẽ được tổ vệ sinh môi trường của Ban quản lý chợ thu gom tập kết theo đúng quy định, hàng ngày công ty sẽ hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường và dịch vụ đô thị thành phố Việt Trì vận chuyển đi xử lý. Hơn nữa, với đặc thù vị trí của dự án gần với khu vực dân cư có trình độ văn hóa, mức sống cao nên nhận thức về vấn đề vệ sinh môi trường, giữ gìn cảnh quan môi trường đô thị đảm bảo văn minh, hiện đại được chú trọng vì vậy phạm vi ảnh hưởng trong quá trình thực hiện dự án đến môi trường xung quanh sẽ được giảm thiểu.

1.2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận khí thải:

Do đặc thù hoạt động dự án là xây dựng và kinh doanh hạ tầng chợ hoạt động dịch vụ thương mại nên không có nguồn phát thải khí thải. Môi trường không khí khu vực chỉ bị tác động bởi khí thải từ các phương tiện giao thông như xe máy, ô tô sử dụng nhiên liệu là xăng, dầu. Tuy nhiên, lượng khí thải phát sinh từ các hoạt động này không nhiều, môi trường không khí tại khu vực rộng, thoáng nên khí thải của các phương tiện dễ khuếch tán vào không khí. Ngoài ra, qua tham khảo kết quả của Dự án “Thực hiện lưới quan trắc, phân tích, cảnh báo ô nhiễm môi trường hàng năm trên địa bàn tỉnh Phú Thọ” và kết quả phân tích hiện trạng môi trường không khí khu vực dự án cho thấy môi trường không khí khu vực xung quanh dự án nằm trong GHCP chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm. Vì vậy, khả năng chịu tải môi trường không khí khu vực hoàn toàn có thể đáp ứng được các hoạt động của công ty trong thời gian thực hiện dự án.

CHƯƠNG III

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. DỮ LIỆU VỀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN SINH VẬT

1.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường

Khu vực thực hiện dự án chưa có dữ liệu điều tra về hiện trạng môi trường, tuy nhiên trên thực tế các tài liệu tham khảo về báo cáo kinh tế xã hội và tham khảo báo cáo thuyết minh kết quả thực hiện dự án mạng lưới quan trắc và cảnh báo ô nhiễm môi trường tỉnh Phú Thọ qua các năm cho thấy hiện trạng môi trường tại khu vực dự án chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm về môi trường không khí, nước mặt tại một số ao đầm trên địa bàn phường ô nhiễm nhẹ về hàm lượng chất rắn lơ lửng và chất hữu cơ song việc đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt chung của toàn thành phố Việt Trì sẽ dần khắc phục được tình trạng ô nhiễm nguồn nước mặt trên địa bàn thành phố Việt Trì nói chung và địa bàn phường Minh Nông nói riêng.

1.2. Dữ liệu về hiện trạng tài nguyên sinh vật

Chưa có nghiên cứu cụ thể về hệ sinh thái của khu vực nhưng qua khảo sát thực tế trong quá trình lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án cho thấy một số đặc điểm chính về hệ sinh thái khu vực dự án như sau:

Địa bàn khu vực thực hiện dự án dân cư xung quanh chủ yếu làm nông nghiệp và buôn bán nhỏ, các loại cây thực vật được trồng chủ yếu là các loại rau, quả, hoa màu, lúa. Vùng này thường trồng các loại cây ăn quả như na, mơ, chuối, táo, bưởi,...nhưng hiện nay không còn nhiều vì hiệu quả kinh tế của những loại hoa quả này không cao. Về động vật thủy sinh trong khu vực đặc trưng cho vùng nước ngọt, các loại cá như trôi Ấn Độ, cá chép, trắm cỏ,... được nuôi phổ biến tại các ao đầm. Ngoài ra, còn có các loại cá sông, cá chày, cá trôi, cá rô phi đều có ở vùng này, tuy nhiên số lượng không được nhiều so với các vùng khác trong tỉnh.

Động vật chủ yếu trong khu vực là các loại gia súc, gia cầm, không có động vật quý hiếm.

Nhìn chung hệ sinh thái khu vực xung quanh vùng dự án đã không còn đa dạng, thực vật cây trồng và các loại hệ sinh thái thủy vực không còn phát triển mạnh mẽ một phần là do ảnh hưởng của sự phát triển đô thị và nông nghiệp trong khu vực.

1.3. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường

Với các đặc điểm về điều kiện tự nhiên và môi trường của dự án như đã trình bày ở trên, việc thực hiện dự án Chợ Minh Phương không tác động lớn đến

môi trường nước, không khí khu vực do toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của chợ được thu gom xử lý qua bể tự hoại và hệ thống các bể lắng, khử trùng nước thải sau đó đầu nối vào đường ống thu gom nước thải chung dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của thành phố; rác thải từ hoạt động của chợ được bố trí khu vực tập kết riêng biệt và hợp đồng vận chuyển đi trong ngày đảm bảo không ảnh hưởng đến khu dân cư giáp ranh với khu vực dự án. Ngoài ra, dự án thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp thu gom rác thải, xử lý môi trường đã đề ra theo quy định do đó có thể đảm bảo rằng môi trường khu vực dự án hoàn toàn đáp ứng được và mức độ ảnh hưởng ở phạm vi hẹp.

2. MÔ TẢ VỀ MÔI TRƯỜNG TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI CỦA DỰ ÁN

Nguồn tiếp nhận nước mưa, nước thải của dự án là mương thoát nước chung của thành phố Việt Trì tiếp giáp với khu vực dự án về phía Tây Nam do vậy không chỉ tiếp nhận nước thải của dự án mà còn tiếp nhận thêm nước thải của các khu dân cư lân cận và các cửa hàng kinh doanh thương mại, tạp hóa, cơ sở sản xuất kinh doanh...

Hệ thống thoát nước chung của thành phố bao gồm các tuyến cống, kênh, mương được xây dựng sẵn đồng bộ và ao hồ điều hòa đảm bảo tiêu thoát nước thành phố. Mặt khác, các tuyến cống, mương thoát nước của thành phố được định kỳ nạo vét, cải tạo tránh tình trạng ngập lụt trong mùa mưa lũ. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thoát nước của các khu dân cư, các cơ sở hoạt động trong thành phố.

Hiện tại thành phố Việt Trì đã xây dựng đưa vào vận hành trạm xử lý nước thải tập trung cho toàn thành phố (gồm 02 trạm xử lý TP-1 và TP-2), chất lượng nước thải sau xử lý sẽ đảm bảo đạt theo tiêu chuẩn quy định không gây ô nhiễm môi trường vì vậy môi trường tiếp nhận nước thải của dự án khi đi vào hoạt động là hệ thống đường ống thu gom nước thải chung của thành phố Việt Trì. Công ty chúng tôi sẽ làm việc với Công ty cổ phần cấp nước Phú Thọ để thực hiện việc đầu nối nước thải vào hệ thống đường ống thu gom nước thải chung của thành phố theo quy định.

3. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

Hiện trạng môi trường nền đóng vai trò rất quan trọng khi triển khai một dự án nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng sau khi dự án được triển khai. Để có số liệu đánh giá hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án, trong quá trình thực hiện lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án, chủ dự án và đơn vị tư vấn đã phối hợp với Trung tâm Quan trắc và bảo vệ môi trường tiến hành lấy mẫu, phân tích môi trường không khí tại 03 thời điểm khảo sát và cho số liệu cụ thể như sau:

Bảng 3.1. Thời gian lấy mẫu và phân tích mẫu

Đợt khảo sát	Thời điểm lấy mẫu	Ngày phân tích
Khảo sát lấy mẫu lần 1	25/4/2022	Từ ngày 25/4/2022 đến ngày 13/05/2022
Khảo sát lấy mẫu lần 2	26/4/2022	Từ ngày 26/4/2022 đến ngày 13/05/2022
Khảo sát lấy mẫu lần 3	27/4/2022	Từ ngày 26/4/2022 đến ngày 13/05/2022

3.1. Môi trường không khí

*** Vị trí lấy mẫu:**

+ K.48.01.01: Mẫu không khí khu vực trung tâm của dự án (tọa độ: X= 2359477; Y= 564304).

+ K.48.01.02: Mẫu không khí phía Bắc dự án giáp đường Đại Nãi (tọa độ: X= 2359496; Y= 564315).

+ K.48.01.03: Mẫu không khí phía Nam dự án giáp đường dân sinh và khu dân cư (tọa độ: X= 2359452; Y= 564309).

*** Kết quả phân tích:**

Bảng 3. 2. Kết quả phân tích môi trường không khí (lần 1)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả (Lần 1)			GHCP
			K.01	K.02	K.03	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	29,2	29,8	30,3	18 ÷ 32
2	Độ ẩm	%	76,6	76,9	76,2	40 ÷ 80
3	Tốc độ gió	m/s	0,6	1,0	0,8	0,3 ÷ 1,5
4	Tiếng ồn	dBA	79,1	78,4	77,3	85
5	Bụi TSP	mg/m ³	0,534	0,476	0,351	8
6	CO	mg/m ³	5,237	5,029	5,152	40
7	SO ₂	mg/m ³	0,092	0,107	0,086	10
8	NO ₂	mg/m ³	0,057	0,065	0,052	10

Bảng 3. 3. Kết quả phân tích môi trường không khí (lần 2)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả (Lần 2)			GHCP
			K.04	K.05	K.06	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	30,1	29,9	30,2	18 ÷ 32
2	Độ ẩm	%	75,7	75,8	75,3	40 ÷ 80
3	Tốc độ gió	m/s	0,8	0,9	0,7	0,3 ÷ 1,5
4	Tiếng ồn	dBA	79,9	80,3	79,8	85
5	Bụi TSP	mg/m ³	0,610	0,581	0,432	8
6	CO	mg/m ³	5,108	4,837	5,064	40
7	SO ₂	mg/m ³	0,085	0,094	0,072	10
8	NO ₂	mg/m ³	0,061	0,073	0,048	10

Bảng 3. 4. Kết quả phân tích môi trường không khí (lần 3)

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả (Lần 3)			GHCP
			K.07	K.08	K.09	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	30,5	30,9	30,6	18 ÷ 32
2	Độ ẩm	%	74,2	74,1	73,8	40 ÷ 80
3	Tốc độ gió	m/s	0,8	0,9	0,7	0,3 ÷ 1,5
4	Tiếng ồn	dBA	81,0	80,9	79,4	85
5	Bụi TSP	mg/m^3	0,608	0,515	0,427	8
6	CO	mg/m^3	5,056	4,567	4,839	40
7	SO ₂	mg/m^3	0,075	0,096	0,065	10
8	NO ₂	mg/m^3	0,042	0,039	0,031	10

* **Ghi chú:** - GHCP (Giới hạn cho phép): Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số: 3733/2002/QĐ - BYT, ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 Tiêu chuẩn vệ sinh Lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động: Tiêu chuẩn IX: Tiêu chuẩn bụi không chứa silic (mục 4); Tiêu chuẩn XXI: Hoá chất - Giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc (từng lần tối đa); QCVN 24: 2016/BYT về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26: 2016/BYT về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

* **Nhận xét chung:** Nhìn chung môi trường không khí và tiếng ồn khu vực thực hiện dự án tại thời điểm khảo sát lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đều nằm trong giới hạn cho phép theo Quyết định số: 3733/2002/QĐ - BYT; QCVN 24:2016/BYT và QCVN 26:2016/BYT cho thấy chất lượng môi trường không khí, mức ồn trong và lân cận khu vực dự án nằm trong giới hạn cho phép, chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

3.2. Đánh giá tính phù hợp của vị trí dự án với điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực thực hiện dự án

Vị trí dự án phù hợp với điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực do khu đất thực hiện dự án đã được UBND tỉnh chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất chợ tại Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 28/9/2020. Dự án đã được UBND tỉnh quyết định chủ trương cho Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc tại Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 và Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1097/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 đã góp phần hiện thực hóa chính sách xã hội hóa chủ trương xây dựng chợ. Chợ xây dựng tạo cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật hiện đại, tạo điều kiện thúc đẩy và nâng cao hiệu quả lưu thông hàng hóa, làm đòn bẩy kích thích sản xuất, tiêu dùng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao cả về số lượng lẫn chủng loại, chất lượng hàng hóa, dịch vụ, tiện ích... của người tiêu dùng.

Chợ Minh Phương được xây dựng hiện đại, quy mô sẽ rút ngắn khoảng cách giao thương, tạo điều kiện cho người dân trao đổi, mua bán hàng hoá trong xã và các xã khu vực với nhau; phục vụ đời sống dân sinh, góp phần tăng trưởng kinh tế, xã hội, tạo việc làm cho tiểu thương, giúp doanh nghiệp cũng như Nhà nước tăng thêm nguồn thu tài chính.

Chợ xây dựng mới, rộng lớn, đủ điều kiện, đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng của nhân dân khu vực, đồng thời tạo điều kiện tốt hơn về địa thế kinh doanh cho các hộ kinh doanh, và là nơi tổ chức tốt các hoạt động xúc tiến thương mại, giao thương, phục vụ hoạt động mua bán trao đổi hàng hoá thuận lợi, đáp ứng được yêu cầu phát triển chung, ngoài ra còn thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại dịch vụ trên địa bàn phường Minh Phương nói riêng, thành phố Việt Trì nói chung phát triển theo định hướng “Văn minh thương mại”.

Vị trí thực hiện dự án đảm bảo các quy định về an toàn môi trường và phù hợp với QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch Xây dựng.

CHƯƠNG IV

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Dự án Chợ Minh Phương của Công ty cổ phần Tổng công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc tại khu Hợp Phương, phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ được thực hiện trên cơ sở đầu tư xây dựng mới tất cả các hạng mục công trình. Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, khu vực dự án đã được chuyển đổi thành đất chợ và trên diện tích khu đất thực hiện dự án đã hình thành chợ tạm có mặt bằng bằng phẳng, nền được láng xi măng nên công ty chúng tôi không cần phải thực hiện san lấp và đền bù giải phóng mặt bằng mà thực hiện phá dỡ, dọn dẹp các công trình tạm của chợ. Vì vậy trong quá trình triển khai dự án sẽ bao gồm 02 giai đoạn với tính chất gây ô nhiễm môi trường khác nhau, cụ thể:

- Giai đoạn 1: Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng và thi công xây dựng dự án.
- Giai đoạn 2: Giai đoạn Dự án đi vào hoạt động.

Mỗi giai đoạn đều có những tác động nhất định đến môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội khu vực do vậy, chủ dự án chúng tôi đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

1. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG XÂY DỰNG DỰ ÁN

1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

Trong thời gian thi công xây dựng diễn ra khoảng 06 tháng (trong đó thời gian đào móng 01 tháng; thời gian thi công xây dựng các hạng mục công trình là 05 tháng) song nước mưa chảy tràn có tần suất xảy ra ít, nước thải thi công phát sinh không nhiều. Tuy nhiên, chủ dự án vẫn áp dụng một số biện pháp sau để hạn chế tới mức thấp nhất tác động xấu của nguồn thải này đến nguồn nước mặt và hệ sinh thái khu vực, cụ thể:

1.1.1. Giảm thiểu ô nhiễm từ nước thải thi công và nước mưa chảy tràn:

Chủ dự án yêu cầu đơn vị thi công xây dựng áp dụng một số biện pháp giảm thiểu tác động xấu của nguồn thải này như sau:

- Đào rãnh đất tạm thời (sau sẽ là hệ thống thoát nước mưa) theo bản vẽ hệ thống thu gom thoát nước mưa để thu gom, dẫn hướng cho nước mưa, nước thải thi công tự chảy về hệ thống thoát nước mưa của khu vực: Chiều rộng rãnh 300mm, chiều sâu trung bình là 50mm. Trên rãnh thu gom có bố trí hố ga để lấp đất, cát. Hố ga có kích thước 600×600×800 mm (dài×rộng×sâu), có nắp đậy bằng BTCT. Số lượng hố ga dự kiến: 05 hố ga.

- Không thải các loại cặn dầu của các thiết bị máy móc xây dựng vào môi trường nước chung, mọi loại chất thải này đều phải được thu gom hàng ngày và được xử lý theo quy định.

- Không để tạo ra các vũng ao, nước trong khu vực thi công xây dựng để ngăn ngừa ô nhiễm nước và tạo điều kiện cho các loài ruồi muỗi phát triển làm ảnh hưởng tới sức khỏe công nhân.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông không để phế thải xây dựng xâm nhập vào đường thoát nước gây tắc nghẽn. Tần suất kiểm tra và nạo vét được quy định tối thiểu là 01 tuần/lần.

- Không đổ chất thải rắn (chất thải xây dựng, cát, đá...) và chất thải dầu cặn của thiết bị xuống dòng chảy. Mọi loại chất thải phải được thu gom, phân loại và chuyển đến vị trí tập kết tại khu vực cổng ra vào khu vực thi công theo quy định.

- Các biện pháp đề xuất nhằm hạn chế tác động tới hệ thống cống thoát nước như sau:

+ Ưu tiên đầu tư xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa trước tiên để thu gom nước mưa chảy tràn trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

+ Dọn dẹp mặt bằng công trường sau mỗi ngày thi công.

+ Tập kết nguyên vật liệu đúng nơi quy định. Không tập trung các loại nguyên nhiên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa thất thoát rò rỉ vào đường thoát nước.

+ Không để tạo ra các vũng, ao nước trong công trường xây dựng để ngăn ngừa ô nhiễm nước và tạo điều kiện cho các loài ruồi muỗi phát triển làm ảnh hưởng tới sức khỏe của công nhân;

Do tác động của nước mưa có thể cuốn trôi, làm thất thoát nguyên vật liệu của công trình, việc tắc nghẽn hệ thống thoát nước cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động thi công của dự án nên vấn đề giảm thiểu tác động phát sinh từ nguồn này sẽ được đơn vị thi công chú trọng, các giải pháp đề xuất thực hiện là khả thi.

1.1.2. Giảm thiểu ô nhiễm từ nước thải sinh hoạt:

- Lượng nước thải sinh hoạt tại khu vực thi công trong giai đoạn này sẽ được khống chế bằng cách tuyển dụng nhân công tại địa phương có điều kiện tự túc ăn ở, tổ chức hợp lý các nguồn nhân lực trong các giai đoạn thi công tránh tình trạng tập trung quá đông nhân công.

- Theo TCXDVN 33:2006 về Tiêu chuẩn cấp nước, lượng nước tiêu thụ trung bình cho một người là 45 lít/ngày. Ước tính lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng sẽ là:

$$Q = 30 \text{ người/ngày} \times 45 \text{ lít/người/ngày} \times 100\% = 1,35 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Khối lượng chất ô nhiễm do mỗi người hàng ngày thải vào môi trường (nếu không có biện pháp xử lý) được trình bày như bảng sau:

Bảng 4. 1. Tải lượng ô nhiễm nước thải sinh hoạt

Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị
BOD ₅	g/người/ngày	45 ÷ 54
COD	g/người/ngày	72 ÷ 102
SS	g/người/ngày	70 ÷ 145
Tổng N	g/người/ngày	6 ÷ 12
Tổng P	g/người/ngày	0,8 ÷ 4,0
Amoni	g/người/ngày	2,4 ÷ 4,8
Dầu mỡ động thực vật	g/người/ngày	10 ÷ 30
Tổng Coliform [*]	MPN/100ml	10 ⁶ ÷ 10 ⁹
Feacal Coliform [*]	MPN/100ml	10 ⁵ ÷ 10 ⁶
Trùng giun sán [*]	MPN/100ml	10 ³

(Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), năm 1993^{*}: Nguyễn Xuân Nguyên, Nước thải và công nghệ xử lý nước thải, năm 2003)

Số lượng công nhân trên công trường khoảng 30 người. Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt, giai đoạn thi công xây dựng dự án được trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 4.2. Tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng dự án

Chất ô nhiễm	Tải lượng (kg/ngày)
BOD ₅	1,35÷1,62
COD	2,16÷3,06
SS	2,1÷4,35
Tổng N	0,18÷0,36
Tổng P	0,024 ÷0,12
Amoni	0,072÷0,144
Dầu mỡ động thực vật	0,3÷0,9
Tổng Coliform [*]	3 x 10 ⁷ ÷3 x 10 ¹⁰
Feacal Coliform [*]	3 x 10 ⁶ ÷3 x 10 ⁷
Trùng giun sán [*]	3x 10 ⁴

Căn cứ vào tải lượng các chất ô nhiễm và lưu lượng nước thải có thể tính toán được nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt theo công thức:

$$C = \frac{TP}{Q}$$

Trong đó:

C: nồng độ chất gây ô nhiễm (mg/l);

TP: Tải lượng ô nhiễm (mg);

Q: Lượng nước thải trong một ngày (l).

Kết quả tính toán được trình bày trong bảng sau.

Bảng 4.3. Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng dự án

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ(mg/l)	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
1	BOD ₅	mg/l	1.000÷1200	50
2	COD	mg/l	1600÷2266,67	-
3	SS	mg/l	1555,56÷3222,22	100
4	N tổng	mg/l	133,33÷266,67	-
5	P tổng	mg/l	17,78÷88,89	-
6	Amoni	mg/l	53,33÷106,67	10
7	Dầu mỡ ĐTV	mg/l	222,22÷666,67	20
8	Tổng coliform	MPN/100ml	$2,2 \times 10^{10} \div 2,2 \times 10^{13}$	5.000
9	Feacal coliform*	MPN/100ml	$2,2 \times 10^9 \div 2,2 \times 10^{10}$	-
10	Trùng giun sán*	MPN/100ml	$2,2 \times 10^7$	

(Ghi chú: - QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B - nước thải vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt)

Từ kết quả trên cho thấy so với QCVN 14:2008/BTNMT (cột B), nước thải sinh hoạt nếu không được xử lý đều có các thông số ô nhiễm vượt hàm lượng tiêu chuẩn cho phép nhiều lần.

Vì vậy để giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt của công nhân thi công tại công trường, chủ dự án sẽ yêu cầu nhà thầu thi công sử dụng 01 nhà vệ sinh di động để thu gom xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân trên công trường tránh phát tán ra ngoài môi trường gây ô nhiễm các thủy vực xung quanh.



Hình 4.1. Minh họa hình ảnh nhà vệ sinh di động

→ Thông số kỹ thuật của nhà vệ sinh di động composite như sau:

- Chiều dài: 3,7 m;

- Chiều rộng: 2,2 m;
- Chiều cao: 2,4 m;
- Khoang chứa nước sạch: 1.500 lít;
- Dung tích bể tự hoại của nhà vệ sinh di động là: 5m³.
- Nội thất: Quạt thông gió, đèn chiếu sáng, công tắc điện, lô cuốn giấy, vòi nước.

- Nhà thầu thi công sẽ thuê đơn vị đủ chức năng đến thông hút bể tự hoại, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường khu vực thực hiện dự án.

⇒ *Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu:*

Nước thải sinh hoạt và nước thải thi công phát sinh không lớn và hoàn toàn có thể thu gom, xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Các biện pháp đề xuất có tính khả thi cao và không để xảy ra tác động tàn dư.

1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

1.2.1. Thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

Vào thời kỳ cao điểm dự tính sẽ có khoảng 30 người làm việc trên công trường xây dựng với chủ yếu là người dân địa phương ăn cơm tại nhà hoặc cơm hộp; một số cán bộ quản lý ở tại khu container trên công trường. Tính lượng rác thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày lớn nhất tại công trường là 9 kg/ngày (định mức phát thải 0,3 kg/người.ngày). Thành phần của loại rác sinh hoạt này chứa nhiều các chất hữu cơ dễ phân huỷ, bên cạnh đó còn có các bao gói nilon, vỏ chai nhựa, đồ hộp... Các loại chất thải này ít có khả năng gây ra các sự cố về môi trường, tuy nhiên nếu không được thu gom, xử lý thì đây là môi trường thuận lợi cho các loại côn trùng có hại sinh sôi và phát triển, tạo điều kiện cho việc phát tán lây lan bệnh dịch, mất mỹ quan khu vực. Rác thải hữu cơ khi phân huỷ sinh ra mùi hôi; các loại rác hữu cơ làm ô nhiễm đất, rác thải sinh hoạt là môi trường sống và phát triển của các loài ruồi muỗi, chuột bọ và vi khuẩn gây bệnh.

Trong quá trình phá dỡ các công trình tạm của chợ và thi công xây dựng chủ dự án yêu cầu nhà thầu tiến hành:

- Tổ chức thu gom lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên khu vực thi công. Có nội quy về trật tự, vệ sinh môi trường và yêu cầu các nhà thầu tuân thủ thực hiện đúng.
- Bố trí khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt tại vị trí nhất định trong khu vực thi công, thuận tiện cho việc vận chuyển. Tại vị trí này sẽ 02 đặt thùng rác 150 lít có nắp đậy kín đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan khu vực.
- Yêu cầu các nhà thầu thi công bố trí công nhân kiêm nhiệm để thu gom, dọn dẹp rác thải sinh hoạt và vệ sinh môi trường. Chủ dự án sẽ bắt buộc nhà

thầu thi công ký hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Việt Trì để vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh theo đúng quy định với tần suất 01 ngày/lần.

1.2.2. Thu gom và xử lý chất thải rắn xây dựng:

- Toàn bộ các loại chất thải rắn bao gồm: chất thải rắn là xà bần, gạch ngói, tấm lợp, bê tông từ quá trình phá dỡ các công trình tạm của chợ để dọn mặt bằng thi công ước tính 750 m³ sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đến vị trí quy định đổ thải phế liệu xây dựng của thành phố hoặc ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý tại khu chôn lấp chất thải công nghiệp của tỉnh tại xã Trạm Thán, huyện Phù Ninh.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình được thu gom vào các vị trí đã quy định sẵn trên khu vực thi công. Tính toán chi tiết để đất đá thừa trong quá trình đào móng xây dựng ước tính khoảng 285,3 m³ đất thừa để ký hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển xử lý đến khu vực cần san lấp mặt bằng của thành phố để đổ thải.

- Giám sát thường xuyên để đảm bảo các chất thải rắn xây dựng không bị rơi vãi, rửa trôi xuống cống rãnh khu vực xây dựng làm ách tắc dòng chảy.

- Các phế liệu xây dựng và các chất trơ, không độc hại đều phải thu gom và xử lý triệt để như đã nêu ở trên. Các phế liệu có thể tái sử dụng như bao bì xi măng, chai lọ, các mẫu sắt thép dư phát sinh trong toàn bộ quá trình thi công dự án ước tính khoảng 2,5 tấn.... được thu gom, phân loại tập trung và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Hạn chế tối đa phế thải phát sinh trong thi công bằng việc tính toán hợp lý vật liệu, giáo dục nhắc nhở công nhân ý thức tiết kiệm và thắt chặt quản lý.

1.2.3. Thu gom và xử lý chất thải nguy hại:

Các chất thải nguy hại như dầu mỡ thải, giẻ lau bám dính dầu, ... với khối lượng khoảng 250 kg phát sinh từ hoạt động thi công sẽ được thu gom vào các thùng phuy riêng biệt (loại cho dầu thải, loại cho chất thải chứa dầu và loại cho các chất thải nguy hại khác) và chuyển giao theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

⇒ *Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu:*

Các biện pháp giảm thiểu được xây dựng trên cơ sở nhận dạng nguồn thải, khối lượng và chủng loại chất thải nên phù hợp với yêu cầu của quá trình xử lý. Các CTR sinh hoạt và CTR xây dựng phát sinh không lớn, chủ yếu tập trung trong khu vực thi công nên biện pháp thu gom và xử lý nêu trên là phù hợp và sẽ giảm thiểu triệt để nguồn thải phát sinh.

1.3. Về bụi, khí thải

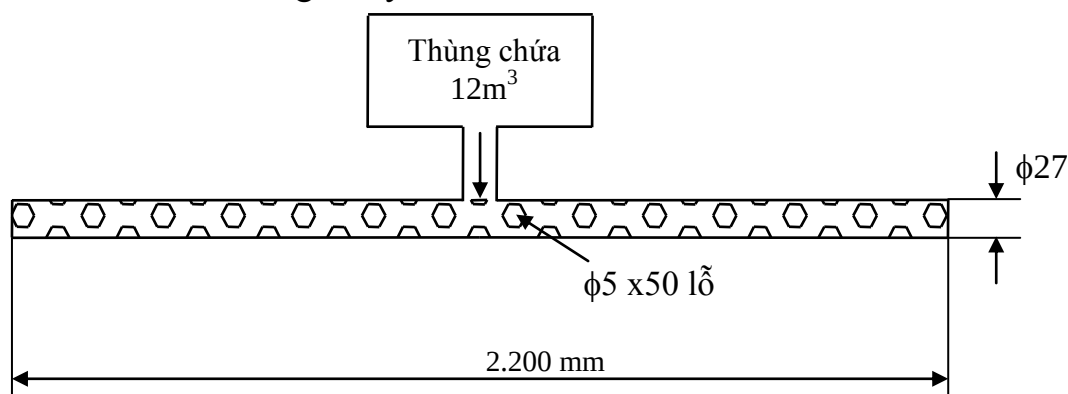
1.3.1. Kiểm soát bụi, khí thải trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu:

Đơn vị thi công xây dựng đã ký cam kết với chủ dự án đảm bảo không để cuốn bụi bẩn, rơi vãi vật liệu ra đường Đại Nãi, tuyến đường vào khu đô thị Minh Phương và đường Hùng Vương, và thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi trong quá trình vận chuyển như sau:

- Bố trí hào nước (6m x10m) rửa bánh xe trước khi xe từ khu vực dự án vào đường Đại Nãi, tuyến đường vào khu đô thị Minh Phương và đường Hùng Vương.

- Bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại, che chắn những khu vực phát sinh bụi và dùng xe tưới nước để tưới đường giao thông trong mùa khô, tần suất tưới nước từ 2 ÷ 4 lần/ngày, trong phạm vi tuyến đường khu vực thi công nhà máy vào khoảng 500 m; tại cổng vào dự án, bố trí hào nước rửa bánh xe trước khi ra khỏi khu vực thi công.

Công ty chúng tôi sẽ yêu cầu nhà thầu thi công đầu tư 01 xe bồn phun nước tưới ẩm có các thông số kỹ thuật như sau:



Hình 4.2. Các thông số kỹ thuật của bộ phận dàn chia nước của xe tưới nước

- + Số lượng xe tưới nước: 01xe;
- + Dung tích thùng chứa: 12 m³;
- + Đường kính ống phun nước: 27mm, ống nhựa PVC;
- + Đường kính lỗ tưới: 05mm;
- + Số lượng lỗ đục trên ống: 50 lỗ;
- + Mật độ tưới: 2 ÷ 4 lần/ngày về mùa hanh khô.
- + Phạm vi tưới: Trong bán kính dự kiến 750m.

- Sử dụng phương tiện đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo Quyết định 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Các phương tiện vận chuyển đều phải có bạt che phủ kín, không chở vật liệu rời quá tải, đi đúng tốc độ trên tuyến đường theo quy định và giảm tốc độ xuống 5 km/h khi đi vào khu vực thi công.

1.3.2. Giảm thiểu ô nhiễm bụi tại khu vực thi công:

- Thực hiện các biện pháp che chắn khu vực thực hiện thi công (thưng tôn toàn bộ khu vực thi công với chiều cao tôn 2,5 m).
- Ngăn ngừa phát tán bụi khi đổ vật liệu: Khi dùng xe tải để đổ vật liệu tại các bãi chứa tạm, nếu thấy bụi bốc lên sẽ thực hiện ngay việc phun nước làm ẩm.
- Tổ chức thi công hợp lý: Thi công cuốn chiếu, dứt điểm từng công đoạn, từng hạng mục công trình. Thực hiện tốt công tác quản lý và giám sát thi công trên khu vực thi công.
- Áp dụng công nghệ tiên tiến: Áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hoá trong vận hành và tối ưu hoá quá trình thi công.

1.3.3. Kiểm soát phát thải của các máy móc, phương tiện tham gia thi công:

- Sử dụng phương tiện, máy móc thi công đảm bảo tiêu chuẩn khí thải: Các phương tiện tham gia thi công sẽ được kiểm tra sự phát thải khí theo TCVN 6438:2005. Tất cả thiết bị sử dụng cho xây dựng phục vụ cho dự án này sẽ được Đăng kiểm Việt Nam cho phép về sự phát thải theo Quyết định 49/2011/QĐ-TTg, ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ.
- Quy định khu vực di chuyển: Các phương tiện chỉ được phép di chuyển trong phạm vi thi công theo quy định.
- Bảo dưỡng định kỳ: Bảo dưỡng phương tiện và máy móc thi công định kỳ để giảm ô nhiễm không khí phát sinh.

1.4. Giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung trong xây dựng

Để giảm thiểu mức độ ảnh hưởng của tiếng ồn và độ rung trong quá trình xây dựng đến các khu vực lân cận sẽ áp dụng các biện pháp sau đây:

- Hạn chế việc đóng cọc bằng búa máy vào ban đêm, đặc biệt là kể từ 10 giờ đêm đến 6 giờ sáng hôm sau; không thi công vào khung giờ từ 11h trưa đến 13h chiều.
- Không sử dụng các loại thiết bị phát tiếng ồn vượt quá tiêu chuẩn quy định đối với các loại phương tiện vận chuyển.
- Kiểm tra mức độ ồn, rung trong quá trình xây dựng để đặt ra lịch thi công phù hợp, để mức độ ồn đạt tiêu chuẩn cho phép.

⇒ *Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu:*

Các biện pháp đề xuất đều dựa trên nguyên tắc giảm thiểu ngay từ nguồn phát sinh, các biện pháp này không chỉ tạo ra hiệu quả giảm bụi, khí thải và tiếng ồn cao mà còn có cơ sở để điều tiết hoạt động nhằm giảm mức độ ô nhiễm tại các đối tượng nhạy cảm.

Để tăng tính khả thi của biện pháp đề xuất, các nội dung này sẽ được đưa vào điều khoản thầu trong hợp đồng kinh tế với các nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ thực

hiện các biện pháp kiểm tra đề yêu cầu nhà thầu cũng như tư vấn giám sát thực hiện đúng hợp đồng.

1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

1.5.1. Các biện pháp giảm thiểu chung:

Trong quá trình thi công xây dựng Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp thiết thực, hữu hiệu nhằm bảo vệ môi trường, an toàn lao động và sức khỏe công nhân. Cụ thể sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Áp dụng biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hoá tới mức tối đa.
- Tổ chức thi công cần có giải pháp thích hợp để đảm bảo an toàn lao động.
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi thi công như các biện pháp thi công đất, bố trí và vận hành máy móc thiết bị, có biện pháp phòng ngừa các sự cố về điện, thao tác trên cao, vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu, dàn giáo, đi lại trong khu vực thi công, lưới và hàng rào chắn bảo vệ khu vực thi công, bố trí kho, phòng cháy nổ, chống sét,...

- Lắp rào chắn các khu vực nguy hiểm như trạm biến thế, vật liệu dễ cháy nổ. Chiếu sáng cho những nơi cần làm việc ban đêm. Ngoài ra còn lắp đặt các thiết bị chống ồn cho khu vực có mức ồn cao như máy phát điện, ... che chắn những khu vực phát sinh bụi và dùng xe tưới nước để tưới đường. Các trang bị bảo hộ lao động như găng tay, ủng, mũ bảo hiểm, mặt nạ hàn, thắt lưng bảo hiểm khi thao tác trên cao,... được trang bị đầy đủ.

1.5.2. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông:

Khối công nhân làm việc trên công trường và khối lao động tự do đến công trường cũng sẽ gây ra những tác động xã hội nhất định đối với dân cư trong vùng như: tăng các bệnh truyền nhiễm, tăng mật độ phương tiện tham gia giao thông, ảnh hưởng đến an ninh trật tự khu vực, thay đổi văn hóa địa phương,... Để giảm thiểu các tác động này, Chủ đầu tư thực hiện các biện pháp:

- Tăng cường ý thức công nhân bằng cách giáo dục nâng cao nhận thức, tránh ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội;
- Tổ chức khám sức khỏe cho công nhân định kỳ;
- Tăng cường ý thức tham gia giao thông của công nhân;
- Phối hợp với chính quyền địa phương về quản lý nhân khẩu để đảm bảo an ninh trên địa bàn.

1.5.3. Giảm thiểu tác động do hoạt động giao thông vận tải:

Chủ dự án yêu cầu nhà thầu xây dựng sẽ áp dụng các biện pháp để ngăn ngừa và hạn chế tới mức thấp nhất các rủi ro về tai nạn giao thông của các xe tải phục vụ công tác xây dựng dự án như: kiểm tra các lái xe việc chấp hành các quy định về tốc độ, chế độ đảm bảo an toàn giao thông khi lưu thông trên đường quốc lộ 2, đường Hùng Vương và tuyến đường dẫn vào khu vực dự án.

+ Hạn chế thấp nhất việc lưu thông các xe phục vụ công tác xây dựng dự án vào giờ cao điểm; không chở quá tải trọng cho phép, không sử dụng các phương tiện cũ hết thời gian đăng kiểm.

+ Các lái xe và công nhân vận hành máy móc, thiết bị thi công phải tuân thủ các quy định về an toàn thi công, không được uống rượu, bia trong thời gian làm việc.

+ Hướng dẫn giao thông: Bố trí người hướng dẫn giao thông để đảm bảo các phương tiện ra vào khu vực thi công hợp lý, không ảnh hưởng đến hoạt động thi công và hoạt động giao thông xung quanh khu vực.

1.5.3. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong thi công xây dựng:

Để đảm bảo điều kiện vệ sinh và an toàn lao động cho công nhân xây dựng, dự án sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

- Sử dụng công nhân địa phương có tay nghề càng nhiều càng tốt;
- Tất cả các công nhân tham gia xây dựng đều được tập huấn qua lớp quy phạm an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra việc chấp hành quy phạm an toàn lao động của công nhân trên khu vực thi công.

- Xây dựng lán trại nghỉ ca cho công nhân song không cho công nhân lưu trú tại công trường, bảo đảm an ninh trong công trường 24/24 giờ trong ngày.

- Đặc biệt sẽ quan tâm và thực hiện công tác an toàn tại các khu vực nguy hiểm trên khu vực thi công, phải có rào chắn, biển báo nguy hiểm. Khu vực thi công phải được chiếu sáng vào ban đêm.

- Không lưu trữ, tập kết các vật liệu dễ cháy trong công trường.

- Tất cả các công nhân nếu lưu trú tại địa phương thì phải đăng ký với chính quyền địa phương. Ngoài ra, chủ thầu phải có trách nhiệm quản lý các công nhân này.

- Chỉ huy trưởng công trình và công nhân xây dựng sẽ được tập huấn về an toàn lao động trước khi bắt đầu xây dựng dự án.

- Chỉ huy trưởng công trình hướng dẫn và giám sát chặt chẽ việc tuân thủ an toàn lao động của công nhân xây dựng.

- Công nhân phải được huấn luyện về an toàn lao động và được kiểm tra thường xuyên về thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động trong suốt quá trình thi công xây dựng.

- Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ khi cần thiết theo đúng quy định của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch ứng phó khi có tai nạn xảy ra.

- Chủ đầu tư cam kết yêu cầu nhà thầu thực hiện đúng điều kiện an toàn lao động theo đúng Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc "Ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc

và 07 thông số vệ sinh lao động".

1.5.4. Biện pháp phòng, chống dịch bệnh covid-19:

- Đo thân nhiệt hàng ngày và yêu cầu tất cả người lao động thực hiện khai báo y tế hàng ngày.
- Bố trí khoảng cách an toàn trên công trường.
- Phun khử khuẩn các phương tiện ô tô từ các vùng khác cấp nguyên liệu, vật tư trước khi vào công trường.
- Yêu cầu tất cả người lao động phải sử dụng khẩu trang khi làm việc trên công trường và khi lưu thông trên đường.
- Không tập trung đông người tại một vị trí, một thời điểm (khi làm việc, khi nghỉ giải lao và khi ăn,...)
- Thực hiện xét nghiệm sàng lọc theo yêu cầu của cơ quan quản lý về y tế tại địa phương.

1.5.5. Biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội:

Trong quá trình thi công, chủ dự án sẽ thực hiện các phương án giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội tại khu vực như sau:

- Sử dụng nguồn lao động tại chỗ: Các lao động tại địa phương có đầy đủ năng lực theo yêu cầu của các nhà thầu và có mong muốn được tuyển dụng sẽ được các nhà thầu tuyển dụng tối đa.
- Yêu cầu các nhà thầu vận chuyển phải thực hiện tốt việc giảm tốc độ xe khi vận chuyển qua khu dân cư để hạn chế các sự cố đáng tiếc ảnh hưởng đến dân cư sống dọc các tuyến vận chuyển như vấn đề tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường;
- Chủ dự án ban hành nội quy và yêu cầu các chủ thầu phụ thực hiện công tác quản lý công nhân tại công trường để giảm thiểu khả năng gây mất trật tự công cộng tại khu vực;
- Thực hiện kê khai tạm trú, tạm vắng cho các lao động từ các địa phương khác đến nhằm quản lý các hoạt động của họ tại địa phương.
- Công tác tư tưởng cho công nhân để họ có một cuộc sống lành mạnh, góp phần giữ gìn an ninh trật tự xã hội trong khu vực.
- Xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm đến nội quy, gây mất an ninh.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát khu vực lán trại và khu vực xung quanh;
- Kết hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý công nhân lao động.

1.5.6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với các rủi ro, sự cố trong giai đoạn thi công xây dựng:

Chủ dự án chúng tôi sẽ áp dụng các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường và giảm thiểu tai nạn lao động, phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra. Các biện pháp này cụ thể như sau:

- Lập kế hoạch thi công cụ thể và bố trí nhân lực hợp lý, theo đúng tuần tự, tránh chồng chéo giữa các công đoạn thi công;
- Tổ chức thi công hợp lý, theo hình thức cuốn chiếu;
- Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hóa các thao tác và quá trình thi công ở mức tối đa;
- Không được vận tải và vận hành các máy đào, máy xúc, xe lu vào các khung giờ ban đêm;
- Bố trí hợp lý nơi chứa vật liệu xây dựng; tập kết tạm thời phế thải xây dựng;
- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập đề án tổ chức thi công như: biện pháp thi công; bố trí máy móc thiết bị; biện pháp phòng ngừa tai nạn; thứ tự bố trí các kho, bãi nguyên vật liệu, lán trại, vấn đề chống sét...
- Áp dụng biện pháp an toàn lao động trong quá trình thi công xây dựng: thời gian và trình tự thi công phải đảm bảo sự ổn định của các bộ phận công trình; thứ tự thi công các công trình; bố trí các tuyến thi công hợp lý để ít di chuyển; bố trí mặt bằng thi công hợp lý để không gây cản trở lẫn nhau;
- Áp dụng các biện pháp bảo vệ, chống nứt lún đối với các công trình gần dự án;
- Bố trí cán bộ giám sát kỹ thuật thi công công trình tại các khâu trọng yếu (thi công nền, móng công trình);
- Bố trí hợp lý các tuyến đường vận chuyển và đi lại. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý tránh ách tắc giao thông trong quá trình thi công xây dựng.
- Lập rào chắn cách ly các khu vực có khả năng gây nguy hiểm như trạm biến áp, vật liệu dễ cháy nổ...
- Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đầy đủ cho những nơi cần làm việc ban đêm.
- Khi thi công các hạng mục công trình tại khu vực thi công phải được vây tôn hoặc bạt che chắn bảo vệ. Ngoài ra, công trường thi công được vây tôn chắn xung quanh, không cho người không phận sự ra vào công trường, tránh gây các tai nạn khác trên công trường.

Bảng 4. 4. Tổng hợp các biện pháp hạn chế rủi ro trong giai đoạn thi công

TT	Nội dung	Các biện pháp do chủ dự án thực hiện	Các biện pháp phối hợp với các bên liên quan
1	Tai nạn lao động trong quá	- Phổ biến nội quy an toàn lao động và tập huấn cho tất cả công	- Phổ biến Nội quy an toàn lao động và các yêu

	trình thi công gây thiệt hại về người và tài sản như: lật đổ xe, cháy nổ lán trại, công nhân thi công tai nạn,...	nhân thi công trước khi tham gia; - Bố trí các biển báo cảnh báo nguy hiểm, các bảng chỉ dẫn tại các vị trí trong công trường thi công; - Lắp rào chắn tại các khu vực để không cho người dân qua lại trong khu vực công trường; - Trang bị bảo hiểm an toàn cho công nhân thi công; - Kiểm tra việc chấp hành nội quy an toàn lao động của các nhà thầu và công nhân thi công.	cầu bảo vệ môi trường theo cam kết trong Giấy phép môi trường cho nhà thầu thi công xây dựng và chính quyền địa phương khu vực để phối hợp giám sát việc tuân thủ của các nhà thầu; - Tổ giám sát môi trường tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất và phối hợp với chính quyền địa phương để xử lý các trường hợp vi phạm của các nhà thầu.
2	Cháy nổ tại các lán trại, kho chứa nguyên nhiên vật liệu ở công trường thi công	- Phổ biến nội quy phòng cháy, chữa cháy cho các cán bộ thi công nội trú tại các lán trại. - Bố trí các dụng cụ phòng cháy chữa cháy tại các vị trí thuận tiện trong lán trại để ứng cứu và khắc phục kịp thời khi xảy ra sự cố.	Phối hợp với cơ quan phòng cháy để kiểm tra giám sát trong quá trình thi công xây dựng.
3	Sụt lún, sập công trình trong quá trình thi công	- Bố trí cán bộ giám sát kỹ thuật thi công công trình tại các khâu trọng yếu (thi công nền, móng công trình);	Tổ giám sát kỹ thuật và các nhà thầu phụ phải có các biên bản nghiệm thu kỹ thuật đối với từng hạng mục trước khi thực hiện và sau khi hoàn thành (cụ thể cho các hạng mục thi công móng, lắp ghép cốt pha, đổ mái, cột,...)

2. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH

2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

2.1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải chợ:

Nước thải của dự án khi đi vào hoạt động chủ yếu phát sinh từ các khu nhà vệ sinh công cộng, các quầy bán đồ thực phẩm, rau quả tươi sống; khu vực kinh doanh chế biến thủy, hải sản; giết mổ gia cầm. Các quầy sạp bán hàng thực phẩm khô, vải, đồ dùng khác thường không phát sinh nước thải. Theo tính toán lượng nước cấp tính theo mét vuông sàn khu vực chợ chính và chợ vắng lại,

lượng nước cấp cho các công trình này là 31,3 m³/ngày đêm, lượng nước thải ra xấp xỉ bằng 100% lượng nước cấp, như vậy lượng nước thải ra khoảng 31,3 m³/ngày đêm.

Nước thải chợ chứa các chất vô cơ, hữu cơ và vi sinh vật. Lượng chất hữu cơ chiếm 50 - 60 % tổng các chất bao gồm các chất hữu cơ thực vật như: cặn bã thực vật, rau quả, giấy... và các chất hữu cơ động vật như chất thải bài tiết của người và động vật, xác động vật... Vi sinh vật trong nước thải có nhiều loại như vi khuẩn, vi rút, nấm, rong tảo, trứng giun sán... một số loại vi sinh vật này có khả năng gây bệnh và có thể bùng phát thành dịch bệnh cho cả khu vực.

Bảng 4. 5. Tính chất và thành phần nước thải chợ ở một số chợ tương tự

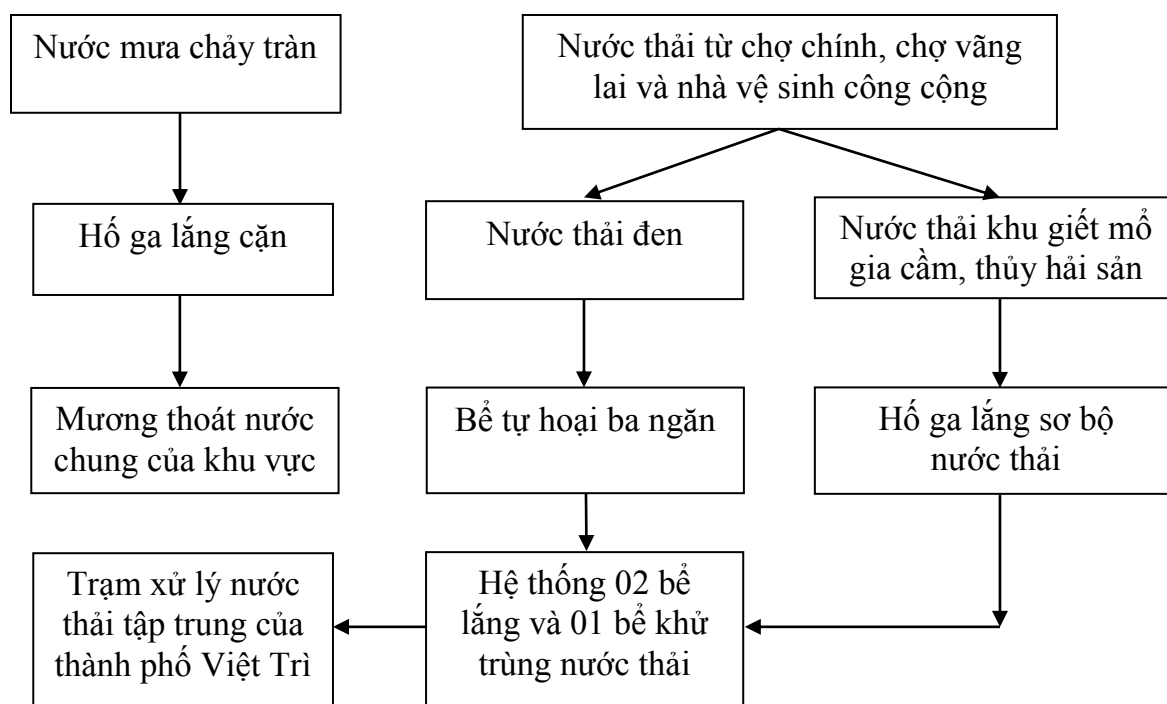
Thông số	Đơn vị	Chợ đầu mối Thủ Đức (TP HCM)	Chợ Hóc Môn (TP HCM)	Chợ Gia Lộc (tỉnh Hải Dương)	QCVN 14:2008/BTNMT cột B
pH	mg/l	7	6,5 – 8	8,3	5-9
BOD5	mg/l	250	300	130	50
COD	mg/l	400	445	279	100
Tổng N	mg/l	38	40	56,8	50
Tổng P	mg/l	12	6	6,3	10
TSS	mg/l	190	300	160	100
Coliform	MPN/100ml	10 ⁷	10 ⁸	24000	5.000

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải với QCVN 14:2008/BTNMT, cho thấy hầu hết các chỉ tiêu môi trường đều vượt quy chuẩn nhiều lần. Nồng độ BOD trong nước thải cao hơn quy chuẩn cho phép từ 2,6-6 lần, TSS cao hơn quy chuẩn cho phép từ 1,6-3 lần; Tổng N cao hơn quy chuẩn cho phép 1,4 lần, coliform cao hơn quy chuẩn cho phép rất nhiều lần.

Hệ thống thu gom và thoát nước của dự án được thiết kế và xây dựng độc lập giữa nước thải và nước mưa chảy tràn.

Nước thải trong quá trình Dự án đi vào hoạt động phát sinh từ nhiều nguồn khác nhau gồm các nguồn chính sau:

- + Dòng thải 1: phát sinh từ khu vực vệ sinh công cộng;
- + Dòng thải 2: phát sinh từ hoạt động kinh doanh của chợ, chủ yếu phát sinh từ khu vực mua bán thực phẩm tươi sống, từ khu vực các cửa hàng ăn uống. Nước thải có độ ô nhiễm (TSS, BOD và COD) rất cao. Toàn bộ lượng nước thải này sẽ được thu gom về hệ thống 02 bể lắng 3 ngăn để xử lý yếm khí nhằm làm giảm hàm lượng các chất ô nhiễm hữu cơ và khử trùng nước thải đảm bảo loại bỏ các vi sinh vật gây bệnh trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải chung của thành phố Việt Trì dẫn về Trạm xử lý nước thải chung của thành phố tại khu Hạ Bạ, phường Minh Nông, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.



Hình 4. 1. Sơ đồ thu gom nước mưa, nước thải của dự án

* Đối với nước thải sinh hoạt từ các khu nhà vệ sinh:

Theo TCVN 7957: 2008 về thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế thì thể tích tối thiểu của bể tự hoại được tính toán như sau: $W = W_n + W_b$, trong đó:

- W_n : thể tích nước của bể, lấy bằng $2/3$ thể tích phần bùn của bể (m^3)
- W_b : thể tích bùn của bể (m^3), được tính theo công thức sau:

$$W_b = [aT(100 - W1)bc]N/[(100 - W2)1000]$$

Trong đó:

a: Lượng cặn trung bình của một người thải ra: 0,7 - 0,8 lít/ngày.

b: Hệ số kể đến khả năng giảm thể tích cặn khi lên men: 0,7 (giảm 30%)

c: Hệ số kể đến việc để lại một phần cặn đã lên men khi hút cặn để duy trì vi sinh vật giúp cho quá trình lên men cặn được nhanh hơn: 1,2 (để lại 20%)

N: Số người mà bể phục vụ: ước tính tối đa khoảng 500 người

T: Thời gian giữa hai lần lấy cặn: 90 - 180 ngày

W1, W2: Độ ẩm cặn tươi vào bể và của cặn khi lên men, tương ứng là 95% và 90%.

$$W_b = [0,8 \times 180 \times (100 - 95) \times 0,70 \times 1,2] \times 500 / [(100 - 90) \times 1000]$$

$$W_b = 30,25 \text{ m}^3$$

$$W_n = 30,25 \times 2/3 = 20,15 \text{ m}^3$$

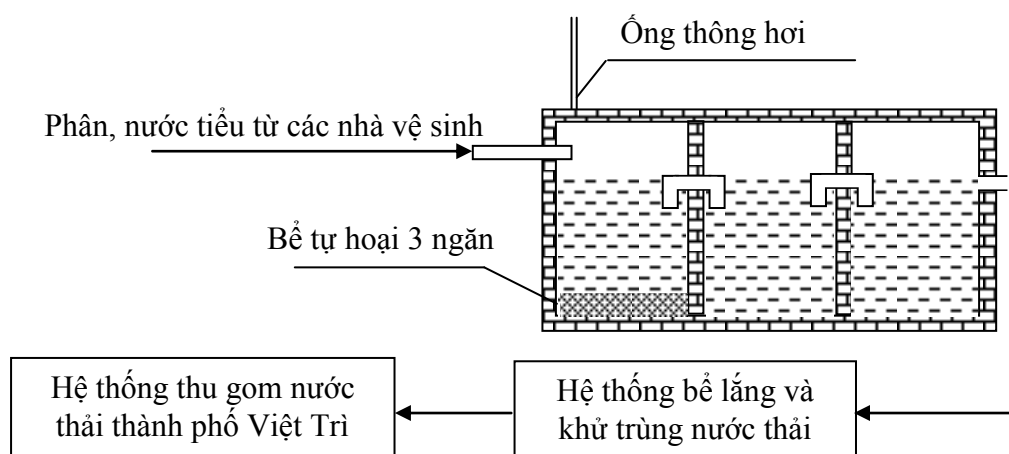
$$\text{Vậy dung tích của bể tự hoại là: } W = 30,25 + 20,15 = 50,4 \text{ m}^3.$$

Như vậy, để xử lý lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt khu chợ cần phải xây các bể tự hoại tại chân công trình khu nhà chợ chính,

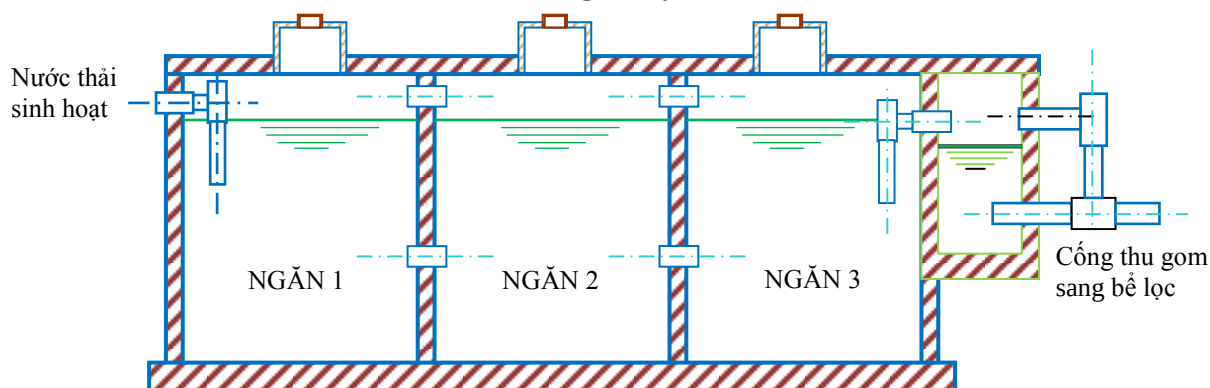
các khu ki-ốt chợ với tổng thể tích lớn hơn hoặc bằng 50,4 m³. Dự kiến công ty thực hiện xây dựng các bể tự hoại dưới chân các công trình nhà vệ sinh gồm:

- + Khu chợ chính: xây dựng 01 bể, dung tích bể là 15 m³;
- + Khu nhà thương mại dịch vụ, ki-ốt: gồm 20 ki-ốt, mỗi ki-ốt xây dựng 01 bể tự hoại có dung tích mỗi bể là 3 m³;

⇒ Tính toán từng ngăn của bể tự hoại: thể tích ngăn thứ nhất lấy bằng 1/2 thể tích tổng cộng, thể tích ngăn thứ 2 và thứ 3 lấy bằng 1/4 thể tích tổng cộng.



Hình 4. 2. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt



Hình 4. 3. Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn có ngăn lọc

Bảng 4. 6. Khối lượng tuyến ống thoát nước thải sinh hoạt

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Rãnh B450	m	72
2	Rãnh B300	m	150
3	Ống PVC D110	m	350
4	Ống PVC D60	m	150
5	Hố ga bê tông	Cái	05
6	Bơm nước thải Q = 5m ³ /h và Q = 15m ³ /h	Cái	04

* Đối với nước thải phát sinh từ hoạt động rửa sàn nhà vệ sinh, nước thải từ hoạt động của chợ: Nước thải chợ (từ khu vực mua bán thực phẩm tươi sống, từ khu vực các cửa hàng ăn uống, khu giết mổ gia cầm, thủy hải sản...) sẽ được lọc rác và được thu gom theo đường ống thoát nước riêng có bố trí các hố ga

lắng cặn (kích thước hố ga: dài x rộng x sâu = 1400mm x 1000mm x 1400mm) đầu nối vào hệ thống 02 bể lắng 3 ngăn để xử lý cùng với nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua bể tự hoại sau đó dẫn về bể khử trùng để khử trùng nước thải trước khi đầu nối vào đường ống thu gom nước thải tập trung của thành phố (*Vị trí đầu nối được thể hiện trên bản vẽ thoát nước thải của dự án*), cụ thể:

- 02 bể lắng số 1 và bể lắng số 2 có dung tích: 35 m³/bể, kích thước như sau:

+ Dài: 5 m;

+ Rộng: 3,5 m;

+ Sâu: 2m;

- 01 bể khử trùng có dung tích: 5 m³/bể có kích thước như sau:

+ Dài: 2 m;

+ Rộng: 1,95 m;

+ Sâu: 1,3 m;

- Các bể tự hoại và bể lắng, khử trùng xử lý nước thải sinh hoạt được xây ngầm dưới nền láng bê tông cốt thép, xung quanh xây gạch tường 220, vữa xi măng mác 50, có đánh bóng xi măng để xử lý nước thải và vệ sinh môi trường.

Bảng 4. 7. Danh mục hóa chất sử dụng trong xử lý nước nước thải

STT	Hóa chất	Đặc tính kỹ thuật	Khối lượng
1	Chế phẩm vi sinh xử lý bồn cầu	Rắn	200 g/m ³ bể tự hoại
2	Viên tẩy bồn cầu	Rắn	0,02 kg/m ³ nước thải
3	Polimer làm trong nước thải	-	0,01 kg/m ³ nước thải
4	Javel/clorua vôi	Dung dịch	0,02 kg/m ³ nước thải

2.1.2. Về công trình thu gom, biện pháp thoát nước mưa chảy tràn:

*** Giải pháp thiết kế thoát nước mưa chảy tràn:**

- Đảm bảo tiêu thoát nước nhanh, không ngập lụt trong quá trình sử dụng.

- Đảm bảo sự thống nhất của hệ thống thoát nước mưa trong khu vực dự án với các khu vực đã lập quy hoạch, không làm ảnh hưởng đến hoạt động tiêu, thoát hiện có của khu vực lân cận.

- Tận dụng địa hình trong quá trình vạch mạng lưới thoát nước mưa đảm bảo thoát nước triệt để trên nguyên tắc tự chảy.

- Mạng lưới thoát nước có chiều dài đường cống thoát nước ngắn nhất, đảm bảo thời gian thoát nước mặt là nhanh nhất.

- Hạn chế giao cắt của hệ thống đường cống thoát nước mưa với các công trình ngầm khác trong quá trình vạch mạng lưới.

- Độ dốc cống thoát nước mưa cố gắng bám sát địa hình để giảm độ sâu chôn cống, đảm bảo điều kiện làm việc về thủy lực cũng như giảm khối lượng đào đắp cống.

Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn giữa thoát nước mưa và thoát nước bẩn.

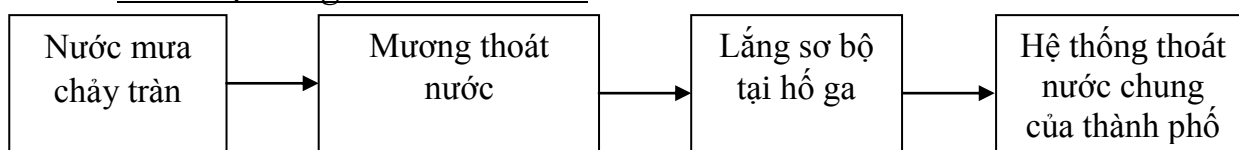
Hệ thống cống thoát nước mưa thiết kế được xây dựng bằng công tròn, công hộp bê tông cốt thép chịu lực đúc sẵn kết hợp với rãnh thu nước ghi gang. Trên hệ thống thoát nước có bố trí các công trình kỹ thuật như: giếng thu nước mưa, giếng kiểm tra...v.v... theo quy định hiện hành.

Nước mưa chảy tràn, nước trên mái chảy xuống theo các tuyến mương nhánh, đổ vào tuyến thoát chính sau đó thoát ra hệ thống thoát nước khu vực.

Cống và rãnh được thiết kế với độ dốc tối thiểu $i = 3\%$ để đảm bảo thoát nước tự chảy. Nước mưa mái và nước mưa ban công được thu gom qua các phễu thu D125mm, D150mm (trên mái), D80mm (ban công) với ống đứng thoát nước mưa tương ứng là DN100mm & DN150mm (bằng hệ thống đường ống riêng) cho thoát thẳng ra hệ thống thoát nước mưa của khu công trình ở ngoài nhà.

Dọc theo hệ thống thoát nước mưa bố trí các hố ga có lưới chắn rác. Rác thải và chất thải rắn lơ lửng được tách khỏi hố ga. Các hố ga được thu gom rác và nạo vét rác, bùn thường xuyên.

** Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa:*



Hình 4.4. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn

2.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

Các nguồn gây ô nhiễm không khí khi Dự án đi vào hoạt động là do hoạt động giao thông của xe tải, xe ô tô, xe gắn máy ra vào khu vực chợ... Ngoài ra, còn có các chất ô nhiễm phát sinh từ hoạt động đun nấu, tuy nhiên nguồn ô nhiễm này không đáng kể, có thể giảm thiểu được bằng các biện pháp quản lý và kỹ thuật.

a. Cải thiện môi trường không khí chung:

Do đặc thù của khu chợ không có nguồn phát thải gây ô nhiễm đặc thù như ống khói công nghiệp, vì vậy, việc hạn chế ô nhiễm môi trường không khí sẽ tập trung vào các biện pháp duy trì môi trường xanh - sạch - đẹp cho khu vực dự án.

Thực hiện các giải pháp trồng cây xanh và tạo diện tích đất trống để cải thiện môi trường không khí trong khu vực. Cây xanh bố trí cách nhau 10m/cây, sử dụng các loại cây lấy bóng mát chịu được gió bụi, sâu bệnh, thân cây thẳng, có rễ ăn sâu, tán rộng và có khả năng chịu mực nước ngầm cao hoặc các loại cây tạo cảnh quan. Dự kiến trồng các loại cây phượng vĩ, bằng lăng, sấu, cơm nguội, lộc vùng... dọc theo hai bên tuyến đường nội bộ và các dải phân cách đường.

b. Giảm thiểu lượng bụi, khí thải phát sinh hoạt động giao thông:

- Khí thải phát sinh do các phương tiện giao thông ra vào khu vực chợ là nguồn không tập trung, đối với khu vực chợ thường phát sinh nhiều nhất vào đầu giờ sáng hoặc cuối giờ chiều là thời gian người dân tập trung đi chợ. Hơn nữa, khu vực được quy hoạch thoáng, diện tích cây xanh được bố trí hợp lý xung quanh Dự án sẽ góp phần làm sạch môi trường. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như giữ bụi, lọc sạch không khí, giảm và che chắn tiếng ồn, cải thiện các yếu tố vi khí hậu.

- Các phương tiện vận chuyển ra vào khu vực Dự án cũng phát sinh lượng bụi như: xe tải nhỏ, xe gắn máy, xe taxi, sẽ được khắc phục bằng cách vệ sinh sân bãi thường xuyên nhằm giảm lượng bụi phát sinh.

- Bố trí bãi đậu xe và nhân viên bảo vệ hướng dẫn ra vào khu vực dự án hợp lý, tránh ùn tắc giao thông gây ô nhiễm môi trường.

- Đối với các phương tiện bốc dỡ và các xe vận chuyển hàng hoá ra vào khu vực chợ sẽ tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.

Khi dự án được đi vào khai thác sử dụng thì toàn bộ mặt bằng sân, đường được trải nhựa hoặc bê tông hóa, vì vậy bụi và khí thải phát sinh trong quá trình lưu thông của các phương tiện giao thông không đáng kể. Ngoài biện pháp trồng cây xanh thì có thể hạn chế bằng biện pháp vệ sinh hàng ngày mặt bằng sân bãi và các tuyến đường chính, đường nội bộ trong khu vực. Ban quản lý chợ sẽ phân công đội vệ sinh môi trường tiến hành thu gom chất thải rắn đồng thời vệ sinh đường nội bộ khu vực dự án, tưới nước rửa đường, vệ sinh khu tập kết chất thải rắn trong quá trình vận hành 01 ngày/lần vào cuối ngày.

c. Không chế mùi hôi, thối từ quá trình phân hủy chất thải, từ khu tập kết CTR và các khu vực cống rãnh thoát nước:

- Chất thải rắn phát sinh tại mỗi khu vực sẽ được chứa trong các thùng chứa rác có nắp đậy, tránh cho ruồi muỗi phát triển và mùi hôi thoát ra gây ô nhiễm môi trường không khí xung quanh. Rác thải sẽ được thu gom hàng ngày và đưa đi xử lý bằng xe chuyên dụng đến nơi xử lý.

- Sau khi dự án đi vào vận hành, Ban quản lý chợ sẽ hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ VSMT tại địa phương (Công ty cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Việt Trì) thu gom vận chuyển chất thải rắn phát sinh tại chợ đi xử lý tối thiểu 01 lần/ngày, tránh việc lưu trữ rác thời gian dài trong khu vực chợ.

- Điểm tập kết rác được bố trí ở vị trí thông thoáng và ngăn cách với khu vực khác của dự án và được vệ sinh ngay sau khi thu gom rác. Dự án sẽ bố trí 01 khu tập kết CTR tạm thời phía Đông Nam dự án có diện tích 100 m² (*Vị trí khu tập kết chất thải rắn được thể hiện trên bản vẽ tổng mặt bằng đính kèm phụ lục*).

- Điểm tập kết rác được bố trí ở vị trí thông thoáng và ngăn cách với khu vực buôn bán, có tường bao quanh và mái che và được vệ sinh ngay sau khi thu gom rác.

- Tăng số lần dọn vệ sinh tại các khu mua bán trong ngày, đặc biệt với những khu vực kinh doanh các mặt hàng tươi sống, thực phẩm, hoa quả...

- Các khu vệ sinh trong công trình được thông gió bằng quạt hút gió chung kiểu ly tâm lắp đặt trên mái. Tại mỗi khu vệ sinh đều được lắp các cửa hút gió kèm van điều chỉnh lưu lượng.

- Các nắp cống, hố ga được đậy kín để tránh phát tán mùi hôi.

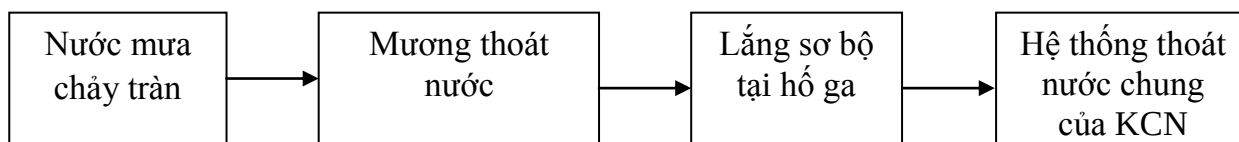
- Các khu đất trống sẽ luôn được dọn dẹp, phun thuốc diệt muỗi, khử mùi hàng ngày.

- Ban quản lý chợ phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước tổ chức tập huấn nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho các hộ kinh doanh và buôn bán trong khu vực.

- Về quy hoạch mặt bằng, công ty bố trí các hạng mục công trình với các vị trí hợp lý đồng thời bố trí nhiều diện tích cây xanh xen giữa các công trình. Do khu vực chợ vẫn lai thường diễn ra các hoạt động kinh doanh buôn bán gồm buôn bán các mặt hàng tươi sống có giết mổ gia cầm (gà, vịt), cá,... nên công ty bố trí khu vực chợ vẫn lai và khu nhà vệ sinh công cộng về phía Nam dự án và ngăn cách với khu chợ chính, các ki-ốt bởi vườn hoa cây xanh, vừa tạo cảnh quan, vừa có tác dụng ngăn cản mùi phát tán. Còn đối với khu vực tiếp giáp với khu dân cư và đường Đại Nải, công ty bố trí nhà chợ chính và khu ki-ốt với kết cấu hiện đại, các hoạt động buôn bán đều diễn ra trong nhà nên tác động không đáng kể về tiếng ồn tới khu vực xung quanh.

d. Giảm thiểu mùi phát sinh từ hoạt động nấu nướng:

Với khu vực bếp của các hộ kinh doanh ăn uống sẽ yêu cầu sử dụng các quạt ly tâm đặt trên mái để cấp bổ sung gió tươi (bằng 80% lưu lượng gió thải) và hút thải khói trực tiếp từ các chụp hút bếp ra bên ngoài, đảm bảo không ảnh hưởng mùi đến khu vực khác trong chợ.



Hình 4.5. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn

2.2.3. Về công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại:

a. Chất thải rắn từ chợ:

Chất thải rắn chủ yếu phát sinh từ khu vực mua bán rau quả và thực phẩm tươi sống, khu vực kinh doanh thủy hải sản; giết mổ gia cầm và các cửa hàng ăn

uống. Ngoài ra còn một lượng nhỏ chất thải rắn phát sinh từ khu vực bán quần áo, khu vực các cửa hàng điện tử, khu vực cửa hàng đồ nhựa, sành sứ, thủy tinh.

+ Khu vực mua bán rau quả và thực phẩm tươi sống: Đây là nơi phát sinh rác thải nhiều nhất trong quá trình dự án đi vào hoạt động. Rác chủ yếu được thải ra từ hàng nông sản với thành phần chủ yếu là phế thải nông nghiệp như rau củ quả, trái cây, hoa hồng, cành và lá hoa bỏ đi, rơm rạ...; phế thải trong quá trình giết mổ gia cầm, thủy hải sản... như lông, da, phân, nội tạng không sử dụng. Ngoài ra còn có thể có thực phẩm không đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y.

Theo một khảo sát của Trung tâm quan trắc và bảo vệ môi trường tỉnh Hải Dương tại chợ nông sản Bình Giang, tỉnh Hải Dương cho thấy tỷ lệ thành phần chất thải rắn phát sinh ở khu vực này như sau:

Bảng 4. 8. Tỷ lệ thành phần chất thải rắn phát sinh ở khu vực bán hàng rau củ quả và thực phẩm tươi sống

STT	Sản phẩm	Hệ số thải (%)
1	Gạo, ngô, khoai	2
2	Rau củ quả	70
3	Thịt lợn, bò..	3
4	Thịt gia cầm	10
5	Cá, tôm, cua..	10
6	Các loại khác	5

(Nguồn: Trung tâm quan trắc tỉnh Hải Dương, 2015)

+ Khu vực các cửa hàng ăn uống: bao gồm các loại chất thải hữu cơ như thực phẩm rau quả, thức ăn dư thừa hoặc bị hư hỏng và chất thải vô cơ như các bao bì đựng và gói thực phẩm, túi nilon. Dự kiến các cửa hàng ăn uống chiếm 15% tổng số kiot của chợ tức là khoảng 42 cửa hàng. Theo số liệu tham khảo từ kết quả điều tra khảo sát thực tế của Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường Hải Dương tại một số chợ tương tự, khối lượng chất thải rắn phát sinh đối với loại hình này là 5kg/cửa hàng. Như vậy tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh khu vực cửa hàng ăn uống là 210 kg/ngày đêm. Rác thải loại này cần được thu gom và xử lý để hạn chế ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

+ Các khu vực khác (khu vực bán quần áo, đồ gia dụng,...): Chất thải rắn phát sinh chủ yếu bao gồm túi nylon, giấy các loại, thủy tinh sành sứ. Ngoài ra còn có thể phát sinh một lượng nhỏ đồ điện tử hỏng, không còn dùng được, đây là loại chất thải khó phân hủy. Diện tích của khu vực này chiếm 55% tổng số kiot tại chợ, ước tính khoảng 154 kiot. Ước tính khối lượng chất thải rắn phát sinh tại các ki ốt này là 0,5kg/cửa hàng/ngày. Khối lượng chất thải rắn loại này phát sinh khoảng 77kg/ngày. Chất thải rắn loại này khó phân hủy trong môi trường, ảnh hưởng tới cảnh quan khu vực, và gây ô nhiễm môi trường khu vực

Dự án. Chủ dự án sẽ có kế hoạch thu gom và phân loại rác thải tại nguồn, như vậy sẽ giảm được chi phí xử lý và tăng khả năng tái sử dụng chất thải rắn.

Bảng 4. 9. Thành phần đặc trưng của chất thải sinh hoạt của khu chợ

Thành phần		Mô tả
<i>Chất thải từ khu nhà ở và hoạt động mua bán</i>		
<i>Chất thải có thể phân hủy sinh học</i>	Rác hoa quả	Quả (Chôm chôm, dừa hấu, thanh long, vải, ...) và hoa, lá (Cúc, hồng, ...) thối, hỏng
	Các loại rau, cá thịt hỏng	Các loại rau: muống, dền, mùng tơi, cải... Đầu cá, cá thịt các loại đã hỏng Da, lông, phân, ruột cá, gia cầm
	Thức ăn thừa	Bánh mì, cơm, thịt, rau...
<i>Chất thải có thể tái sinh, tái sử dụng</i>	Kim loại	Can nhôm, vỏ bao bì kim loại
	Thủy tinh	Chai, ly bia, nước ngọt
	Nhựa có thể tái sinh	Chai, túi dẻo trong
	Giấy có thể tái sinh	Khăn giấy, bao bì giấy, giấy in, giấy báo
<i>Chất thải tổng hợp</i>	Giấy không thể tái sinh	Khăn giấy ăn, khăn giấy nhà vệ sinh...
	Nhựa không thể tái sinh	Túi nhựa chết
	Khác	Mảnh gỗ, cát, bụi, cao su, vải, quần áo...

*** Biện pháp phân loại chất thải rắn tại nguồn:**

Nhằm tận dụng triệt để nguồn tài nguyên từ chất thải đồng thời góp phần xử lý chất thải rắn triệt để cần thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn theo 02 loại: chất thải rắn có thể tái chế/tái sử dụng và chất thải rắn không tái chế/tái sử dụng.

Đối với các chất thải rắn vô cơ có thể tái chế/tái sử dụng như giấy, bìa carton, vỏ chai nhựa, chai bia, lon bia,... từng cơ sở, hộ kinh doanh phát sinh tự thu gom phân loại, sau đó bán cho các cơ sở thu mua nguyên vật liệu tái chế.

Đối với chất thải rắn hữu cơ như thức ăn, thực phẩm thừa từ các cửa hàng phục vụ ăn uống sẽ được thu gom vào thùng riêng và cho các hộ gia đình có nhu cầu về làm thức ăn chăn nuôi.

Đối với chất thải hữu cơ và chất thải vô cơ không sử dụng được, các hộ kinh doanh tự thu gom vào thùng riêng, cuối buổi sẽ có công nhân vệ sinh của ban quản lý chợ đến thu gom và vận chuyển về khu tập kết CTR của dự án.

*** Các biện pháp quản lý chất thải rắn từ chợ:**

- Chất thải rắn từ các quầy buôn bán hàng tươi sống (thường chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy) phát sinh từ quá trình giết mổ gia gia cầm và tôm, cua, cá...: phần da, nội tạng các hộ kinh doanh sẽ tự thu gom mang về làm thức ăn cho gia súc, phần không sử dụng được như lông, móng, phân được chứa trong các

thùng chứa có nắp sau đó công nhân vệ sinh sẽ thu gom vận chuyển ra khu tập kết rác thải chung của khu chợ vào cuối ngày.

- Chất thải rắn từ các quầy buôn bán hoa, quả, rau: là các chất hữu cơ dễ phân hủy sẽ được chủ quầy hàng tận dụng mang về làm thức ăn chăn nuôi hoặc được thu gom tập trung vào xe chứa rác dung tích $1,2m^3$ tại khu tập kết chất thải rắn sau mỗi ngày tan chợ.

- Chất thải rắn từ các hộ buôn bán sẽ được thu gom vào thùng chứa chất thải rắn của từng cửa hàng, sau đó cuối ngày tan chợ sẽ được công nhân vệ sinh đến thu gom và vận chuyển ra bãi tập kết.

- Chất thải rắn của các nhà hàng ăn uống: cơm, bún, phở, thức ăn thừa sẽ được thu gom vào các thùng chứa và bán lại cho các hộ gia đình chăn nuôi gần đây để sử dụng làm thức ăn chăn nuôi cho lợn, gà.

- Rác từ khu vực các quầy sạp, kiot chủ yếu là giấy, nylon, kim loại được thu gom vào cuối ngày và chuyển về nơi tập kết rác.

- Các loại rác thải từ sinh hoạt của khách hàng sẽ được thu gom và vận chuyển đi tương tự rác từ các quầy sạp.

Tất cả các loại chất thải này sau khi được thu gom và chứa trong các xe đẩy có dung tích $1,2m^3$ và tập kết tại bãi chứa chất thải rắn tạm thời phía Nam khu vực dự án, sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng (Công ty cổ phần môi trường và dịch vụ đô thị Việt Trì) đến vận chuyển đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày vào cuối ngày sau khi tan chợ. Khu tập kết chất thải rắn được xây tường bao quanh kết hợp với mái che, hạn chế mùi của rác thải ảnh hưởng tới khu dân cư cũng như các đối tượng mua bán trong chợ.

b. Chất thải nguy hại:

- Các loại chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của chợ như pin hồng thải, bóng đèn huỳnh quang hỏng thải, thuốc và các loại mặt hàng có chứa chất nguy hại hết hạn bị thải bỏ. Lượng chất thải này tuy không nhiều, nhưng có thể gây các tác động nguy hại đến môi trường.

Ban quản lý chợ sẽ bố trí các thùng phuy dung tích 200l, lưu giữ các loại CTR nguy hại riêng với nhau, số lượng thùng phuy tùy theo số lượng các loại chất thải nguy hại phát sinh thực tế sau khi đi vào hoạt động. Sau đó các thùng phuy này được chứa trong kho chứa riêng biệt bố trí dưới gầm cầu thang khu nhà chợ chính có diện tích $10m^2$ theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ban quản lý chợ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thực hiện thu gom, xử lý CTNH đúng quy định.

- Tần suất thu gom, hợp đồng thuê xử lý chất thải nguy hại: tối thiểu 01 năm/lần.

Thông số kỹ thuật kho chứa CTNH như sau:

+ Chiều cao: 3m, rộng: 2,5m, dài: 4m. Tường xây gạch chỉ dày 200 mm.

- Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại:

+ Vỏ có **khả năng chống được sự ăn mòn**, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với CTNH bên trong, có khả năng chống thấm cao;

+ Kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải trong quá trình sử dụng;

+ Có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707:2009 với kích thước ít nhất 30cm mỗi chiều, được ghi rõ, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

- Yêu cầu kho chứa CTNH:

Kho chứa chất thải nguy hại của công ty phải đáp ứng được các yêu cầu sau đây:

+ Có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, mặt sàn trong khu vực lưu giữ CTNH được thiết kế tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào;

+ Mặt sàn kho CTNH đảm bảo kín khít, không rạn nứt, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng với CTNH, sàn có đủ độ bền chịu được tải trọng của lượng CTNH cao nhất theo tính toán, tường và vách ngăn bằng vật liệu chống cháy;

+ Có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH bằng vật liệu không cháy, trừ các thiết bị lưu chứa CTNH có dung tích lớn hơn 5 m³ thì được đặt ngoài trời; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong;

+ Có gờ chống tràn CTNH. Đồng thời phân chia các ô hoặc bộ phận riêng cho từng loại CTNH hoặc nhóm CTNH có cùng tính chất để cách ly các loại hoặc nhóm CTNH khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau.

Ngoài những biện pháp thu gom, lưu trữ và xử lý các loại CTR và CTNH nêu trên công ty yêu cầu Ban quản lý chợ áp dụng một số biện pháp tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho các hộ kinh doanh; Thường xuyên phát động phong trào vệ sinh; Hướng dẫn các hộ kinh doanh, tiểu thương hoạt động trong chợ cách phân loại rác tại nguồn để đảm bảo môi trường kinh doanh trong chợ luôn sạch sẽ và không gây ô nhiễm môi trường.

2.2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Giảm thiểu tiếng ồn tại nguồn:

+ Bố trí phân khu chức năng của chợ hợp lý, các hộ kinh doanh loa đài, điện tử không bật các thiết bị có độ ồn lớn trong thời gian dài.

+ Bố trí bãi đỗ xe thông thống để hạn chế việc nổ máy của các phương tiện giao thông chờ, đỗ trong khu vực chợ. Hạn chế để xe nổ máy không tải.

+ Phương tiện giao thông không sử dụng ga quá lớn khi vào khu vực chợ.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực chợ nhằm làm giảm khả năng lan truyền của tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

2.2.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nhiệt:

Mục đích của việc khống chế ô nhiễm nhiệt là làm mát không khí, làm sạch bụi và một số khí độc trong không khí... để tạo môi trường kinh doanh theo đúng tiêu chuẩn.

Hệ thống thông gió sẽ được thiết kế theo các quy định trong TCVN 5687: 1992 “Thông gió điều tiết không khí, sưởi ấm - tiêu chuẩn thiết kế”. Thiết kế phát huy tối đa khả năng thông gió tự nhiên. Hệ thống thông gió đảm bảo thường xuyên cung cấp nguồn khí trong sạch, môi trường không khí bên trong luôn thông thoáng với bên ngoài, thỏa mãn yêu cầu điều kiện vi khí hậu của công trình. Ngoài ra còn bố trí các quạt thông gió một cách hợp lý để tránh hiện tượng không khí từ các khu vệ sinh lan truyền vào hành lang và các khu kinh doanh.

Khu vực các ngành hàng tươi sống, dịch vụ ăn uống, ... có nhiều mùi, hơi, khói ... sẽ áp dụng biện pháp hút thổi không khí cưỡng bức để tăng cường lưu chuyển không khí, tránh khói, mùi lan toả ra các khu vực khác trong Dự án.

Khu vực kios tầng 1 và tầng 2, tầng 3 và khu vực chợ chính được thiết kế điều hòa cục bộ và khu vực văn phòng tầng 3 được thiết kế điều hòa VRV với dàn nóng đặt trên mái để đảm bảo thẩm mỹ.

b. Các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự:

Công tác đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực chợ sẽ được coi trọng. Để đạt được mục tiêu trên, chủ đầu tư sẽ duy trì thực hiện các biện pháp sau:

- Xây dựng và ban hành nội quy về giữ gìn an ninh trật tự - BVMT - nếp sống văn hóa.

- Tổ chức đội bảo vệ giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ tài sản của các hộ kinh doanh và tiêu thương trong chợ.

- Phối hợp với chính quyền và công an địa phương trong công tác giữ gìn an ninh trật tự.

2.2.6. Phương án phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

Bảng 4. 10. Các biện pháp hạn chế rủi ro xảy ra trong giai đoạn hoạt động

TT	Nội dung	Các biện pháp do chủ dự án	Các biện pháp phối hợp
----	----------	----------------------------	------------------------

		thực hiện	với các bên liên quan
1	Sự cố cháy nổ tại các hộ kinh doanh, các ki-ốt trong chợ	- Hệ thống tăng áp cầu thang khu nhà chợ chính và ki-ốt: các quạt tăng áp được cung cấp các bộ biến tần và tín hiệu tự động điều khiển cho biến tần lấy từ role cảm biến áp suất trong buồng thang bộ. Bố trí mỗi tòa thương mại 1 role cảm biến áp suất kết nối điều khiển với bộ biến tần và hệ thống điều khiển của hệ thống PCCC hoặc BMS (nếu có). - Hệ thống hút khói hành lang: các quạt hút khói được cung cấp các bộ biến tần, tín hiệu tự động điều khiển kết nối với các van FSD ở từng tầng và kết nối điều khiển hệ thống điều khiển của hệ thống PCCC hoặc BMS (nếu có). - Đầu tư các dụng cụ và phương tiện phòng cháy chữa cháy để có thể tham gia ứng phó kịp thời khi sự cố xảy ra.	- Khi có sự cố cháy nổ xảy ra đối với khu vực chợ, đầu tiên cần sơ tán các hộ kinh doanh, tiểu thương, người mua hàng trong khu vực thoát ra bằng cửa thoát hiểm cầu thang bộ được bố trí trong chợ. - Phối hợp với cơ quan cảnh sát phòng cháy chữa cháy của thành phố Việt Trì để kiểm tra, giám sát và nghiệm thu công trình; - Phối hợp với cơ quan PCCC của thành phố để định kỳ kiểm tra các tiêu chuẩn PCCC và có các giải pháp khác phục kịp thời.
2	Sự cố sét đánh tại các khu nhà, sự cố chập cháy điện	- Tất cả các tòa nhà đều phải có hệ thống chống sét, tránh sét đánh gây chập điện sinh ra cháy nổ; - Tất cả vỏ thiết bị điện trạm biến áp, thiết bị công nghệ, tủ, hộp điện vỏ cáp và các kết cấu kim loại khác dùng để lắp đặt thiết bị điện và hệ thống điện được nối đất phù hợp với chế độ của điện trung tính của máy biến thế nguồn, thông qua một mạng lưới tiếp địa bằng dây đồng trần. Lắp đặt mạng lưới và hệ thống điện vừa đảm bảo độ thẩm mỹ vừa mang tính tiện lợi và có tính an toàn cao. - Lối thoát hiểm và thang thoát hiểm tuân thủ theo các quy định trong tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy TCVN 2622:1995 và TCVN 6161:1996, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách từ vị trí xa nhất đến cửa thoát hiểm hoặc cầu thang thoát. - Khu kinh doanh, kho hàng, ... đều có cửa chính lưu thông với hành lang và	- Phối hợp với cơ quan phòng cháy chữa cháy của thành phố Việt Trì để kiểm tra, giám sát và nghiệm thu công trình; - Phối hợp với cơ quan PCCC của thành phố để định kỳ kiểm tra các tiêu chuẩn PCCC và có các giải pháp khác phục kịp thời.

		lỗi đi chính	
3	Sụt lún, sập công trình trong quá trình sử dụng do chất lượng công trình	- Khảo sát đánh giá kỹ các số liệu về địa chất công trình khu vực làm cơ sở thiết kế kết cấu; - Bố trí tổ giám sát kỹ thuật công trình trong quá trình thi công và xây dựng quy trình giám sát đối với từng nhà thầu phụ để đảm bảo chất lượng công trình đạt theo các yêu cầu thiết kế; - Giám sát chặt chẽ trong quá trình thi công.	- Phối hợp với thanh tra xây dựng tỉnh; - Phối hợp với cơ quan tư vấn độc lập chuyên ngành
4	Ngập úng các tuyến đường trong vực dự án	- Thống kê các sự cố về tình hình ngập úng trong khu vực làm cơ sở xây dựng phương án thoát nước tổng thể cho Dự án; - Thiết kế cốt nền và giải pháp thoát nước tăng thể cho toàn bộ dự án.	- Phối hợp với cơ quan cấp thoát nước để xây dựng hệ thống thoát nước.
5	Sập đổ công trình do các sự cố động đất	- Tất cả các công trình xây dựng đều phải tính toán thiết kế kháng chấn; - Giám sát nghiêm ngặt việc tuân thủ các giải pháp kháng chấn trong quá trình thi công các công trình của các nhà thầu.	Phối hợp với các cơ quan chuyên môn, cơ quan có thẩm quyền để thẩm định thiết kế và giám sát chất lượng công trình.
6	Tai nạn giao thông	Khi dự án đi vào hoạt động đây là nơi tập trung số lượng người mua bán đông đúc tại các thời điểm nhất định, phải thiết kế hệ thống đường, bố trí biển báo phù hợp tránh xảy ra tai nạn đáng tiếc.	- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn, cơ quan có thẩm quyền để thẩm định thiết kế và giám sát chất lượng công trình. - Phối hợp cơ quan y tế gần nhất trong trường hợp cần thiết.
7	An toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch bệnh	- Thực hiện chặt chẽ công tác kiểm dịch khi nhập thực phẩm, rau quả theo mỗi lô hàng. - Thực phẩm tươi sống (thịt gia súc, gia cầm) phải được kiểm dịch chặt chẽ. - Khu vực chế biến thức ăn được bố trí xa nơi tập kết rác. Các hố ga trong khu vực này được đóng kín để tránh trường hợp ruồi muỗi đậu vào thức ăn, gây bệnh và lây bệnh cho người	- Phối hợp cơ quan y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong trường hợp cần thiết.

	dân trong khu vực. - Đối với thực phẩm bị nhiễm dịch phải được tiêu hủy theo quy định của Bộ y tế, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.	
--	--	--

3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BVMT

3.1. Kế hoạch thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án và các kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường được thể hiện như sau:

Bảng 4. 11. Danh mục dự trù kinh phí công trình xử lý môi trường dự án đầu tư

TT	Tên công trình	Số lượng	Kinh phí (đồng)
A	Mức đầu tư công trình BVMT trong giai đoạn thi công xây dựng	-	150.000.000
B	Giai đoạn dự án đi vào hoạt động		4.555.000.000
I. Thiết bị xử lý nước thải			
2	Bể tự hoại 3 ngăn	21 bể	250.000.000
3	Bể lắng 3 ngăn dung tích 35 m ³ /bể	02 bể	175.000.000
3	Bể khử trùng dung tích 5m ³	01 bể	15.000.000
4	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước mưa và các hố ga	01 HT	1.000.000.000
III. Thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại			
1	Thùng đựng rác thải sinh hoạt	25 cái	25.000.000
2	Xe đẩy thu gom rác thải sinh hoạt về khu tập kết	05 cái	25.000.000
3	Thùng chứa chất thải nguy hại	05 cái	15.000.000
4	Khu tập kết chất thải rắn thông thường 100 m ²	01 khu	300.000.000
5	Kho chất thải nguy hại 10 m ²	01 kho	50.000.000
IV	Thiết bị phòng chống cháy nổ	01 HT	3.000.000.000
V. Các công trình BVMT khác			
1	Trồng cây xanh trong khuôn viên chợ	-	200.000.000
2	Hệ thống phun nước giảm bụi, tưới cây, rửa đường	01	50.000.000
Tổng cộng kinh phí đầu tư các công trình xử lý BVMT			5.105.000.000

Công ty chúng tôi cam kết thực hiện lắp đặt đồng bộ các thiết bị xử lý môi trường trước khi đưa dự án vào hoạt động để đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh và cam kết chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

3.2. Kế hoạch tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

Để đảm bảo các công tác an toàn môi trường trong giai đoạn này, Chủ dự án sẽ đặt ra các điều khoản về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng và cam kết tuân thủ nghiêm túc các điều khoản đưa ra.

Đồng thời công ty sẽ bố trí 1-2 cán bộ kỹ thuật đảm nhận phụ trách theo dõi các công tác bảo vệ môi trường và an toàn lao động.

3.2.2. Giai đoạn dự án đi vào hoạt động:

Công ty thành lập một Ban quản lý chợ (20 người) có trách nhiệm theo dõi và quản lý chất thải, giải quyết mọi vấn đề liên quan đến trật tự, môi trường của Dự án khi đi vào hoạt động để kịp thời đưa ra những giải pháp và cùng lãnh đạo công ty quyết định để giải quyết các vấn đề môi trường nảy sinh.

Bảng 4.12. Tổ chức nhân sự cho công tác quản lý môi trường của khu chợ

TT	Công việc	Người thực hiện	Ghi chú
1	- Quản lý chung - Thực hiện các quy định bảo vệ môi trường khu vực chợ	Trưởng ban quản lý chợ	Các công việc sẽ được thực hiện trong suốt quá trình hoạt động của dự án
2	Quản lý chất thải rắn; chất thải nguy hại	Ban quản lý chợ	
3	Quản lý xử lý nước thải		
4	Quản lý và giải quyết các rủi ro, sự cố		
6	- Phòng chống các sự cố môi trường - Hoạt động phun nước chống bụi trên đường giao thông nội bộ của dự án	Ban quản lý chợ	

4. NHẬN XÉT VỀ MỨC ĐỘ CHI TIẾT, ĐỘ TIN CẬY CỦA CÁC KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO

4.1. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các đánh giá

Công ty chúng tôi đã phối hợp với cơ quan tư vấn lập báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường để đánh giá được đầy đủ các nguồn thải, các tác động xấu có thể ảnh hưởng tới môi trường cũng như giúp đỡ chúng tôi trong hoàn thiện các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp với yêu cầu của pháp luật và địa phương. Công ty cũng đã nhận được sự giúp đỡ của cơ quan Quản lý môi trường và Chính quyền địa phương trong việc cung cấp các số liệu về kinh tế, xã hội khu vực dự án do vậy báo cáo có đủ độ tin cậy để làm tài liệu quan trọng phục vụ quản lý môi trường của công ty trong quá trình đầu tư xây dựng, vận hành sau này cũng như đáp ứng yêu cầu của Giấy phép môi trường.

4.2. Về mức độ chi tiết của các đánh giá

Đánh giá tác động tới môi trường của dự án tuân thủ theo trình tự:

- Xác định và định lượng nguồn gây tác động theo từng hoạt động (hoặc từng thành phần của các hoạt động) gây tác động của dự án.

- Xác định quy mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động.

- Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn gây tác động, quy mô không gian, thời gian và tính nhạy cảm của các đối tượng chịu tác động.

Các đánh giá về các tác động là khá chi tiết và cụ thể. Cũng chính vì vậy mà trên cơ sở các đánh giá, Dự án đã đề ra được các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường một cách khả thi.

4.3. Về độ tin cậy của các đánh giá

Công cụ đánh giá tác động môi trường là các phương pháp đã được trình bày và đánh giá ở trên. Kết quả đánh giá là tin cậy. Do đó, việc đánh giá các tác động và mức độ tác động của dự án tới môi trường đối với từng giai đoạn thực hiện của dự án là thực tế. Chủ đầu tư đã có những cam kết trình bày chi tiết trong báo cáo này để thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu và phòng ngừa ô nhiễm nhằm đảm bảo phát triển dự án và bảo vệ môi trường khu vực.

4.4. Nhận xét về mức độ tin cậy của các phương pháp sử dụng

Các phương pháp áp dụng để dự báo các tác động môi trường bao gồm các phương pháp sau:

- Phương pháp khảo sát, đo đạc và lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm. Xác định các thông số về chất lượng không khí, độ ồn tại khu vực dự án và xung quanh theo quy trình, quy phạm. Việc thực hiện các công việc trên được thực hiện nghiêm túc nên các số liệu thu được đảm bảo độ tin cậy và chính xác cao.

- Phương pháp đánh giá nhanh: áp dụng theo quy định của WHO để xác định tải lượng của các chất ô nhiễm dựa vào hệ số ô nhiễm đối với các thành phần môi trường. Phương pháp này cho kết quả nhanh và khá chính xác.

- Phương pháp so sánh: Đánh giá các tác động trên cơ sở so sánh các tiêu chuẩn môi trường Việt Nam. Phương pháp này có độ tin cậy cao.

- Phương pháp phân tích đánh giá tổng hợp: là phương pháp đánh giá tổng hợp các tác động tới môi trường của dự án để trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động và phòng ngừa, ứng cứu sự cố môi trường có tính khả thi. Tuy phương pháp này mang tính chủ quan của người đánh giá nhưng được thực hiện bởi các chuyên gia có kinh nghiệm về lĩnh vực môi trường nên các đánh giá đảm bảo độ tin cậy.

- Phương pháp kế thừa: Kế thừa nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án xây dựng hạ tầng chợ Trung tâm thành phố Việt Trì đã được phê duyệt.

- Phương pháp chuyên gia: Lấy ý kiến của các chuyên gia hoạt động trong các lĩnh vực có liên quan (môi trường, thương mại, công nghiệp, kinh tế....).

CHƯƠNG V

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Do đặc thù hoạt động của dự án chỉ sử dụng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt và kinh doanh của các tiểu thương tại chợ được lấy từ nguồn nước cấp của thành phố. Với quy mô hoạt động của dự án thì lượng nước sạch cấp cho sinh hoạt và các hoạt động kinh doanh mua bán chỉ khoảng $31,3 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Lượng nước thải bằng $100\% \times \text{lượng nước cấp}$ (Nguồn: theo mục a, khoản 1, điều 39 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải). Như vậy, tổng lượng nước thải phát sinh hàng ngày là:

$$100\% \times 31,3 \text{ m}^3/\text{ngày} = 31,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Do công ty chúng tôi đề xuất xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải từ các hoạt động sinh hoạt và kinh doanh tại chợ đảm bảo xử lý lưu lượng nước thải phát sinh là $31,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$ gồm: 21 bể tự hoại bố trí dưới chân các công trình nhà vệ sinh; hệ thống bể lắng nước thải gồm 02 bể dung tích $35 \text{ m}^3/\text{bể}$ và 01 bể khử trùng dung tích $5 \text{ m}^3/\text{bể}$ để xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải từ hoạt động của chợ do vậy công ty chúng tôi xin được cấp phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng xả nước thải lớn nhất là: $35 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

1.3. Dòng thải phát sinh và các chất ô nhiễm trong nước thải

* *Dòng nước thải*: Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải của khu chợ sẽ được dẫn theo đường ống thoát ra 01 điểm xả thải phía Tây Nam khu chợ sau đó đầu nối với đường ống thu gom nước thải chung của thành phố Việt Trì.

* *Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải*:

Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của chợ chủ yếu là nước thải sinh hoạt và nước thải từ các quầy bán đồ thực phẩm, rau quả tươi sống; khu vực kinh doanh chế biến thủy, hải sản; giết mổ gia cầm do đó các thành phần chất ô nhiễm và giá trị giới hạn so sánh được thể hiện ở bảng dưới đây:

Bảng 5. 1. Thành phần chất ô nhiễm và giá trị giới hạn chất ô nhiễm trong nước thải của chợ Minh Phương

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)
1	pH	-	5 - 9
2	COD	mg/l	-



3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
11	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10
12	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000

1.4. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: Mương thu gom nước thải chung của thành phố nằm phía Tây Nam dự án có tọa độ: (X: 2359460; Y: 564296).

- Chế độ xả thải: Liên tục.

- Phương thức xả thải: Xả nước thải theo phương pháp tự chảy.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thu gom nước thải chung của thành phố nằm phía Tây Nam dự án.

2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

(Không có)

3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ hoạt động vận chuyển hàng hóa và khách hàng mua bán ra vào khu chợ.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ khu vực kinh doanh mặt hàng điện tử, loa đài, âm thanh.

3.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm đối với tiếng ồn

Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo quy chuẩn QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

Bảng 5. 2. Giới hạn cho phép mức áp suất âm theo thời gian tiếp xúc

Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L _{Aeq}) - dBA
8 giờ	85
4 giờ	88
2 giờ	91
1 giờ	94
30 phút	97
15 phút	100
7 phút	103

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Dự án chợ Minh Phương tại khu Hợp Phương, phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

3 phút	106
2 phút	109
1 phút	112
30 giây	115

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm Công ty chúng tôi sẽ tiến hành vận hành thử nghiệm hệ thống thu gom, xử lý nước thải của khu chợ đáp ứng yêu cầu xử lý tối đa 35 m³/ngày đêm. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý trên của Dự án được dự kiến: 6 tháng.

Sau khi được UBND thành phố Việt Trì cấp Giấy phép môi trường, Công ty sẽ vận hành thử nghiệm thời gian 75 ngày và tiến hành 05 đợt lấy mẫu quan trắc đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý nước thải.	Bắt đầu từ tháng 01/2023 Kết thúc tháng 06/2023
Thực hiện lấy mẫu 3 ngày liên tục để vận hành ổn định	

Công suất dự kiến đạt được của Dự án tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm là đưa toàn bộ công trình hạ tầng của chợ vào hoạt động đạt 100% công suất thiết kế.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

1.2.1. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra ngoài môi trường:

Bảng 6.1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý nước thải

STT	Tên mẫu	Ký hiệu	Chỉ tiêu	Tần suất
I. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả của từng hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải (75 ngày)				
1	Mẫu nước thải tại bể lắng 1 (mẫu đầu vào)	NT1	pH, TSS, BOD ₅ , COD, TDS, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, photphat, Coliform, Sunfua, lưu lượng	Lấy 5 lần cách nhau 15 ngày (lấy tổ hợp mẫu sáng - trưa - chiều).
2	Mẫu nước thải sau bể khử trùng (nước thải sau xử lý).	NT2		
II. Trong giai đoạn vận hành ổn định (3 ngày liên tiếp)				
1	Mẫu nước thải tại bể lắng 1 (mẫu đầu vào)	NT1	pH, TSS, BOD ₅ , COD, TDS, Amoni, Nitrat, Dầu	Lấy 1 mẫu đầu vào,
2	Mẫu nước thải sau bể	NT2	mỡ động thực vật, Tổng các	Lấy 3 mẫu

	khử trùng (nước thải sau xử lý).		chất hoạt động bề mặt, photphat, Coliform, Sunfua, lưu lượng	đầu ra liên tiếp 3 ngày
--	----------------------------------	--	--	-------------------------

1.2.2. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch:

a. Đơn vị tư vấn:

+ Tên công ty: Công ty TNHH tư vấn Tài nguyên và Môi trường Triều Dương.

+ Địa chỉ đơn vị tư vấn: Tổ 37A, Khu Lãng Cẩm, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

+ Điện thoại: 0914.472.688 Email: trieuduongtvtvntmt@gmail.com

+ Đại diện người đứng đầu cơ quan tư vấn:

Bà: **Nguyễn Thị Bích Liên** Chức vụ: Giám đốc công ty

b. Đơn vị quan trắc dự kiến phối hợp thực hiện:

* Tên công ty: Trung tâm Môi trường và Khoáng sản.

+ Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội.

+ Điện thoại: 098 529 66 96

+ Chứng chỉ công nhận Vilas số hiệu: VILAS 755, Vimcert 034.

* Tên công ty: Công ty cổ phần liên minh môi trường và xây dựng.

+ Địa chỉ: Tòa nhà số 75, DV02, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

+ Điện thoại: 02432036988; - Fax: 0243.2036366

+ Số hiệu Giấy chứng nhận hoạt động môi trường: VIMCETS 185.

2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI ĐỊNH KỲ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

2.1.1. Giám sát chất lượng nước thải:

Do đặc thù dự án không phát sinh khí thải nên chương trình quan trắc môi trường định kỳ của dự án chỉ thực hiện quan trắc chất lượng nước thải của dự án sau khi xử lý, cụ thể:

- Vị trí giám sát:

+ NT1: Mẫu nước thải tại bể lắng số 1 (trước xử lý).

+ NT2: Mẫu nước thải sau bể khử trùng (sau xử lý).

- Các thông số giám sát, quan trắc: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, TDS, Amoni, Nitrat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, photphat, Coliform, Sunfua.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (cột B).

2.1.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: khi có khối lượng.
- Vị trí giám sát: Hai (02) vị trí (khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn của chợ và chất thải nguy hại).
- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Công ty sẽ giao cho Cán bộ phụ trách môi trường của Ban quản lý chợ giám sát khối lượng chất thải rắn, CTNH phát sinh để phân loại, thu gom để xử lý theo đúng quy định.

3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM

- Căn cứ theo Thông tư số 240/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính Quy định giá tối đa dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại các cơ sở công lập.

- Dự trù kinh phí hoạt động giám sát môi trường định kỳ: 10.000.000 đồng/đợt.

- Một năm thực hiện 04 đợt giám sát lấy mẫu quan trắc môi trường định kỳ, ước tính 40 triệu đồng/năm.

CHƯƠNG VII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Thực hiện Dự án Chợ Minh Phương Công ty Cổ phần Tổng Công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc chúng tôi cam kết thực hiện đúng các biện pháp bảo vệ môi trường sau đây:

1. Trong quá trình tiếp nhận mặt bằng, công ty chúng tôi sẽ thực hiện tốt công tác quản lý ranh giới, mốc giới khu vực dự án theo quy định.

- Đảm bảo việc tháo dỡ các công trình chợ tạm, dọn dẹp mặt bằng khu vực dự án và thu gom, xử lý chất thải là phế thải xây dựng sau khi phá dỡ hạng mục chợ tạm để hợp đồng với đơn vị vận chuyển, đổ thải theo đúng quy định.

- Đảm bảo thực hiện tốt việc thiết kế hệ thống cấp nước, thoát nước; xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại cho Dự án.

2. Trong công tác xây dựng các hạng mục cơ bản, Chủ đầu tư cam kết đưa các yêu cầu về bảo vệ môi trường vào văn bản mời thầu và sẽ không chọn các nhà thầu không có phương án bảo vệ môi trường đạt yêu cầu của Pháp luật Việt Nam. Nhà thầu xây dựng được yêu cầu thực hiện các biện pháp sau:

- Tổ chức tốt lao động và vệ sinh môi trường tốt để tránh gây ô nhiễm do công nhân và các máy móc/thiết bị xây dựng gây ra.

- Tổ chức giao thông tốt để hạn chế ảnh hưởng tới cơ sở hạ tầng và giao thông trên tuyến đường chính dẫn vào khu vực xây dựng của Dự án.

- Thu gom và xử lý các loại CTR, dầu mỡ thải trong giai đoạn xây dựng.

- Bố trí vị trí và thời điểm hoạt động của các thiết bị thi công gây độ ồn lớn hợp lý tránh ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh khu vực xây dựng Dự án.

- Cam kết nhận người lao động địa phương tham gia trong giai đoạn xây dựng và vận hành dự án.

- Quản lý, giáo dục tốt công nhân trong mối quan hệ với người dân địa phương.

- Chủ đầu tư cam kết các hạng mục đầu tư xây dựng của Dự án chỉ thuộc phạm vi đất được cấp theo quy hoạch.

- Chủ đầu tư cam kết chịu trách nhiệm với cơ quan quản lý môi trường của Nhà nước và Chính quyền địa phương về các vấn đề môi trường trong giai đoạn xây dựng Dự án.

3. Trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động, Công ty cam kết sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường như sau:

- Thực hiện nghiêm chỉnh công tác phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, không để xảy ra sự cố môi trường (cháy, nổ, dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, chất thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường).

- Nghiêm chỉnh tuân thủ hướng dẫn của cơ quan chức năng quản lý Nhà nước về:

+ Thực hiện tốt hệ thống thu gom, phân loại và xử lý CTR sinh hoạt từ hoạt động kinh doanh của khu chợ, thu gom lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại và thực hiện chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường..

+ Thực hiện các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải từ hoạt động của khu chợ đảm bảo đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của thành phố Việt Trì.

+ Thực hiện các biện pháp đảm bảo điều kiện vi khí hậu trong khuôn viên kinh doanh buôn bán của khu chợ.

+ Kết hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và công an khu vực, thực hiện giữ gìn an ninh trật tự xã hội.

+ Thành lập bộ phận phụ trách Môi trường của Ban Quản lý chợ để triển khai các biện pháp quản lý môi trường, quan trắc, giám sát môi trường.

- Đảm bảo việc tiêu thoát nước trong phạm vi dự án.

- Cam kết đảm bảo nguồn lực về nhân sự, thiết bị và tài chính cho công tác bảo vệ môi trường đối với Dự án và cam kết chịu mọi trách nhiệm trước Pháp luật Việt Nam nếu để xảy ra các vấn đề về ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường hoặc tác động xấu đến KT - XH của địa phương.

- Cam kết giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường nhằm đảm bảo các thông số ô nhiễm do nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam. Cụ thể như sau: Nước thải của chợ được Công ty thu gom xử lý đảm bảo đạt mức B theo QCVN 40:2011/BTNMT trước khi được đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của thành phố Việt Trì tại vị trí xả thải đầu nối nước thải có tọa độ (X: 2359460; Y: 564296) phía Tây Nam khu vực dự án. Công ty cam kết không xả thải nước thải chưa qua xử lý ra ngoài môi trường.

- Chất thải rắn: Chất thải nguy hại và chất thải rắn sinh hoạt đều được thu gom, lưu giữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển trên địa bàn để định kỳ vận chuyển đưa đi xử lý, không để chất thải phát tán vào môi trường xung quanh.

4. Công ty Cổ phần Tổng Công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc sẽ thực hiện nghiêm túc và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng đối với hoạt động của dự án theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường.

5. Công ty Cổ phần Tổng Công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc sẽ phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình thiết kế và thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật về xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường.

6. Công ty sẽ giám sát công tác BVMT trong giai đoạn xây dựng và trong giai đoạn hoạt động và phối hợp với UBND thành phố Việt Trì, các cơ quan có chức năng giám sát, quan trắc môi trường để giám sát và kiểm soát ô nhiễm môi trường.

8. Chủ đầu tư cam kết thực hiện quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật liên quan về bảo vệ môi trường hiện hành.

7. Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực, nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Kính trình UBND thành phố Việt Trì, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Việt Trì cùng các cơ quan hữu quan quan tâm, xem xét, cấp giấy phép môi trường để Công ty chúng tôi hoàn chỉnh thủ tục pháp lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của địa phương.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường khu vực.

PHỤ LỤC
GIẤY TỜ PHÁP LÝ KÈM THEO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH THANH HOÁ
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2800633904

BẢN SAO

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 06 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 31, ngày 07 tháng 09 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY THƯƠNG
MẠI VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG BẮC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Dong Bac Trading and Construction
Corporation - Joint Stock Company

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Số 25/38 Phú Thọ 3, Phường Phú Sơn, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt
Nam*

Điện thoại: 0374026395

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 800.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 8.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN BÁ BẮC

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 08/09/1962

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038062004958

Ngày cấp: 18/04/2018

Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú
và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Lô 01+02, 19 Phan Chu Trinh, Phường Điện Biên, Thành phố
Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Lô 01+02, 19 Phan Chu Trinh, Phường Điện Biên, Thành phố Thanh
Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



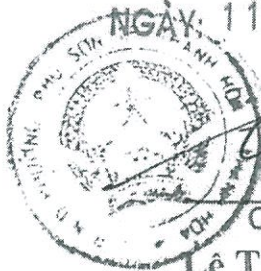
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC

SỐ CT: 2809/2022 Quyển số: 01 SCT/BS

NGÀY: 11-05-2022

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Phương Hoa



CHỦ TỊCH

Lê Thị Minh Tâm

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ Về phát triển và quản lý chợ; Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Xét đề nghị tại hồ sơ kèm theo văn bản của Tổng Công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc- Công ty TNHH; Báo cáo số 304/BC-SKH&ĐT ngày 11/8/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về báo cáo thẩm định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ của Tổng Công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH, CHỨNG THỰC

QUYẾT ĐỊNH:

Ngày: 25-10-2018

Số chứng thực: 110.5. Quyền số: 02

Chấp thuận nhà đầu tư:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG BẮC- CÔNG TY TNHH

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2800633904, đăng ký lần đầu ngày 10/6/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 08/4/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Địa chỉ trụ sở: 25/38 Phú Thọ 3, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật ông: Nguyễn Bá Bắc; Giới tính: Nam; Chức danh: Tổng giám đốc; Sinh ngày: 08/9/1962; Quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh thư nhân dân số: 170029309; Ngày cấp: 26/11/2009; Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: 222 phố Thanh Long, đường Bà Triệu, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện các thủ tục đầu tư dự án với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:

- Tên dự án đầu tư: Chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
- Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng chợ.

- Quy mô đầu tư: Xây dựng chợ hai tầng với tổng số 384 quầy hàng (Chợ loại 2). Chợ chính cao hai tầng có tổng diện tích xây dựng $2.346 \text{ m}^2/\text{sàn}$ (mật độ xây dựng toàn chợ là 70%) với hệ thống móng, dầm, cột bê tông cốt thép, tầng hai khối giữa với kết cấu cột khung, kèo sắt, mái tôn. Các công trình phụ trợ: Bãi gửi xe, chợ vãng lai, nhà vệ sinh và thu gom rác thải...

- Diện tích đất dự kiến sử dụng: 3.465 m^2 .

- Địa điểm dự án: Khu Hợp Phường, phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Tổng vốn đầu tư: 21.311.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi một tỷ, ba trăm mười một triệu đồng), trong đó:

+ Vốn tự có 6.311.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ, ba trăm mười một triệu đồng), chiếm 29,61% tổng vốn đầu tư.

+ Vốn huy động 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng), chiếm 70,39% tổng vốn đầu tư.

- Thời gian thực hiện dự án: 49 năm.

- Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

+ Từ quý III/2017 đến quý I/2018: Hoàn thành thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường....

+ Từ quý II/2018 đến quý III/2018: Triển khai xây dựng.

+ Quý IV/2018: Đưa dự án chính thức vào hoạt động.

Điều 2: Các ưu đãi và hỗ trợ đầu tư

Đối chiếu với các quy định nhà nước hiện hành dự án không được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định.

Điều 3. Điều kiện để thực hiện dự án của nhà đầu tư:

- Xây dựng và hoàn thiện dự án đầu tư, phương án cho thuê, giá cho thuê quầy bán hàng (trên cơ sở các ý kiến tham gia của UBND phường Minh Phương, các hộ kinh doanh ở khu vực chợ hiện tại) thẩm định, phê duyệt và công khai theo quy định của pháp luật; thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật, ý kiến của các cơ quan liên quan về: Đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện và thời gian hoạt động của dự án.

- Đăng ký, kê khai và nộp các loại thuế và các nghĩa vụ tài chính khác cho Nhà nước Việt Nam và cho địa phương theo quy định của pháp luật hiện hành. Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP. Thực hiện báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan:

- Các sở, ngành, đơn vị: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Công Thương: Hướng dẫn Doanh nghiệp thực hiện các thủ tục về:

Đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ...theo đúng quy định hiện hành, thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra tiến độ thực hiện dự án, việc chấp hành các quy định của dự án, báo cáo UBND tỉnh xử lý theo quy định (nếu có vi phạm).

Giao UBND thành phố Việt Trì: Cho ý kiến để chủ đầu tư hoàn thiện dự án đầu tư, phương án cho thuê, giá cho thuê quầy bán hàng phù hợp, tạo sự đồng thuận của UBND phường và các hộ kinh doanh trước khi phê duyệt dự án; kiểm tra, giám sát việc đầu tư, xây dựng, phương án cho thuê quầy bán hàng, vận hành, quản lý chợ bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Việt Trì, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc- Công ty TNHH và Thủ trưởng cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thực hiện. / *or*

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT;
- PVPTH;
- Lưu VT, KTTH4 (16b).

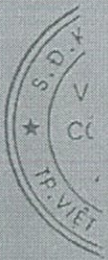
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Minh Châu

CÔNG CHỨNG VIÊN

Vũ Thị Thu Hiền



**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(Cấp lần đầu: Ngày 10 tháng 10 năm 2018)
(Điều chỉnh lần thứ 01: Ngày 19 tháng 3 năm 2019)
(Điều chỉnh lần thứ 02: Ngày 14 tháng 4 năm 2022)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021
của Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan
đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến
đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2017 của
Ủy ban nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án Chợ Minh Phương, thành phố
Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng và giao đất
cho Tổng Công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH thuê đất
để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Chợ Minh Phương tại phường Minh Phương,
thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Văn bản số 1065/UBND-KTTH ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Chợ Minh Phương,
thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ của Tổng Công ty Thương mại và Xây dựng
Đông Bắc - Công ty TNHH;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án và hồ sơ kèm
theo của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc;

Xét Báo cáo thẩm định số: 117/BC-SKH&ĐT ngày 22 tháng 3 năm 2022 của
Sở Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà
đầu tư của Dự án: Chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ của Tổng
Công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH (nay là Công ty
Cổ phần Tổng Công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc) đã được quyết định
chủ trương đầu tư đồng thời với nhà đầu tư tại Quyết định số 2127/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 8 năm 2017, điều chỉnh chủ trương đầu tư lần 01 tại Văn bản số
1065/UBND-KTTH ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, với
những nội dung sau điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung quy mô đầu tư quy định tại Điều 1 Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời với nhà đầu tư số 2127/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2017 được điều chỉnh như sau:

“Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

- *Quy mô đầu tư: Xây dựng chợ 03 (ba) tầng với tổng số 280 quầy hàng (chợ loại 2). Tổng diện tích xây dựng khoảng 1.902 m² (mật độ xây dựng toàn chợ là 60%); trong đó:*

+ Hạng mục nhà chợ chính quy mô 01 tầng hầm, 03 tầng nổi, diện tích xây dựng khoảng 1.080 m²;

+ Hạng mục nhà dịch vụ thương mại, ki-ốt quy mô 03 tầng, diện tích xây dựng khoảng 822 m²;

+ Các công trình phụ trợ khác: Sân đường, bãi gửi xe, chợ vãng lai, nhà vệ sinh và thu gom rác thải, bể nước sinh hoạt, bể nước phòng cháy chữa cháy, ...”.

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung diện tích đất dự kiến sử dụng quy định tại Điều 1 Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời với nhà đầu tư số 2127/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2017 được điều chỉnh như sau:

“Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

- Diện tích đất sử dụng: 3.171,5 m²”.

3. Nội dung điều chỉnh thứ ba:

Nội dung tổng vốn đầu tư quy định tại Điều 1 Quyết định chủ trương đầu tư đồng thời với nhà đầu tư số 2127/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2017 được điều chỉnh như sau:

“Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

- Tổng vốn đầu tư: 32.314 triệu đồng (Ba mươi hai tỷ ba trăm mười bốn triệu đồng); trong đó:

+ Vốn góp của nhà đầu tư: 9.694 triệu đồng, chiếm 30% tổng vốn đầu tư.

+ Vốn huy động hợp pháp khác: 15.000 triệu đồng, chiếm 70% tổng vốn đầu tư”.

4. Nội dung điều chỉnh thứ tư:

Nội dung tiến độ thực hiện dự án quy định tại Văn bản số 1065/UBND-KTTH ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư được điều chỉnh như sau:

“- Tiến độ thực hiện dự án:

+ Tháng 9/2022: Dự án hoàn thành và chính thức đi vào hoạt động”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của nhà đầu tư:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chịu mọi hậu quả phát sinh theo quy định của pháp luật hiện hành nếu không thực hiện báo cáo hay báo cáo sai sự thực. Tự chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn tham gia đầu tư theo tiến độ đã đăng ký và hiệu quả của dự án.

- Khẩn trương hoàn thiện các thủ tục theo quy định để đưa dự án đi vào hoạt động theo đúng nội dung tại quyết định chủ trương đầu tư đã cấp và quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư. Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ không tiếp tục xem xét, điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án và thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư nếu nhà đầu tư không hoàn thành và đưa dự án vào hoạt động đúng tiến độ được chấp thuận điều chỉnh.

- Quá trình triển khai thực hiện dự án cần tuân thủ các quy định về đầu tư, kinh doanh, đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định của pháp luật có liên quan đến thực hiện dự án; chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác theo quy định.

- Nghiêm chỉnh thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện dự án theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư năm 2020.

2. Trách nhiệm của các sở, ngành, đơn vị có liên quan:

- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục liên quan đến thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát, đôn đốc tiến độ thực hiện dự án; kiểm tra việc chấp hành các quy định về thực hiện dự án và xử lý vi phạm theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chủ trương đầu tư số 2127/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2017 và Văn bản điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án số 1065/UBND-KTTH ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở, Thủ trưởng các đơn vị: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Việt Trì; Thủ trưởng các cơ quan liên quan; Công ty Cổ phần Tổng Công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc có trách nhiệm thi hành quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty Cổ phần Tổng Công ty Thương mại và Xây dựng Đông Bắc (01 bản); 01 bản được lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Thanh Hải;
- CVP, PCVPTH;
- TTPVHCC;
- Lưu: VT, TH7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ
Cơ quan: Tỉnh Phú Thọ
Ngày ký: 14-04-2022 13:59:39 +07:00

Nguyễn Thanh Hải

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư
Dự án: Chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 10/9/2014 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Đơn giá bồi thường về vật kiến trúc, cây cối khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 3776/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Nghị Quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc thông qua danh mục các dự án phát triển kinh tế-xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án có sử dụng đất phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 10 héc ta, đất rừng phòng hộ dưới 20 héc ta thực hiện trong năm 2017 trên địa bàn tỉnh; Danh mục các dự án không khả thi cần đưa ra khỏi các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc Quyết định chủ trương đầu tư dự án: Chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì;

Căn cứ Quyết định số 807/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Việt Trì về việc phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các Phó chủ tịch và các Ủy viên ủy ban nhân dân Thành phố nhiệm kỳ 2016 - 2021;

Xét đề nghị của Tổng công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc - Công

ty TNHH tại Công văn số 421/DB-ĐA ngày 18/7/2019 và Trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Thành phố Việt Trì,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì, gồm các ông có tên sau:

- | | | |
|--|--|---------------|
| 1. Ông: Phạm Xuân Sơn | - Phó Chủ tịch UBND thành phố | - Chủ tịch HĐ |
| 2. Ông: Đỗ Văn Minh | - Trưởng Ban Bồi thường GPMB | - PCT TT HĐ |
| 3. Ông: Trần Ngọc Sơn | - Trưởng phòng TN&MT | - PCT HĐ |
| 4. Ông: Lê Minh Tiên | - Giám đốc chi nhánh Tổng công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH tại Phú Thọ | - Ủy viên TT |
| 5. Ông: Phạm Quang Bình | - Trưởng phòng TCKH | - Ủy viên |
| 6. Ông: Phan Thanh Dương | - Trưởng phòng Kinh tế | - Ủy viên |
| 7. Ông: Bùi Tấn Nghĩa | - Trưởng phòng QLĐT | - Ủy viên |
| 8. Ông: Nguyễn Mạnh Hoàn | - Chủ tịch UBND P. Minh Phương | - Ủy viên |
| 9. Mời tham gia Hội đồng: Đại diện các hộ dân có đất, tài sản trong phạm vi chỉ giới thu hồi của dự án (do UBND phường Minh Phương đề xuất). | | |

Điều 2. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án có trách nhiệm tổ chức kiểm đếm, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng các quy định của Nhà nước.

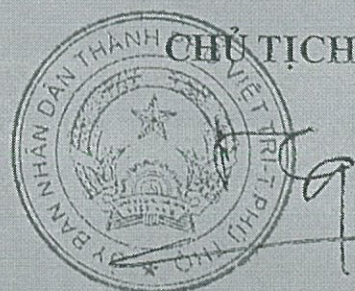
Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án tự giải thể khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố; Trưởng các phòng, ban, đơn vị liên quan và các ông có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (T/h);
- CT, các PCT UBND Thành phố;
- Lưu: VT, BBT (Hg-10b).



Lê Hồng Vân

Số: 56 BC-UBND

Minh Phương, Ngày 29 tháng 11 năm 2019

BÁO CÁO

Về việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu
hồi đất đối với dự án: Chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì.

Kính gửi: UBND Thành Phố Việt Trì.

Thực hiện công văn số 3371 /CV - HDBT ngày 27/11/2019 của UBND thành phố Việt Trì về việc cung cấp hồ sơ Hợp đồng giao khoán đất cho các hộ dân thực hiện dự án: Chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì, UBND phường Minh Phương báo cáo như sau;

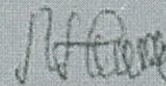
Diện tích đất nông nghiệp 257m² đất (LUC) do UBND phường Minh Phương quản lý đã được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phố kiểm đếm xong, đến nay theo quy định Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư yêu cầu UBND phường cung cấp hồ sơ Hợp đồng giao khoán đất cho các hộ đối với diện tích 257m² nêu trên, Tuy nhiên trong quá trình sử dụng diện tích đất nông nghiệp đất (LUC) bị thu hồi là do năm 2005 thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy, HĐND, UBND phường Minh Phương về xây dựng Chợ tạm phường Minh Phương thì diện tích đất nông nghiệp do UBND phường quản lý nêu trên được san lấp để làm mặt bằng, chỗ ngồi cho các tiểu thương bán hàng và sử dụng từ đó đến nay, không giao và lập Hợp đồng giao khoán cho các hộ dân nào sử dụng.

Vậy Ủy ban nhân dân phường Minh Phương báo cáo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phố, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố Việt Trì xem xét phương án bồi thường, hỗ trợ khi thực hiện dự án: Chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì, ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP-UBND
- ĐC - XD(Huyện 03b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hoàn

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng và giao đất cho Tổng công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH thuê để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Chợ Minh Phương tại phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;

Căn cứ các Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014, số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2127/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Chợ Minh phương tại phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ cho Tổng công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH; Văn bản số 1065/UBND-KTTH ngày 19/3/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Thọ về việc thông qua Danh mục các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng phải thu hồi đất; danh mục các dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ;

Căn cứ Quyết định số 3514/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất 2020 của thành phố Việt Trì;

Theo đề nghị của Tổng Công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH (Đơn xin thuê đất ngày 20/01/2020), UBND thành phố Việt Trì (Tờ trình số 1087/TTr-UBND ngày 22/4/2020) và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 593/TTr-TNMT ngày 17/9/2020),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. a) Thu hồi **743,6 m²** đất (gồm: 257,0 m² đất trồng lúa nước còn lại, 44,6 m² đất giao thông, 218,0 m² đất thủy lợi và 224,0 m² đất bằng chưa sử dụng) do UBND phường Minh Phương quản lý tại phường Minh Phương, thành phố Việt Trì.

Vị trí, ranh giới khu đất thu hồi tại các thửa đất số 10, 30, 29, 43, 44, 42, 45 thể hiện trên Bản vẽ trích đo địa chính thu hồi, chuyển mục đích sử dụng và giao đất

tỷ lệ 1/500, do Công ty TNHH Tuấn Đạt lập tháng 11/2019, đã được UBND phường Minh Phương, UBND thành phố Việt Trì xác nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình duyệt.

b) Chuyển mục đích sử dụng diện tích **3.171,5 m²** đất tại phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, bao gồm: 743,6 m² đất thu hồi nêu trên và 2.427,9m² đất nông nghiệp tại các thửa đất còn lại (trong đó: đất chuyên trồng lúa nước diện tích 2.357,9 m², đất bằng trồng cây hàng năm khác diện tích 70,0 m²) đã được Tổng Công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân theo quy định sang đất chợ và giao cho Tổng công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Chợ Minh phương tại phường Minh Phương đã được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

Thời hạn thuê đất: đến ngày 22/8/2066; Hình thức trả tiền thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

Vị trí, ranh giới khu đất chuyển mục đích và giao đất theo chỉ giới 1,2,3,...,14,15,1 thể hiện trên cùng Bản vẽ trích đo địa chính nêu tại Mục a.)

Điều 2. UBND tỉnh giao trách nhiệm như sau:

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức việc giao đất cho Tổng công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH tại thực địa theo đúng ranh giới, vị trí và diện tích đất trên bản vẽ được duyệt.

- UBND thành phố Việt Trì có trách nhiệm chỉ đạo UBND phường Minh Phương và các cơ quan liên quan thực hiện chỉnh lý biến động đất đai theo quy định.

- Tổng Công ty thương mại và xây dựng Đông Bắc - Công ty TNHH có trách nhiệm làm việc với Cục thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan để xác định đơn giá thuê đất, ký Hợp đồng thuê đất, nộp tiền thuê đất và quản lý, sử dụng diện tích đất được giao theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh, UBND thành phố Việt Trì, UBND phường Minh Phương và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

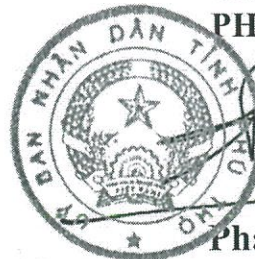
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT (ô Tấn);
- Các PCVP;
- Lưu: VT, KT1 (T-12b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ
Cơ quan: Tỉnh Phú Thọ
Ngày ký: 28-09-2020 09:18 +07:00

Phan Trọng Tân

BIÊN BẢN QUAN TRẮC, LẤY MẪU

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và khả năng của Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ Môi trường Phú Thọ.

Căn cứ yêu cầu của Công ty TNHH Tư vấn tài nguyên và môi trường Triều Dương về việc quan trắc môi trường về việc Quan trắc môi trường không khí tại dự án "Chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ"

Hôm nay, ngày 27 tháng 4 năm 2022, tại: Khu vực dự án Chợ Minh Phương.

Địa điểm: khu Hợp Phương, phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Thành phần gồm:

1- Đại diện: Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ Môi trường:

- Ông: Đỗ Quý Sinh Chức vụ: Trưởng nhóm QT

2- Đại diện Công ty TNHH Tư vấn tài nguyên và môi trường Triều Dương

- Ông: Lương Hữu Đăng Chức vụ: Cán bộ phòng Kỹ thuật công nghệ

Các bên cùng chứng kiến đại diện Trung tâm QT & BVMT lấy mẫu không khí tại dự án "Chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, cụ thể như sau:

Tại thời điểm quan trắc, lấy mẫu:

Điều kiện thời tiết thuận lợi. Trời nắng, gió nhẹ.

Nội dung quan trắc, lấy mẫu: Quan trắc môi trường không khí: Lấy 03 vị trí

Tần suất: 3 mẫu (3 lần)/1 vị trí/ ngày trong 3 ngày liên tục (ngày 25, 26, 27/4/2022)

Tổng số là: 9 mẫu không khí

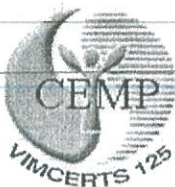
Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, các đại diện liên quan nhất trí ký tên.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRIỀU DƯƠNG**


Lương Hữu Đăng

**ĐẠI DIỆN TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**


Đỗ Quý Sinh



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Số 430, đường Nguyễn Tất Thành, phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 48.01-1/2022

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH Tư vấn tài nguyên và môi trường Triều Dương
Địa chỉ : Tổ 37A, Khu Lăng Cẩm, Phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Địa điểm quan trắc : Dự án “Chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ” tại phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Tên mẫu : Không khí Số mẫu: 03
Mã hóa mẫu : K.48.01.01 ÷ K.48.01.03

Ngày quan trắc: 25/4/2022

Ngày phân tích: 25/4 ÷ 13/5/22

Ngày trả kết quả: 20/5/2022

Kết quả phân tích

TT	Thông số	Đơn vị	K.48.01.01	K.48.01.02	K.48.01.03	GHCP	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	29,2	29,8	30,3	18 ÷ 32	QCVN 46: 2012/BTNMT
2	Độ ẩm	%	76,6	76,9	76,2	40 ÷ 80	
3	Tốc độ gió	m/s	0,6	1,0	0,8	0,3 ÷ 1,5	
4	Tiếng ồn	dBA	79,1	78,4	77,3	85	TCVN 7878: 2008
5	Bụi TSP	mg/m ³	0,534	0,476	0,351	8	TCVN 5067: 1995
6	CO	mg/m ³	5,237	5,029	5,152	40	SOP.QT.08
7	SO ₂	mg/m ³	0,092	0,107	0,086	10	TCVN 5971: 1995
8	NO ₂	mg/m ³	0,057	0,065	0,052	10	TCVN 6137: 2009

Ghi chú: - GHCP (Giới hạn cho phép): Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số: 3733/2002/QĐ - BYT, ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 Tiêu chuẩn vệ sinh Lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; Tiêu chuẩn IX: Tiêu chuẩn bụi không chứa silic (mục 4); Tiêu chuẩn XXI: Hoá chất - Giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc (từng lần tối đa); QCVN 24: 2016/BYT về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26: 2016/BYT về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- Ký hiệu: K.48.01.01: Mẫu không khí khu vực trung tâm dự án, tọa độ (X: 2359477; Y: 564304)

K.48.01.02: Mẫu không khí phía Bắc dự án giáp đường Đại Nãi, tọa độ (X: 2359496, Y: 564315)

K.48.01.03: Mẫu không khí phía Nam dự án giáp đường dân sinh và khu dân cư, tọa độ (X: 2359452, Y: 564309)

TP. PHÒNG PTQT

Tạ Hồng Yến

Phú Thọ, ngày 20 tháng 5 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Đặng Đàm Liên

- (-): Không có quy định; KPH: Không phát hiện

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích;

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QT & BYMT

- Các thông số đánh dấu (*) được công nhận Vilas; (*) là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

Số: 48.01-2/2022

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH Tư vấn tài nguyên và môi trường Triều Dương
Địa chỉ : Tổ 37A, Khu Lăng Cẩm, Phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Địa điểm quan trắc : Dự án “Chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ” tại phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Tên mẫu : Không khí Số mẫu: 03
Mã hóa mẫu : K.48.01.04 ÷ K.48.01.06

Ngày quan trắc: 26/4/2022

Ngày phân tích: 26/4 ÷ 13/5/22

Ngày trả kết quả: 20/5/2022

Kết quả phân tích

TT	Thông số	Đơn vị	K.48.01.04	K.48.01.05	K.48.01.06	GHCP	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	30,1	29,9	30,2	18 ÷ 32	QCVN 46: 2012/BTNMT
2	Độ ẩm	%	75,7	75,8	75,3	40 ÷ 80	
3	Tốc độ gió	m/s	0,8	0,9	0,7	0,3 ÷ 1,5	
4	Tiếng ồn	dBA	79,9	80,3	79,8	85	TCVN 7878: 2008
5	Bụi TSP	mg/m ³	0,610	0,581	0,432	8	TCVN 5067: 1995
6	CO	mg/m ³	5,108	4,837	5,064	40	SOP.QT.08
7	SO ₂	mg/m ³	0,085	0,094	0,072	10	TCVN 5971: 1995
8	NO ₂	mg/m ³	0,061	0,073	0,048	10	TCVN 6137: 2009

Ghi chú: - GHCP (Giới hạn cho phép): Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số: 3733/2002/QĐ - BYT, ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 Tiêu chuẩn vệ sinh Lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; Tiêu chuẩn IX: Tiêu chuẩn bụi không chứa silic (mục 4); Tiêu chuẩn XXI: Hoá chất - Giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc (từng lần tối đa); QCVN 24: 2016/BYT về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26: 2016/BYT về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- Ký hiệu: K.48.01.04: Mẫu không khí khu vực trung tâm dự án, tọa độ (X: 2359477; Y: 564304)

K.48.01.05: Mẫu không khí phía Bắc dự án giáp đường Đại Nài, tọa độ (X: 2359496, Y: 564315)

K.48.01.06: Mẫu không khí phía Nam dự án giáp đường dân sinh và khu dân cư, tọa độ (X: 2359452, Y: 564309)

TP. PHÒNG PTQT



Tạ Hồng Yến

Phú Thọ, ngày 20 tháng 5 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Đặng Đàm Liên



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số 430, đường Nguyễn Tất Thành, phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 48.01-3/2022

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty TNHH Tư vấn tài nguyên và môi trường Triều Dương
Địa chỉ : Tổ 37A, Khu Lăng Cẩm, Phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Địa điểm quan trắc : Dự án “Chợ Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ” tại phường Minh Phương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Tên mẫu : Không khí Số mẫu: 03
Mã hóa mẫu : K.48.01.07 ÷ K.48.01.09

Ngày quan trắc: 27/4/2022

Ngày phân tích: 27/4 ÷ 13/5/22

Ngày trả kết quả: 20/5/2022

Kết quả phân tích

TT	Thông số	Đơn vị	K.48.01.07	K.48.01.08	K.48.01.09	GHCP	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ	°C	30,5	30,9	30,6	18 ÷ 32	QCVN 46: 2012/BTNMT
2	Độ ẩm	%	74,2	74,1	73,8	40 ÷ 80	
3	Tốc độ gió	m/s	0,8	0,9	0,7	0,3 ÷ 1,5	
4	Tiếng ồn	dBA	81,0	80,9	79,4	85	TCVN 7878: 2008
5	Bụi TSP	mg/m ³	0,608	0,515	0,427	8	TCVN 5067: 1995
6	CO	mg/m ³	5,056	4,567	4,839	40	SOP.QT.08
7	SO ₂	mg/m ³	0,075	0,096	0,065	10	TCVN 5971: 1995
8	NO ₂	mg/m ³	0,042	0,039	0,031	10	TCVN 6137: 2009

Ghi chú:- GHCP (Giới hạn cho phép): Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số: 3733/2002/QĐ - BYT, ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 Tiêu chuẩn vệ sinh Lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; Tiêu chuẩn IX: Tiêu chuẩn bụi không chứa silic (mục 4); Tiêu chuẩn XXI: Hoá chất - Giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc (từng lần tối đa); QCVN 24: 2016/BYT về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26: 2016/BYT về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- Ký hiệu: K.48.01.07: Mẫu không khí khu vực trung tâm dự án, tọa độ (X: 2359477; Y: 564304)
K.48.01.08: Mẫu không khí phía Bắc dự án giáp đường Đại Nài, tọa độ (X: 2359496, Y: 564315)
K.48.01.09: Mẫu không khí phía Nam dự án giáp đường dân sinh và khu dân cư, tọa độ (X: 2359452, Y: 564309)

TP. PHÒNG PTQT

Tạ Hồng Yến

Phú Thọ, ngày 20 tháng 5 năm 2022

GIÁM ĐỐC



Đặng Đàm Liên

- (-): Không có quy định; KPH: Không phát hiện
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích;

- Các thông số đánh dấu (*) được công nhận Vilas; (*) là thông số được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QT & BVMT

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chứng nhận đủ điều kiện
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận “**Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Thọ**” đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ, với mã số **VIMCERTS 125** (Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi được chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Thọ phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật.

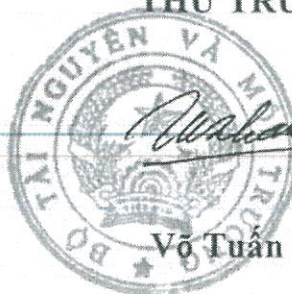
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Thọ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Sở TNMT Phú Thọ (để phối hợp);
- Lưu: VT, VPMC, TCMT (7).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Phú Thọ

(Kèm theo Quyết định số 1107/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. NƯỚC

1.1. Nước mặt

1.1.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	0 ÷ 14
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2012	4 ÷ 50°C
3	DO	TCVN 7325:2004	0 ÷ 16 mg/L
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2012	0 ÷ 2.000 µS/cm
5	TDS	SOP.QT.N.04	0 ÷ 1.000 mg/L
6	Độ đục	TCVN 6184:2008	0 ÷ 1.000 NTU

* SOP.QT.N.04: quy trình nội bộ hướng dẫn đo TDS trong nước tại hiện trường.

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước mặt	TCVN 6663-1:2011 TCVN 6663-3:2016 TCVN 5994-1995 TCVN 6663-6:2018

1.1.2. Phân tích môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	Độ màu	TCVN 6185:2015	7,0 Pt-Co
2	Độ cứng tổng số	SMEWW 2340C:2012	2,0 mg/L
3	BOD ₅	TCVN 6001-1:2008	1,2 mg/L
4	COD	SMEWW 5220B:2012	3,3 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	2,8 mg/L
6	Amoni (NH_4^+)	TCVN 6179-1:1996	0,04 mg/L
7	Clorua (Cl^-)	TCVN 6194:1996	5,0 mg/L
8	Florua (F^-)	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2012	0,2 mg/L
9	Nitrit (NO_2^-)	TCVN 6178:1996	0,01 mg/L
10	Nitrat (NO_3^-)	TCVN 6180:1996	0,03 mg/L
		US EPA Method 352.1	0,11 mg/L
11	Phosphat (PO_4^{3-})	SMEWW 4500-P.E:2012	0,02 mg/L
12	Sunfua (S^{2-})	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2012	0,06 mg/L
13	Sunfat (SO_4^{2-})	TCVN 6200:1996	3,0 mg/L
14	Tổng P	SMEWW 4500-P.B&E:2012	0,02 mg/L
15	Cadimi (Cd)	SMEWW 3130B:2012	0,001 mg/L
16	Chì (Pb)	SMEWW 3130B:2012	0,003 mg/L
17	Crom VI (Cr^{6+})	SMEWW 3500-Cr.B:2012	0,003 mg/L
18	Tổng Crom (Cr)	SMEWW 3500-Cr.B:2012	0,02 mg/L
19	Đồng (Cu)	SMEWW 3130B:2012	0,003 mg/L
20	Kẽm (Zn)	SMEWW 3130B:2012	0,002 mg/L
21	Mangan (Mn)	TCVN 6002:1995	0,03 mg/L
22	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,02 mg/L
23	Magiê (Mg)	SMEWW 3500-Mg:2012	2,0 mg/L
24	Canxi (Ca)	SMEWW 3500-Ca:2012	2,0 mg/L
25	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520B:2012	0,3 mg/L

1.2. Nước dưới đất

1.2.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	0 ÷ 14
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2012	4 ÷ 50°C
3	DO	TCVN 7325:2004	0 ÷ 20 mg/L
4	Độ dẫn điện (EC)	SMEWW 2510B:2012	0 ÷ 2.000 µS/cm
5	TDS	SOP.QT.N.04	0 ÷ 1.000 mg/L
6	Độ đục	TCVN 6184:2008	0 ÷ 1.000 NTU

* SOP.QT.N.04: quy trình nội bộ hướng dẫn đo TDS trong nước tại hiện trường.

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước dưới đất	TCVN 6663-1:2011 TCVN 6663-11:2011 TCVN 6663-3:2016

1.2.2. Phân tích môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	Độ màu	TCVN 6185:2015	7,1 Pt-Co
2	Độ cứng tổng số	SMEWW 2340C:2012	2,0 mg/L
3	BOD ₅	TCVN 6001-1:2008	1,2 mg/L
4	COD	SMEWW 5220B:2012	3,3 mg/L
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	1,4 mg/L
6	Chỉ số permanganat	TCVN 6186:1996	0,5 mg/L
7	Amoni (NH ₄ ⁺)	TCVN 6179-1:1996	0,04 mg/L
8	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	5,0 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
9	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2012	0,21 mg/L
10	Nitrit (NO ₂ ⁻)	TCVN 6178:1996	0,01 mg/L
11	Nitrat (NO ₃ ⁻)	TCVN 6180:1996	0,03 mg/L
		US EPA Method 352.1	0,11 mg/L
12	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	SMEWW 4500-P.E:2012	0,02 mg/L
13	Sunfua (S ²⁻)	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2012	0,06 mg/L
14	Sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:1996	3,0 mg/L
15	Tổng P	SMEWW 4500-P.B&E:2012	0,02 mg/L
16	Cadimi (Cd)	SMEWW 3130B:2012	0,001 mg/L
17	Chì (Pb)	SMEWW 3130B:2012	0,003 mg/L
18	Crom VI (Cr ⁶⁺)	SMEWW 3500-Cr.B:2012	0,01 mg/L
19	Tổng Crom (Cr)	SMEWW 3500-Cr.B:2012	0,02 mg/L
20	Đồng (Cu)	SMEWW 3130B:2012	0,003 mg/L
21	Kẽm (Zn)	SMEWW 3130B:2012	0,002 mg/L
22	Mangan (Mn)	SMEWW 3500-Mn.B:2012	0,11 mg/L
23	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,02 mg/L
24	Tổng dầu mỡ	SMEWW 5520B:2012	0,3 mg/L

1.3. Nước thải

1.3.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	pH	TCVN 6492:2011	0 ÷ 14
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2012	4 ÷ 50°C

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
3	TDS	SOP.QT.N.04	0 ÷ 1.000 mg/L
4	Vận tốc	SOP.QT.N.07	0,06 ÷ 5,0 m/s

* SOP.QT.N.04: quy trình nội bộ hướng dẫn đo TDS trong nước tại hiện trường.

* SOP.QT.N.07: quy trình nội bộ hướng dẫn đo vận tốc nước thải tại hiện trường.

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-1:2011 TCVN 5999:1995 TCVN 6663-3:2016

1.3.2. Phân tích môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	Độ màu	TCVN 6185:2015	8,5 Pt-Co
2	BOD ₅	TCVN 6001-1:2008	2,3 mg/L
3	COD	SMEWW 5220C:2012	5,5 mg/L
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	3,6 mg/L
5	Amoni (NH ₄ ⁺)	TCVN 6179-1:1996	0,05 mg/L
6	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	5,0 mg/L
7	Clo dư	SMEWW 4500-Cl.G:2012	0,06 mg/L
8	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2012	0,22 mg/L
9	Nitrit (NO ₂ ⁻)	TCVN 6178:1996	0,01 mg/L
10	Nitrat (NO ₃ ⁻)	US EPA Method 352.1	0,13 mg/L
11	Phosphat (PO ₄ ³⁻)	SMEWW 4500-P.E:2012	0,02 mg/L
12	Sunfua (S ²⁻)	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2012	0,06 mg/L

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
13	Tổng P	SMEWW 4500-P.B&E:2012	0,02 mg/L
14	Cadimi (Cd)	SMEWW 3130B:2012	0,001 mg/L
15	Chì (Pb)	SMEWW 3130B:2012	0,003 mg/L
16	Crom VI (Cr^{6+})	SMEWW 3500-Cr.B:2012	0,01 mg/L
17	Crom III (Cr^{3+})	SMEWW 3500-Cr.B:2012	0,02 mg/L
18	Tổng Crom (Cr)	SMEWW 3500-Cr.B:2012	0,02 mg/L
19	Đồng (Cu)	SMEWW 3130B:2012	0,003 mg/L
20	Kẽm (Zn)	SMEWW 3130B:2012	0,002 mg/L
21	Mangan (Mn)	SMEWW 3500-Mn.B:2012	0,11 mg/L
22	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	0,02 mg/L
23	Dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2012	0,3 mg/L
24	Dầu mỡ động thực vật	SMEWW 5520B&F:2012	0,3 mg/L

2. KHÔNG KHÍ

2.1. Không khí xung quanh

2.1.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 60°C
2	Độ ẩm	QCVN 46:2012/BTNMT	5 ÷ 95% RH
3	Hướng gió	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 360°C
4	Vận tốc gió	QCVN 46:2012/BTNMT	0 ÷ 100 m/s
5	Áp suất khí quyển	QCVN 46:2012/BTNMT	300 ÷ 1.100 hPa
6	Tiếng ồn	TCVN 7878-2:2010	30 ÷ 130 dBA

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
7	Độ rung	TCVN 6963:2001	30 ÷ 120 dB

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	SO ₂	TCVN 5971:1995
2	CO	SOP.QT.K.12
3	NO ₂	TCVN 6137:2009
4	O ₃	MASA 411
5	TSP	TCVN 5067:1995
6	Bụi Pb	TCVN 6152:1996
7	H ₂ S	MASA 701
8	NH ₃	TCVN 5293:1995
9	Cl ₂	MASA 202
10	Formaldehyt	NIOSH 3500

* SOP.QT.K.12: quy trình nội bộ hướng dẫn lấy mẫu CO trong không khí xung quanh.

2.1.2. Phân tích môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	Bụi lơ lửng tổng số (TSP)	TCVN 5067:1995	8,9 µg/m ³
2	SO ₂	TCVN 5971:1995	6,0 µg/m ³
3	NO ₂	TCVN 6137:2009	9,0 µg/m ³
4	CO	SOP.PT.K.08	2.500 µg/m ³
5	O ₃	MASA 411	10,5 µg/m ³
6	H ₂ S	MASA 701	6,6 µg/m ³
7	NH ₃	TCVN 5293:1995	15,0 µg/m ³
8	Cl ₂	MASA 202	57,0 µg/m ³
9	Formaldehyt	NIOSH 3500	161,1 µg/m ³

* SOP.PT.K.08: quy trình nội bộ hướng dẫn phân tích CO trong mẫu không khí xung quanh.

2.2. Khí thải

2.2.1. Quan trắc hiện trường

a) Đo tại hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Dải đo
1	Vận tốc	SOP.QT.KT.02	0 ÷ 100 m/s
2	Hàm ẩm	US EPA Method 04	0 ÷ 100%
3	Nhiệt độ	SOP.QT.KT.05	0 ÷ 1.000°C
4	Áp suất	SOP.QT.KT.06	0 ÷ 200 hPa
5	O ₂	SOP.QT.KT.07	0 ÷ 25%
6	CO	SOP.QT.KT.08	0 ÷ 10.000 ppm
7	SO ₂	SOP.QT.KT.10	0 ÷ 5.000 ppm
8	NO _x NO NO ₂	SOP.QT.KT.11	0 ÷ 4.000 ppm 0 ÷ 1.100 ppm

* SOP.QT.KT.02: quy trình nội bộ hướng dẫn đo vận tốc khí thải tại hiện trường.

* SOP.QT.KT.05: quy trình nội bộ hướng dẫn đo nhiệt độ khí thải tại hiện trường.

* SOP.QT.KT.06: quy trình nội bộ hướng dẫn đo áp suất khí thải tại hiện trường.

* SOP.QT.KT.07: quy trình nội bộ hướng dẫn đo nồng độ O₂ trong khí thải tại hiện trường.

* SOP.QT.KT.08: quy trình nội bộ hướng dẫn đo nồng độ CO trong khí thải tại hiện trường.

* SOP.QT.KT.10: quy trình nội bộ hướng dẫn đo nồng độ SO₂ trong khí thải tại hiện trường.

* SOP.QT.KT.11: quy trình nội bộ hướng dẫn đo nồng độ NO_x trong khí thải tại hiện trường.

b) Lấy và bảo quản mẫu

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Bụi tổng	US EPA Method 05

2.2.2. Phân tích môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	Bụi tổng	US EPA Method 05	14,3 mg/Nm ³

3. ĐẤT

3.1. Quan trắc hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu đất	TCVN 7538-2:2005

3.2. Phân tích môi trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/Dải đo
1	pH	TCVN 5979:2007	0 ÷ 14
2	Độ ẩm	TCVN 6648:2000	2,1%

4. Bùn thải

4.1. Quan trắc hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Lấy mẫu bùn thải	TCVN 6663-13:2015 TCVN 6663-15:2004

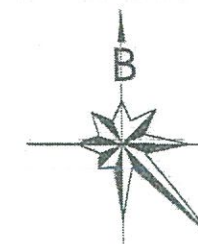
5. CHẤT THẢI RẮN

5.1. Quan trắc hiện trường

TT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	Lấy và bảo quản mẫu chất thải rắn	TCVN 9466:2012

Handwritten signature
HỒI TRƯỞNG

CÔNG TRÌNH: CHỢ MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY
THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG ĐỒNG BẮC



Nguyễn Bá Bắc

ĐIỂM
PHƯỜNG MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THO

DỰ ÁN

CHỢ MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ
VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THO

ĐẠCH
PHƯƠNG MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

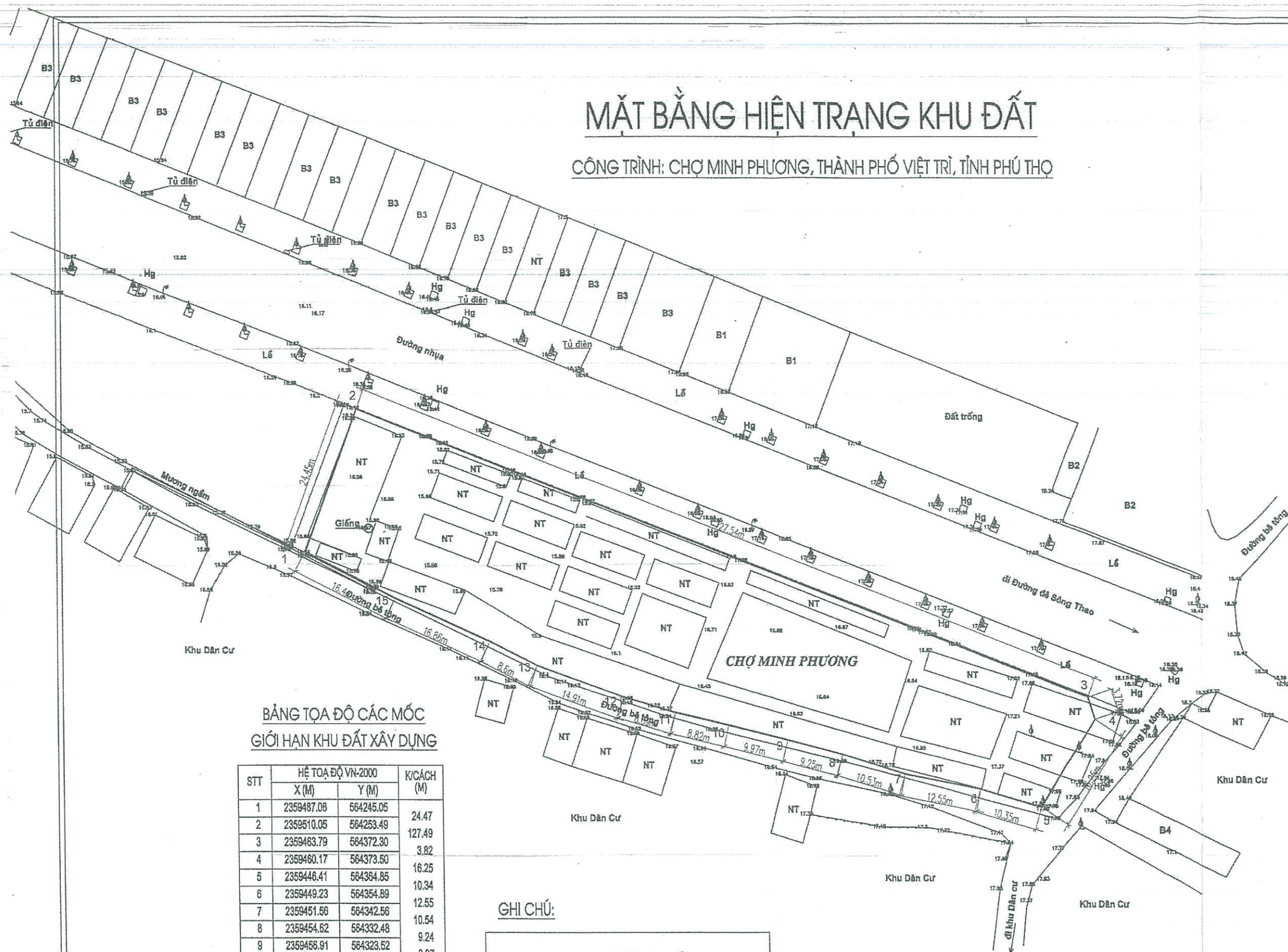
ITEM / HANG MUC:

TỔNG MẶT BẰNG

DRAWING NAME / TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG
KHU ĐẤT

GIẢI ĐOẠN	TỶ LỆ	NGÀY
BẢN VẼ THIẾT KẾ		2022



BẢNG TỌA ĐỘ CÁC MỐC
GIỚI HẠN KHU ĐẤT XÂY DỰNG

STT	HỆ TOẠ ĐỘ VN-2000		K/CÁCH (M)
	X (M)	Y (M)	
1	2359487.08	564245.05	24.47
2	2359510.05	564253.49	
3	2359463.79	564372.30	127.49
4	2359460.17	564373.50	3.82
5	2359446.41	564364.85	16.25
6	2359449.23	564354.89	10.34
7	2359451.56	564342.56	12.55
8	2359454.62	564332.48	10.54
9	2359466.91	564323.52	9.24
10	2359459.22	564313.82	9.97
11	2359461.26	564305.24	8.82
12	2359463.72	564296.70	8.89
13	2359468.75	564282.66	14.91
14	2359472.59	564274.96	8.61
15	2359479.55	564269.60	16.86
1	2359487.08	564245.05	16.38

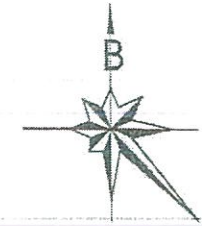
GHI CHÚ:

- RANH GIỚI KHU ĐẤT

- KHU ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỢC ĐỊNH VỊ
BẰNG CÁC ĐIỂM: 1,2,3...15

- TỔNG DIỆN TÍCH: 3.171,5 M²

CÔNG TRÌNH: CHỢ MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THO



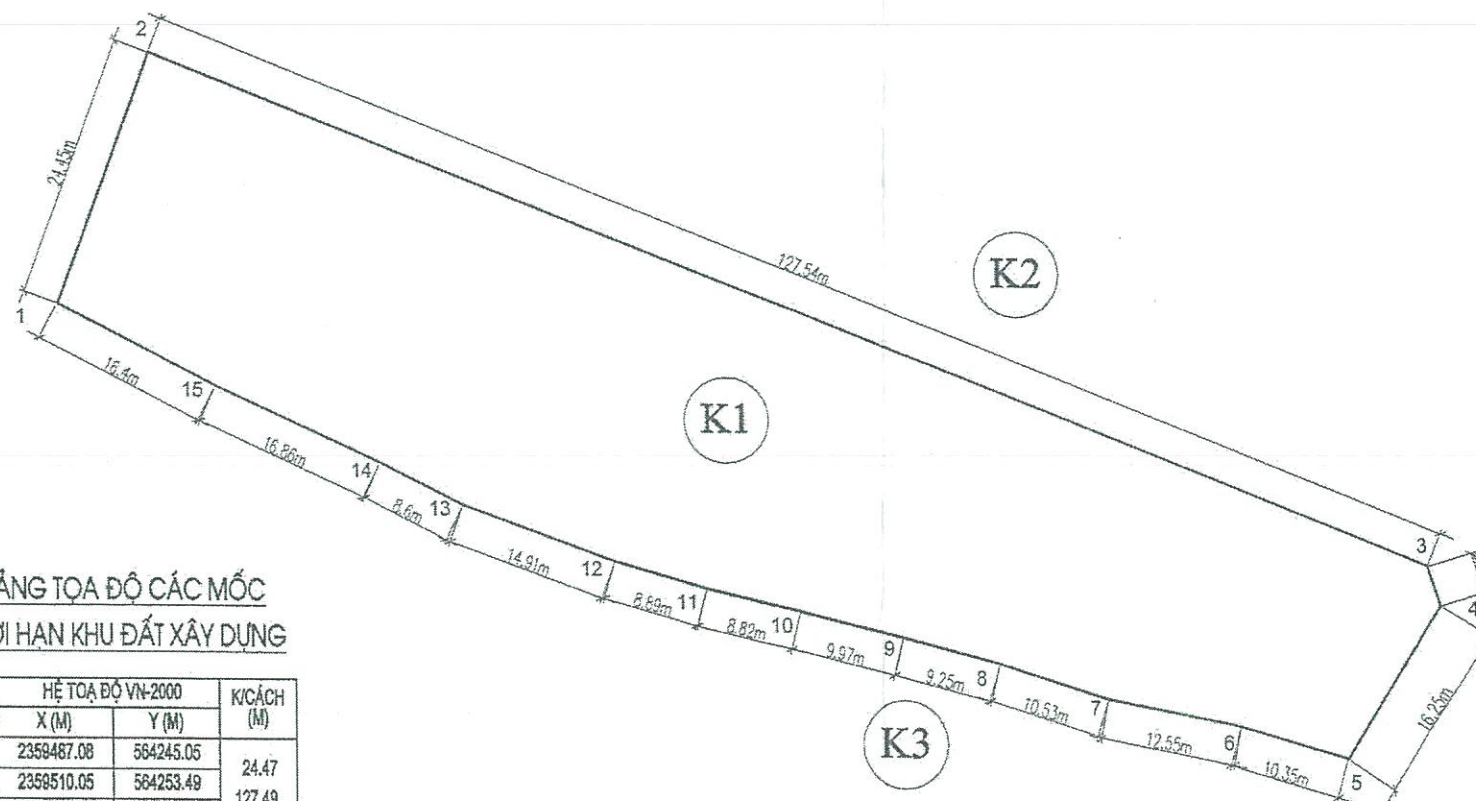
Nguyễn Bá Bắc

ĐƠN CHỖ:
PHƯỜNG MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

TỔNG MẶT BẰNG

DRAWING NAME / TÊN BẢN VẼ:

GIẢI ĐOẠN	TỶ LỆ	NGÀY
BẢN VẼ THIẾT KẾ		2022



STT	HỆ TOẠ ĐỘ VN-2000		KÍCH CÁCH (M)
	X (M)	Y (M)	
1	2359487.08	584245.05	24.47
2	2359510.05	584253.49	127.49
3	2359463.79	584372.30	3.82
4	2359460.17	584373.50	16.25
5	2359446.41	584364.85	10.34
6	2359449.23	584354.89	12.55
7	2359451.56	584342.56	10.54
8	2359454.62	584332.48	9.24
9	2359456.91	584323.52	9.97
10	2359459.22	584313.82	8.82
11	2359461.26	584305.24	8.89
12	2359463.72	584296.70	14.91
13	2359468.75	584282.66	8.61
14	2359472.59	584274.96	16.86
15	2359479.55	584259.60	16.38
1	2359487.08	584245.05	

- RANH GIỚI KHU ĐẤT

- KHU ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỢC ĐỊNH VỊ BẰNG CÁC ĐIỂM: 1,2,3...15

- TỔNG DIỆN TÍCH: 3.171,5 M²

KÝ HIỆU CÁC VỊ TRÍ QUAN TRẮC		
VỊ TRÍ QUAN TRẮC		KÝ HIỆU
Mẫu không khí khu vực trung tâm dự án		K1
Mẫu không khí phía Bắc dự án giáp đường Đại Nài		K2
Mẫu không khí phía Nam dự án giáp đường dân sinh và khu dân cư		K3

TỔNG MẶT BẰNG
CÔNG TRÌNH: CHỢ MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THO



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY
THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG BẮC



Nguyễn Bá Bắc

ĐẠCH:
PHƯỜNG MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THO

DỰ ÁN
CHỢ MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ
VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THO

ĐẠCH:
PHƯỜNG MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THO

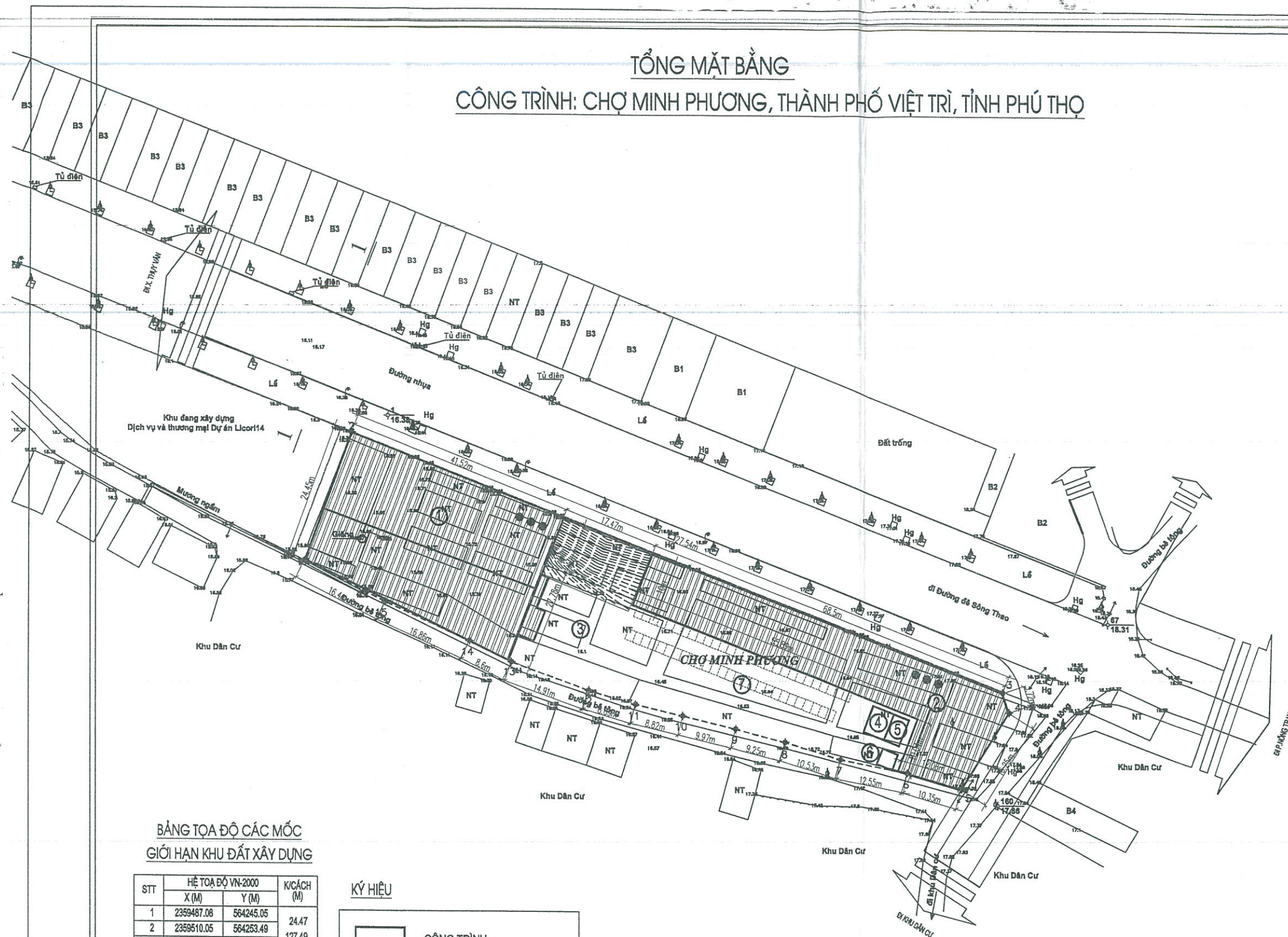
ITEM / HANG MUC:

TỔNG MẶT BẰNG

DRAWING NAME / TÊN BẢN VẼ:

TỔNG MẶT BẰNG

GIẢI ĐOẠN	TỶ LỆ	NGÀY
BẢN VẼ THIẾT KẾ		2022



BẢNG TỌA ĐỘ CÁC MỐC
GIỚI HẠN KHU ĐẤT XÂY DỰNG

STT	HỆ TỌA ĐỘ VN-2000		K/CÁCH (M)
	X (M)	Y (M)	
1	2359487.08	564245.05	24.47
2	2359510.05	564253.49	127.49
3	2359463.79	564372.30	3.82
4	2359460.17	564373.50	16.25
5	2359446.41	564364.85	10.34
6	2359449.23	564354.89	12.55
7	2359451.56	564342.56	10.54
8	2359454.62	564332.48	9.24
9	2359456.91	564323.52	9.97
10	2359459.22	564313.82	8.82
11	2359461.26	564305.24	8.89
12	2359463.72	564296.70	14.91
13	2359468.75	564282.66	8.61
14	2359472.59	564274.96	16.86
15	2359479.55	564259.60	16.38
1	2359487.08	564245.05	

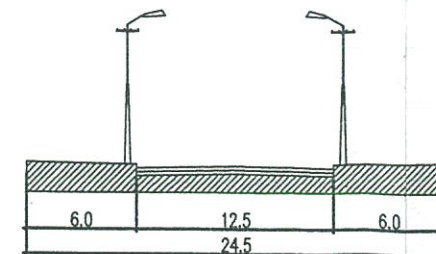
KÝ HIỆU

— - - - - CÔNG TRÌNH
— - - - - TƯỜNG RÀO

- 1 - NHÀ CHỢ CHÍNH
- 2 - NHÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI, KI ỚT
- 3 - SÂN ĐƯỜNG
- 4 - BỂ NƯỚC SINH HOẠT, BỂ NƯỚC PCCC
- 5 - TỦ ĐIỆN TỔNG
- 6 - KHU TẬP KẾT RÁC
- 7 - CHỢ VẮNG LAI NGOÀI TRỜI

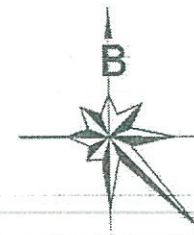
THÔNG SỐ KỸ THUẬT

- TỔNG DIỆN TÍCH: 3.171,5 M²
- DIỆN TÍCH XÂY DỰNG: 1.902 M² (225 QUẦY)
CHỢ CHÍNH: 1080 M² (205 QUẦY)
CHỢ KI ỚT: 822 M² (20 QUẦY)
- SÂN ĐƯỜNG: 1.269,5 M² (BỐ TRÍ CHỢ VẮNG LAI - 55 QUẦY)
- MẬT ĐỘ XÂY DỰNG: 60 %
- CHIỀU CAO CÔNG TRÌNH: 1-3 TẦNG



MẶT CẮT 1-1

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH
CÔNG TRÌNH: CHỢ MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THO



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY
THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG ĐỒNG BẮC



Nguyễn Bá Bắc

ĐƠN VỊ
PHƯƠNG MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THO

DỰ ÁN
CHỢ MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ
VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THO

ĐƠN VỊ
PHƯƠNG MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THO

ITEM / HANG MỤC:

TỔNG MẶT BẰNG

DRAWING NAME / TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ
CÔNG TRÌNH

GIẢI ĐOẠN	TỶ LỆ	NGÀY
BẢN VẼ THIẾT KẾ		2022

BẢNG TỌA ĐỘ CÁC MỐC
GIỚI HẠN KHU ĐẤT XÂY DỰNG

STT	HỆ TỌA ĐỘ VN-2000		K/CÁCH (M)
	X (M)	Y (M)	
1	2359487.08	564245.05	24.47
2	2359510.05	564253.49	
3	2359463.79	564372.30	127.49
4	2359460.17	564373.50	3.82
5	2359446.41	564364.85	16.25
6	2359449.23	564354.88	10.34
7	2359451.56	564342.56	12.55
8	2359454.62	564332.48	10.54
9	2359456.91	564323.52	9.24
10	2359459.22	564313.82	9.97
11	2359461.26	564305.24	8.82
12	2359463.72	564296.70	8.89
13	2359468.75	564282.66	14.91
14	2359472.59	564274.96	8.61
15	2359479.55	564259.60	16.86
1	2359487.08	564245.05	16.38

KÝ HIỆU

— - - - - CÔNG TRÌNH
— - - - - TƯỜNG RÀO

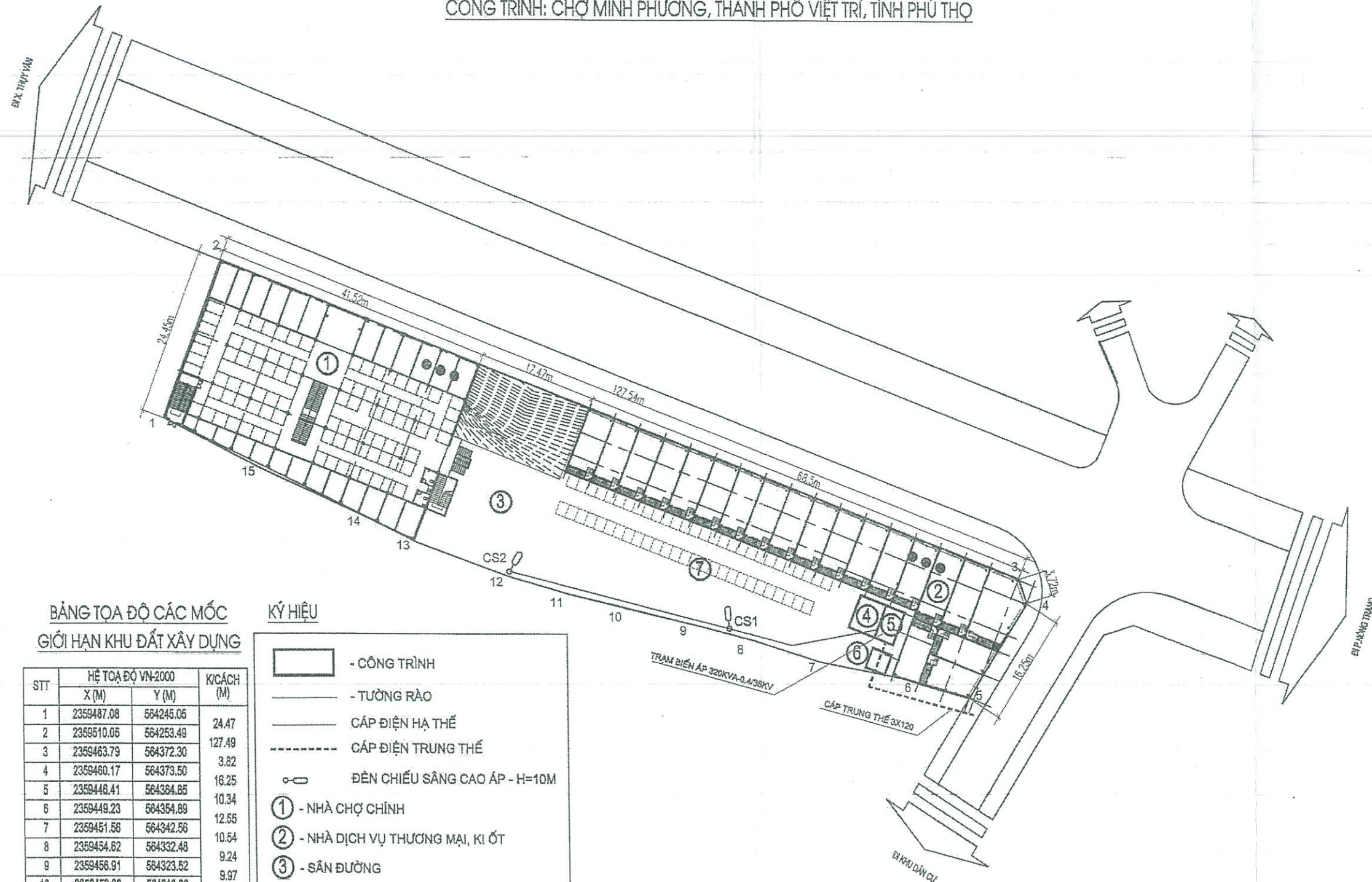
- ① - NHÀ CHỢ CHÍNH
② - NHÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI, KI ỚT
③ - SÂN ĐƯỜNG
④ - BỂ NƯỚC SINH HOẠT, BỂ NƯỚC PCCC
⑤ - TỦ ĐIỆN TỔNG
⑥ - KHU TẬP KẾT RÁC
⑦ - CHỢ VẮNG LAI NGOÀI TRỜI

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

- TỔNG DIỆN TÍCH: 3.171,5 M²
- DIỆN TÍCH XÂY DỰNG: 1.902 M² (225 QUẦY)
CHỢ CHÍNH: 1080 M² (205 QUẦY)
CHỢ KI ỚT: 822 M² (20 QUẦY)
- SÂN ĐƯỜNG: 1.269,5 M² (BỐ TRÍ CHỢ VẮNG LAI - 55 QUẦY)
- MẶT ĐỘ XÂY DỰNG: 60 %
- CHIỀU CAO CÔNG TRÌNH: 1-3 TẦNG

⑤	SÂN BÊ TÔNG
—	- BÊ TÔNG ĐÁ 1X2, MẮC 200#, DÀY 15CM
—	- LỚP NILON CHỐNG THẤM
—	- ĐỆM CÁT DÀY 5CM TẠO PHẪNG
—	- LỚP TÓN NÉN
—	- LỚP NÉN HIỆN TRẠNG

MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN NGOÀI NHÀ
CÔNG TRÌNH: CHỢ MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

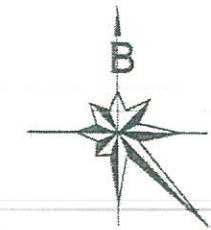


BẢNG TỌA ĐỘ CÁC MỐC
GIỚI HẠN KHU ĐẤT XÂY DỰNG

STT	HỆ TỌA ĐỘ VN-2000		K/CÁCH (M)
	X (M)	Y (M)	
1	2359487.08	564245.05	24.47
2	2359510.05	564253.49	127.49
3	2359463.79	564372.30	3.82
4	2359460.17	564373.50	16.25
5	2359448.41	564364.85	10.34
6	2359449.23	564354.89	12.55
7	2359451.56	564342.56	10.54
8	2359454.62	564332.48	9.24
9	2359456.91	564323.52	9.97
10	2359459.22	564313.82	8.82
11	2359461.26	564305.24	8.89
12	2359463.72	564296.70	14.91
13	2359468.75	564282.66	8.81
14	2359472.59	564274.96	16.86
15	2359479.55	564259.80	16.38
1	2359487.08	564245.05	

KÝ HIỆU

- CÔNG TRÌNH
- TƯỜNG RÀO
- CẤP ĐIỆN HẠ THẾ
- CẤP ĐIỆN TRUNG THẾ
- ĐÈN CHIẾU SÁNG CAO ÁP - H=10M
- ① - NHÀ CHỢ CHÍNH
- ② - NHÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI, KI ỚT
- ③ - SÂN ĐƯỜNG
- ④ - BỂ NƯỚC SINH HOẠT, BỂ NƯỚC PCCC
- ⑤ - TỦ ĐIỆN TỔNG
- ⑥ - KHU TẬP KẾT RÁC
- ⑦ - CHỢ VẰNG LAI NGOÀI TRỜI



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY
THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG BẮC



Nguyễn Bá Bắc

ĐẠC
PHƯƠNG MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

DỰ ÁN
CHỢ MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ
VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

ĐẠC
PHƯƠNG MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

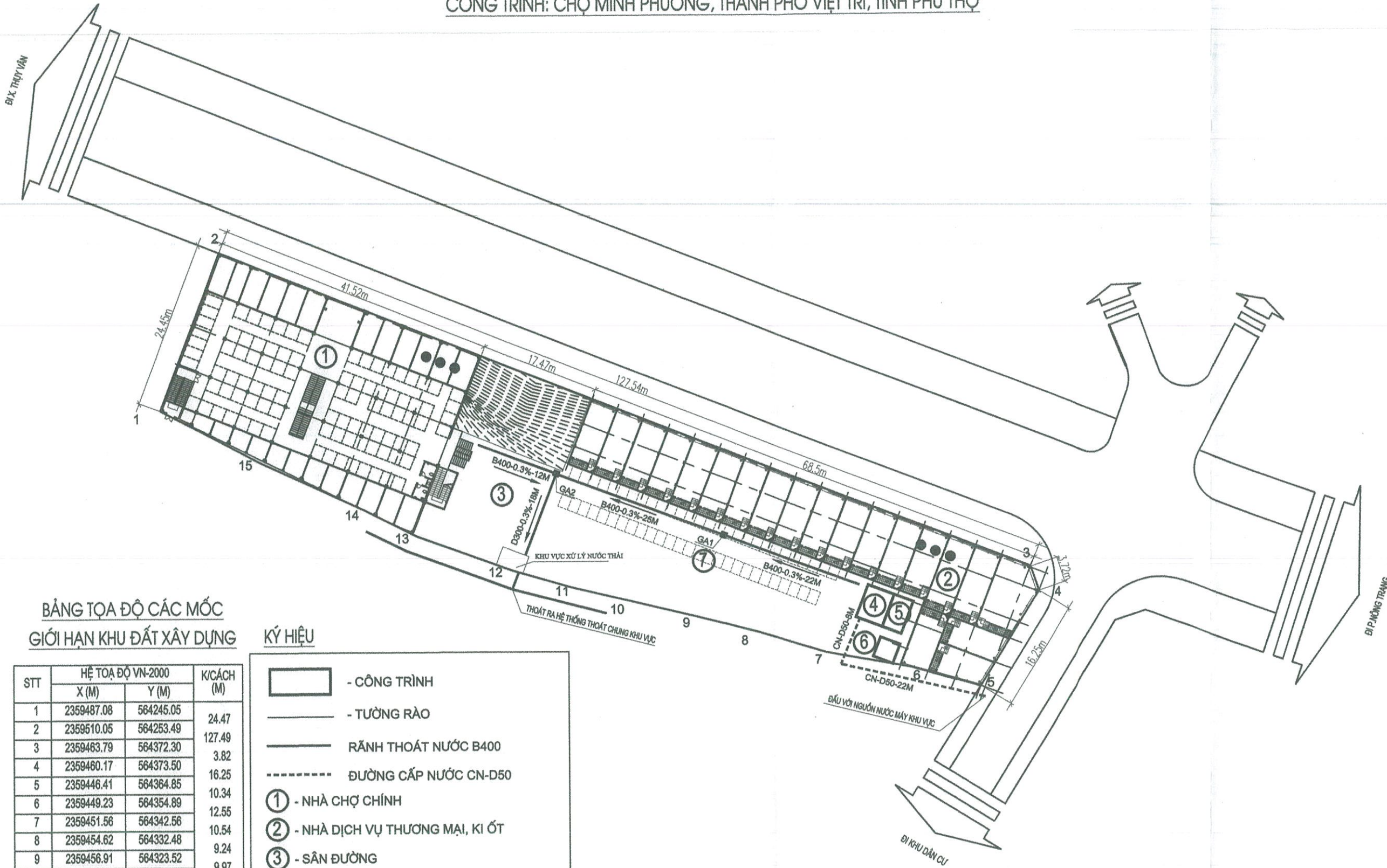
ITEM / HÀNG MỤC:
TỔNG MẶT BẰNG

DRAWING NAME / TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG
CẤP ĐIỆN NGOÀI NHÀ

GIẢI ĐOẠN	TỶ LỆ	NGÀY
BẢN VẼ THIẾT KẾ		2022

MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TRÌNH: CHỢ MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

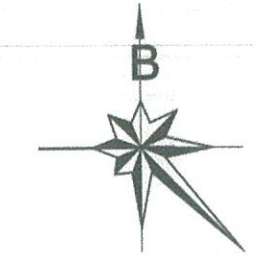


BẢNG TỌA ĐỘ CÁC MỐC
GIỚI HẠN KHU ĐẤT XÂY DỰNG

STT	HỆ TỌA ĐỘ VN-2000		K/CÁCH (M)
	X (M)	Y (M)	
1	2359487.08	564245.05	24.47
2	2359510.05	564253.49	127.49
3	2359463.79	564372.30	3.82
4	2359460.17	564373.50	16.25
5	2359446.41	564364.85	10.34
6	2359449.23	564354.89	12.55
7	2359451.56	564342.56	10.54
8	2359454.62	564332.48	9.24
9	2359456.91	564323.52	9.97
10	2359459.22	564313.82	8.82
11	2359461.26	564305.24	8.89
12	2359463.72	564296.70	14.91
13	2359468.75	564282.66	8.61
14	2359472.59	564274.96	16.86
15	2359479.55	564259.60	16.38
1	2359487.08	564245.05	

KÝ HIỆU

- CÔNG TRÌNH
- TƯỜNG RÀO
- RÃNH THOÁT NƯỚC B400
- ĐƯỜNG CẤP NƯỚC CN-D50
- ① - NHÀ CHỢ CHÍNH
- ② - NHÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI, KI ỐT
- ③ - SÂN ĐƯỜNG
- ④ - BỂ NƯỚC SINH HOẠT, BỂ NƯỚC PCCC
- ⑤ - TỦ ĐIỆN TỔNG
- ⑥ - KHU TẬP KẾT RÁC
- ⑦ - CHỢ VẮNG LAI NGOÀI TRỜI



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY
THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG ĐỒNG BẮC

ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

DỰ ÁN
CHỢ MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ
VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

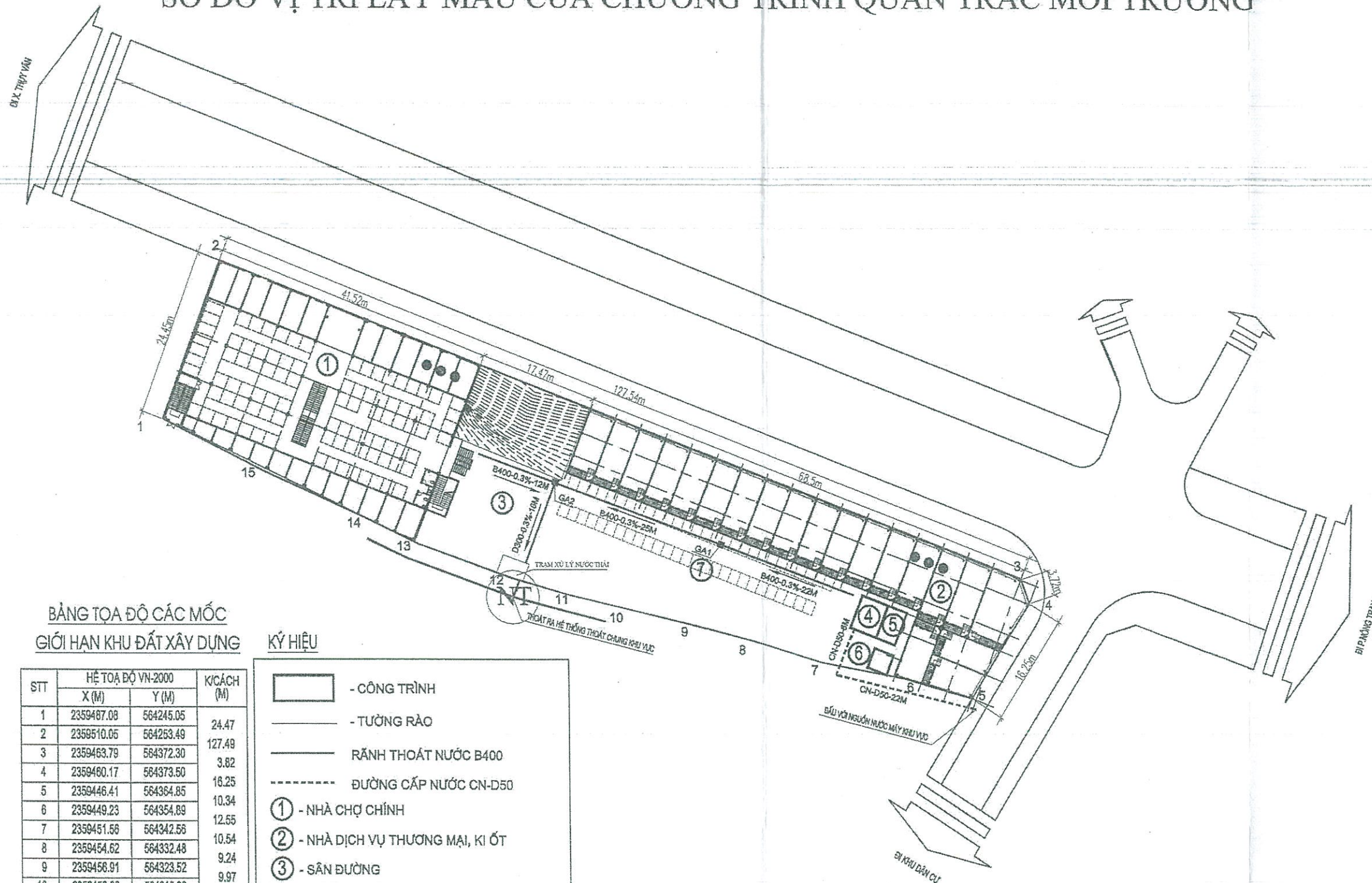
ĐỊA CHỈ:
PHƯỜNG MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

ITEM / HANG MỤC:
TỔNG MẶT BẰNG

DRAWING NAME / TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG CẤP THOÁT NƯỚC

GIẢI ĐOẠN	TỶ LỆ	NGÀY
BẢN VẼ THIẾT KẾ		2022

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

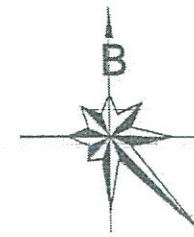


**BẢNG TỌA ĐỘ CÁC MỐC
GIỚI HẠN KHU ĐẤT XÂY DỰNG**

STT	HỆ TỌA ĐỘ VN-2000		KÍCH CÁCH (M)
	X (M)	Y (M)	
1	2359487.08	564245.05	24.47
2	2359510.05	564253.49	127.49
3	2359463.79	564372.30	3.82
4	2359460.17	564373.50	16.25
5	2359446.41	564364.85	10.34
6	2359449.23	564354.89	12.55
7	2359451.56	564342.56	10.54
8	2359454.62	564332.48	9.24
9	2359456.91	564323.52	9.97
10	2359459.22	564313.82	8.82
11	2359461.26	564305.24	8.89
12	2359463.72	564296.70	14.91
13	2359468.75	564282.66	8.61
14	2359472.59	564274.96	16.86
15	2359479.55	564259.60	16.38
1	2359487.08	564245.05	

KÝ HIỆU

- CÔNG TRÌNH
- TƯỜNG RÀO
- RĂNG THOÁT NƯỚC B400
- ĐƯỜNG CẤP NƯỚC CN-D50
- ① - NHÀ CHỢ CHÍNH
- ② - NHÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI, KI ỐT
- ③ - SÂN ĐƯỜNG
- ④ - BỂ NƯỚC SINH HOẠT, BỂ NƯỚC PCCC
- ⑤ - TỦ ĐIỆN TỔNG
- ⑥ - KHU TẬP KẾT RÁC
- ⑦ - CHỢ VẮNG LAI NGOÀI TRỜI



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY
THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG BẮC



Nguyễn Bá Bắc

ĐẠCH:
PHƯƠNG MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

DỰ ÁN
CHỢ MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ
VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ

ĐẠCH:
PHƯƠNG MINH PHƯƠNG, THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

ITEM / HANG MỤC:
TỔNG MẶT BẰNG

DRAWING NAME / TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU CỦA
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

GIẢI ĐOẠN	TỶ LỆ	NGÀY
BẢN VẼ THIẾT KẾ		2022

KÝ HIỆU CÁC VỊ TRÍ QUAN TRẮC

VỊ TRÍ QUAN TRẮC

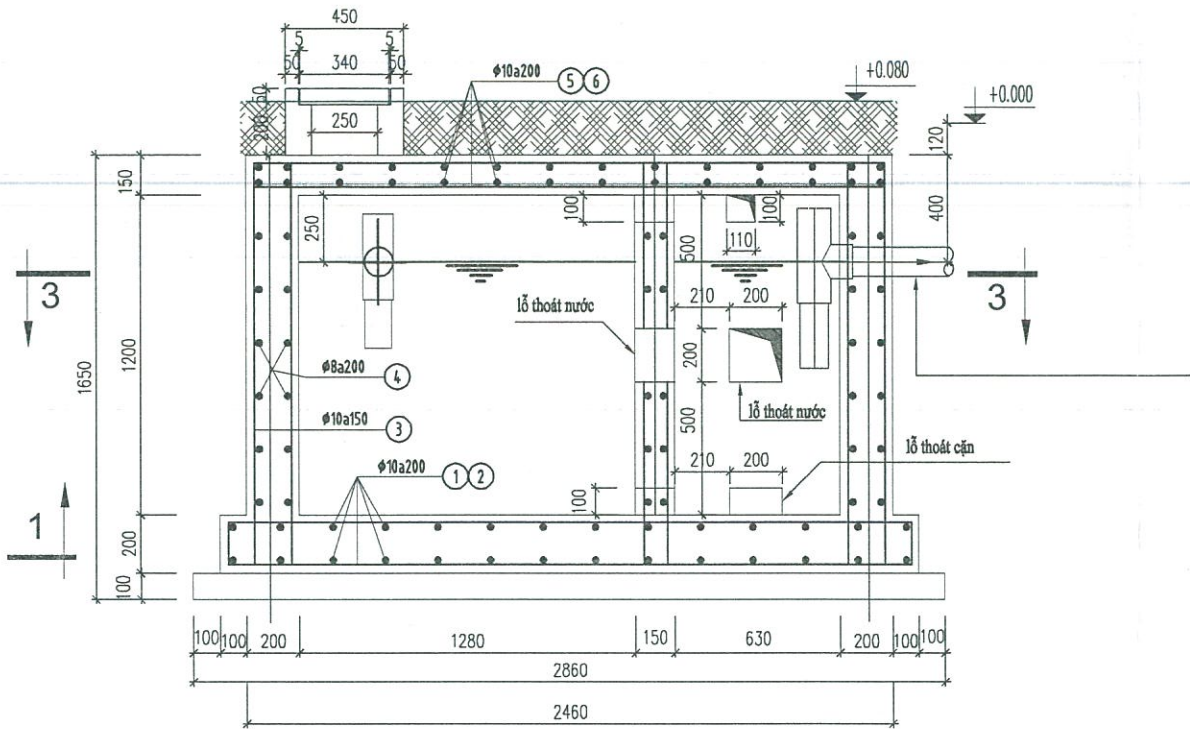
KÝ
HIỆU

Mẫu nước thải sau HTXL

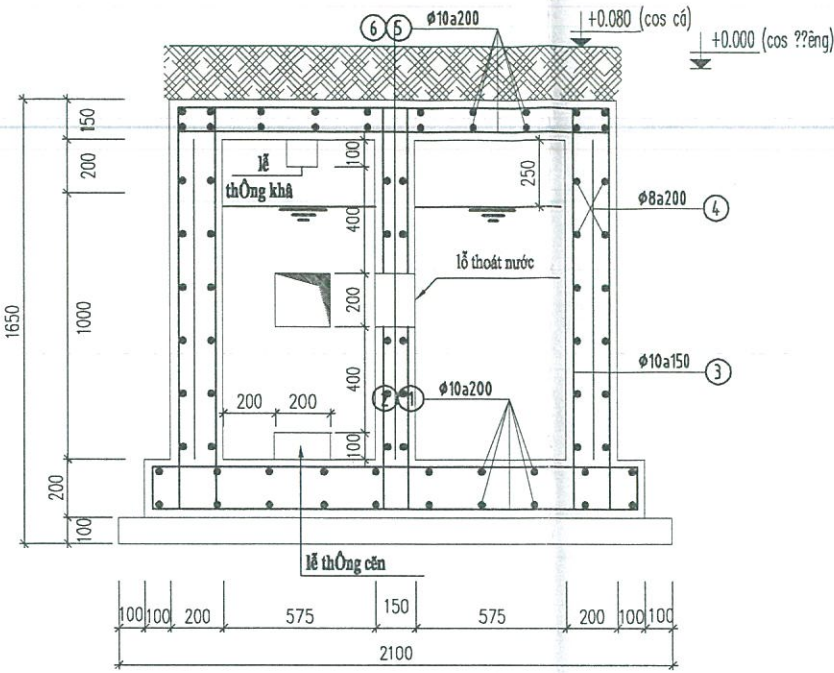
NT

BỂ TỰ HOẠI 3M3

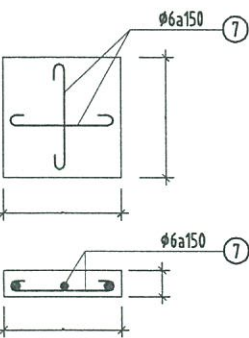
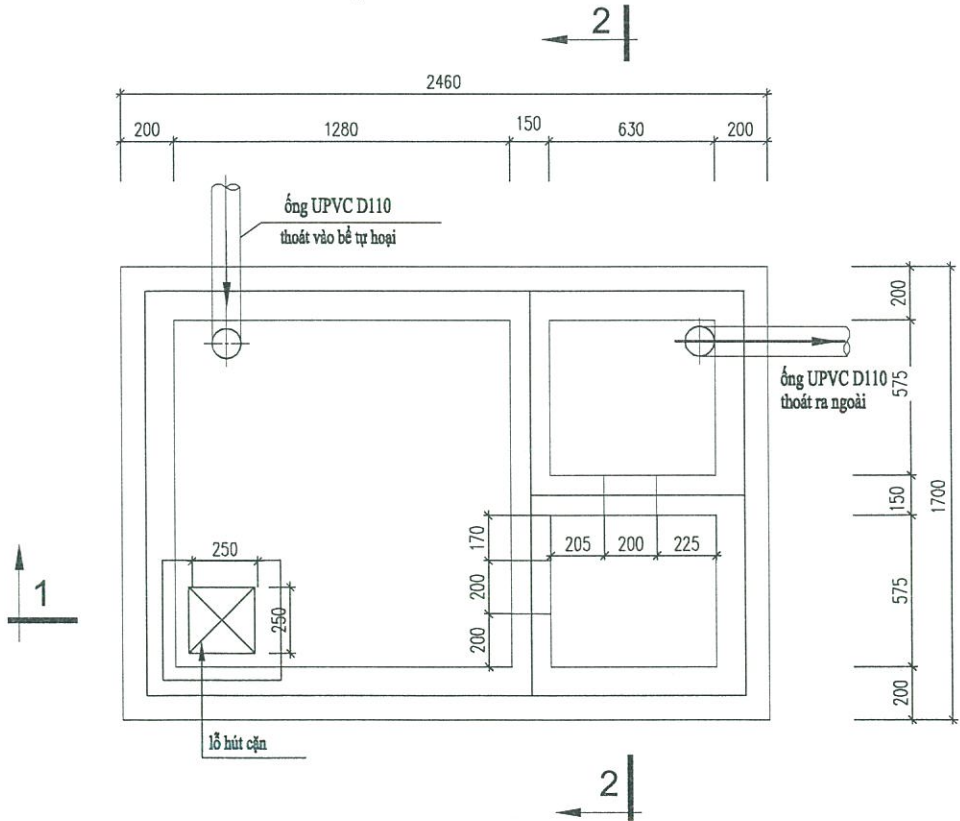
MẶT CẮT 1-1



MẶT CẮT 2-2

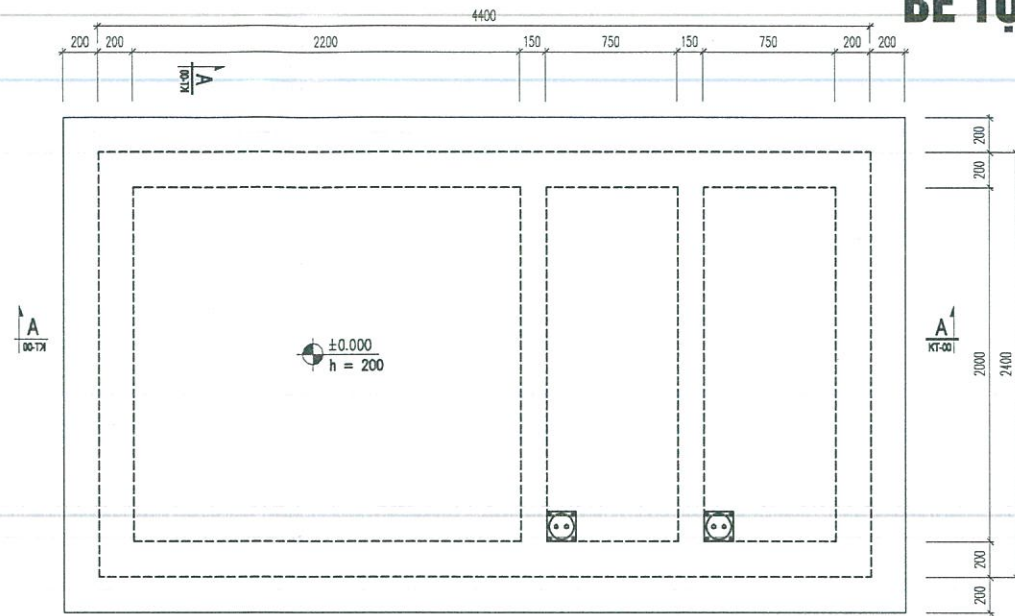


MẶT BẰNG

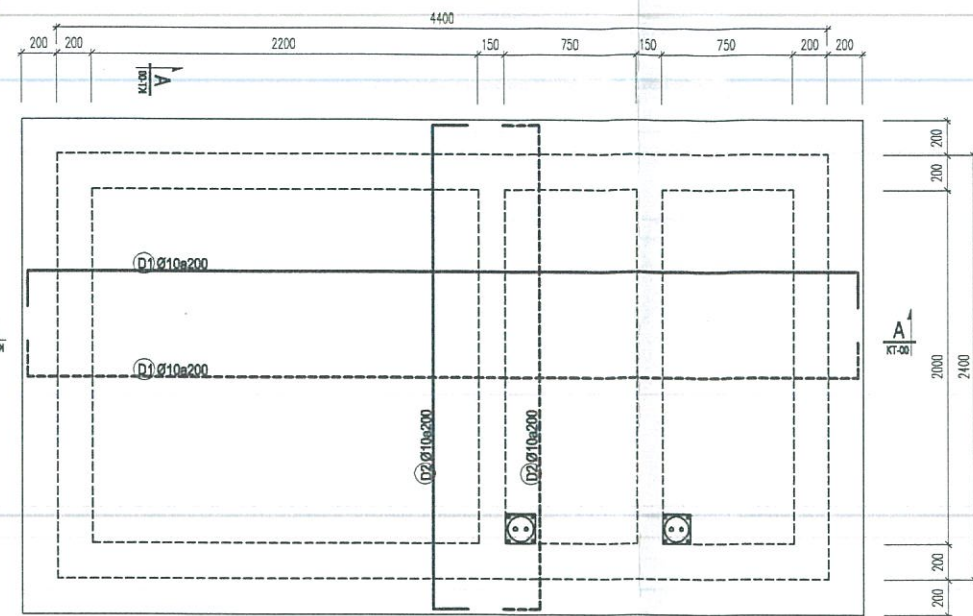


Nguyễn Bá Bắc

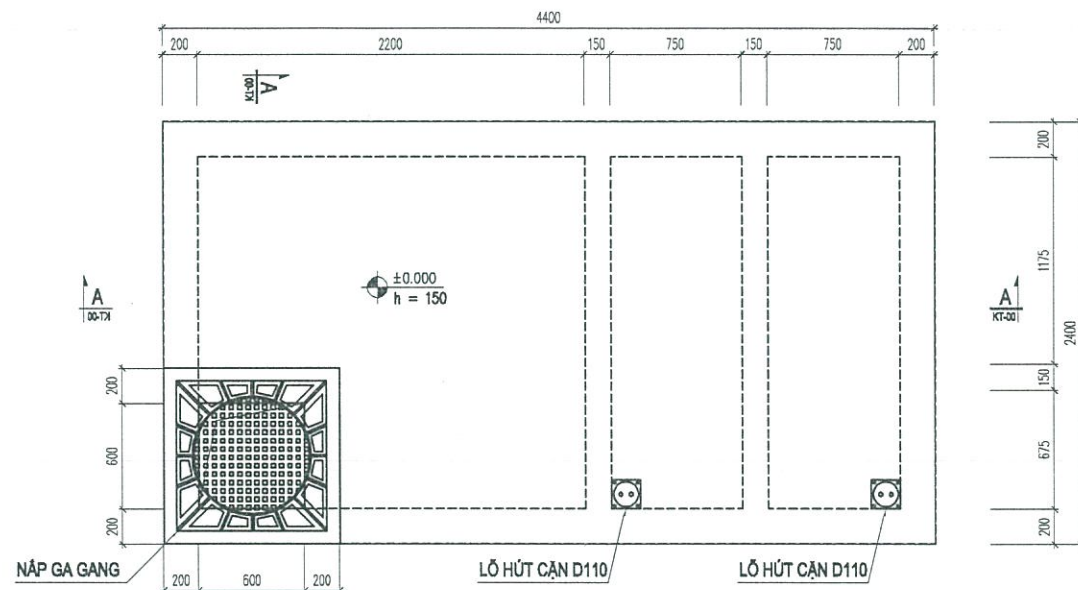
BỂ TỰ HOẠI 15M3



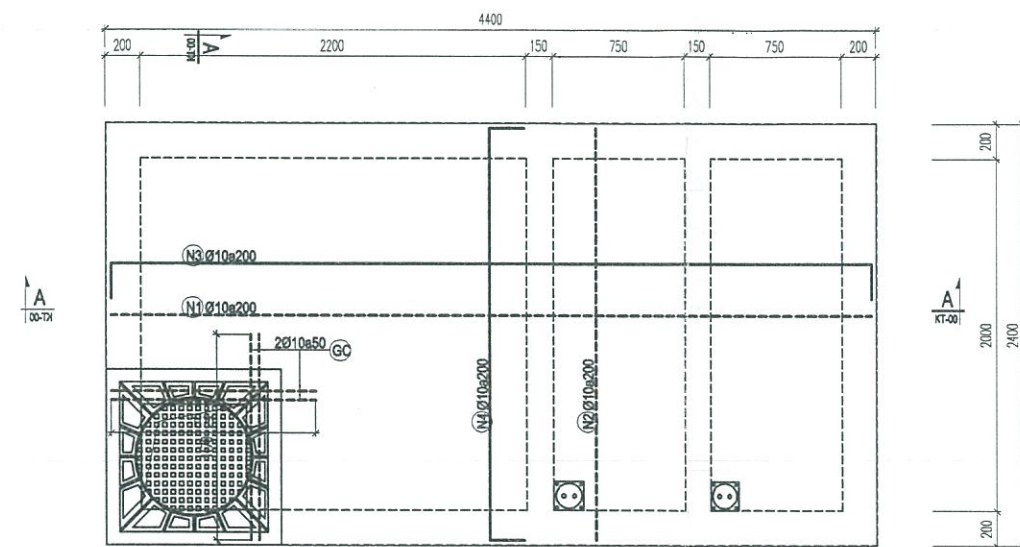
MẶT BẰNG KẾT CẤU ĐÁY BỂ



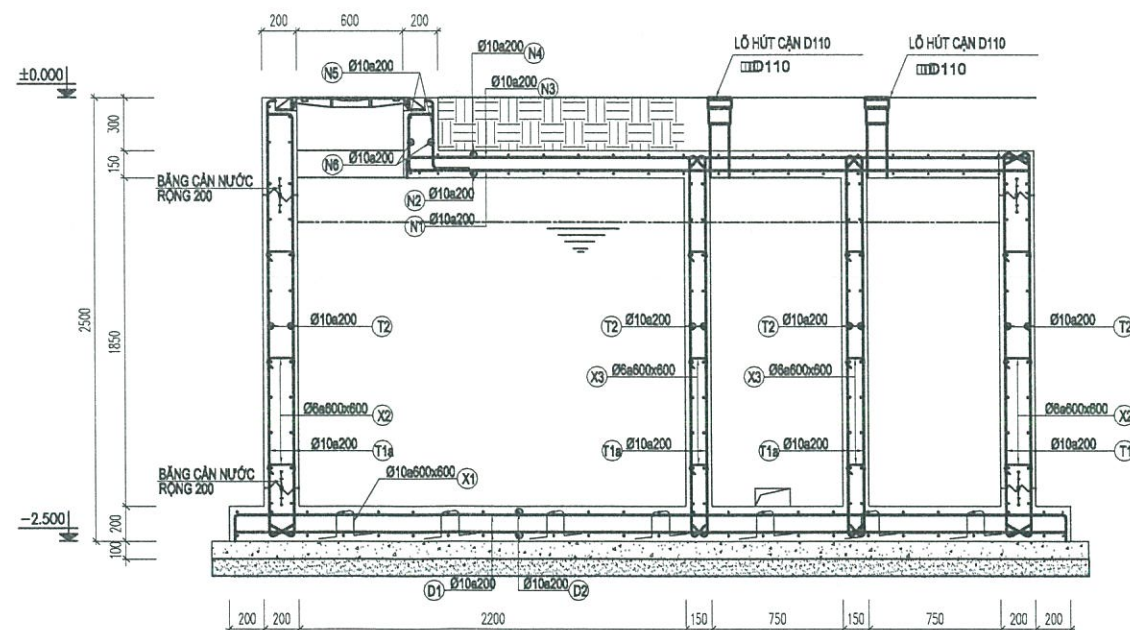
MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP ĐÁY BỂ



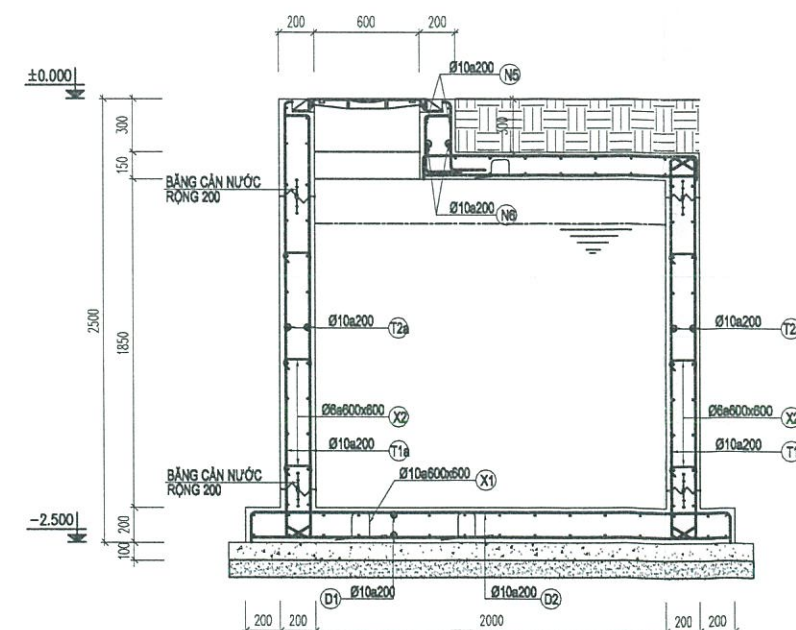
MẶT BẰNG KẾT CẤU NÁP BỂ



MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP NÁP BỂ



MẶT CẮT 1-1

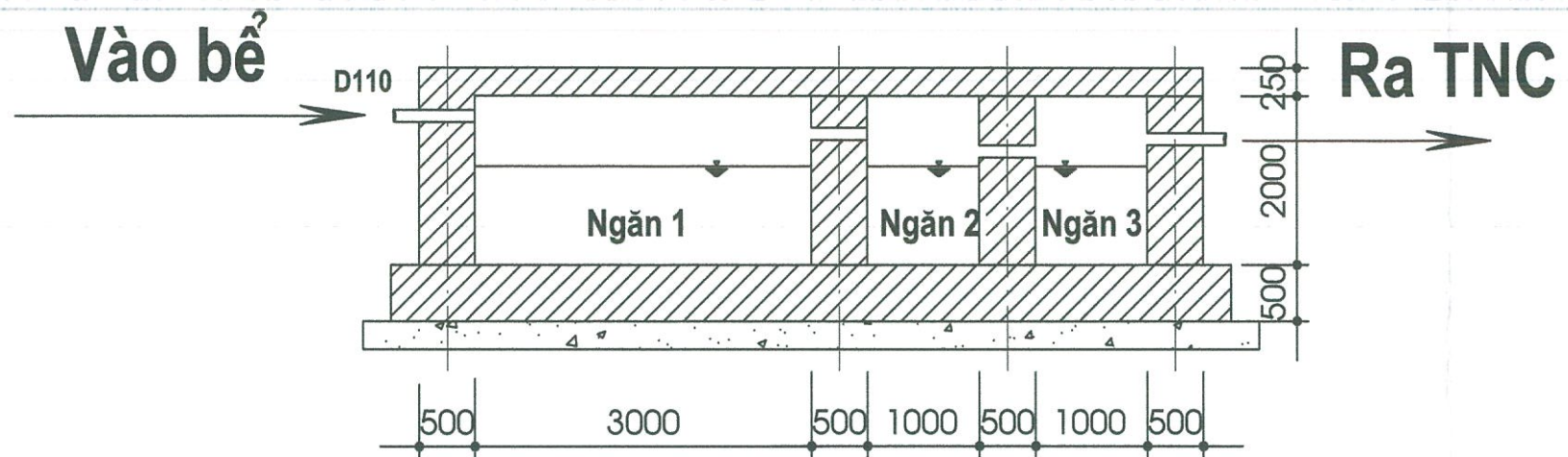


MẶT CẮT 2-2

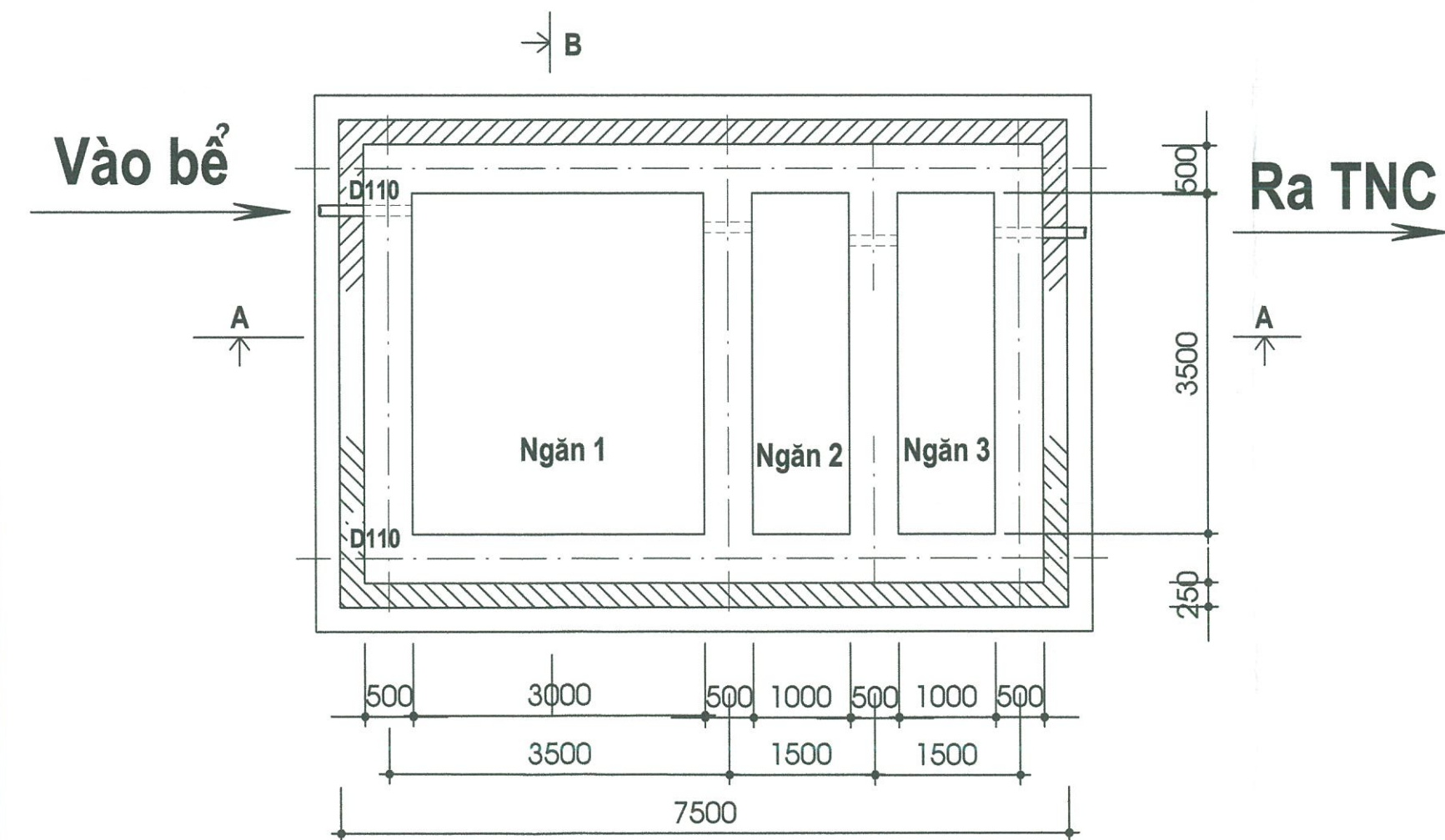
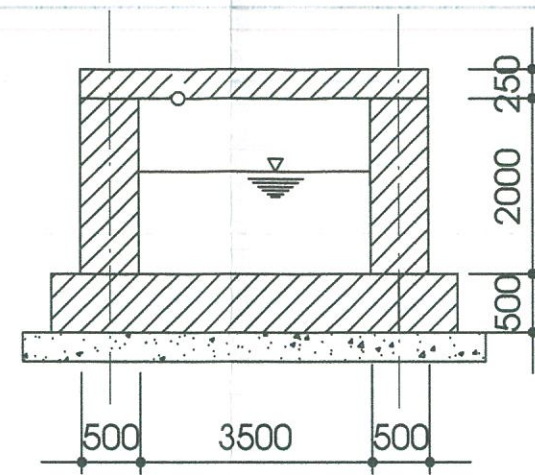


BỀ LĂNG 3 NGĂN

MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



Ghi chú:

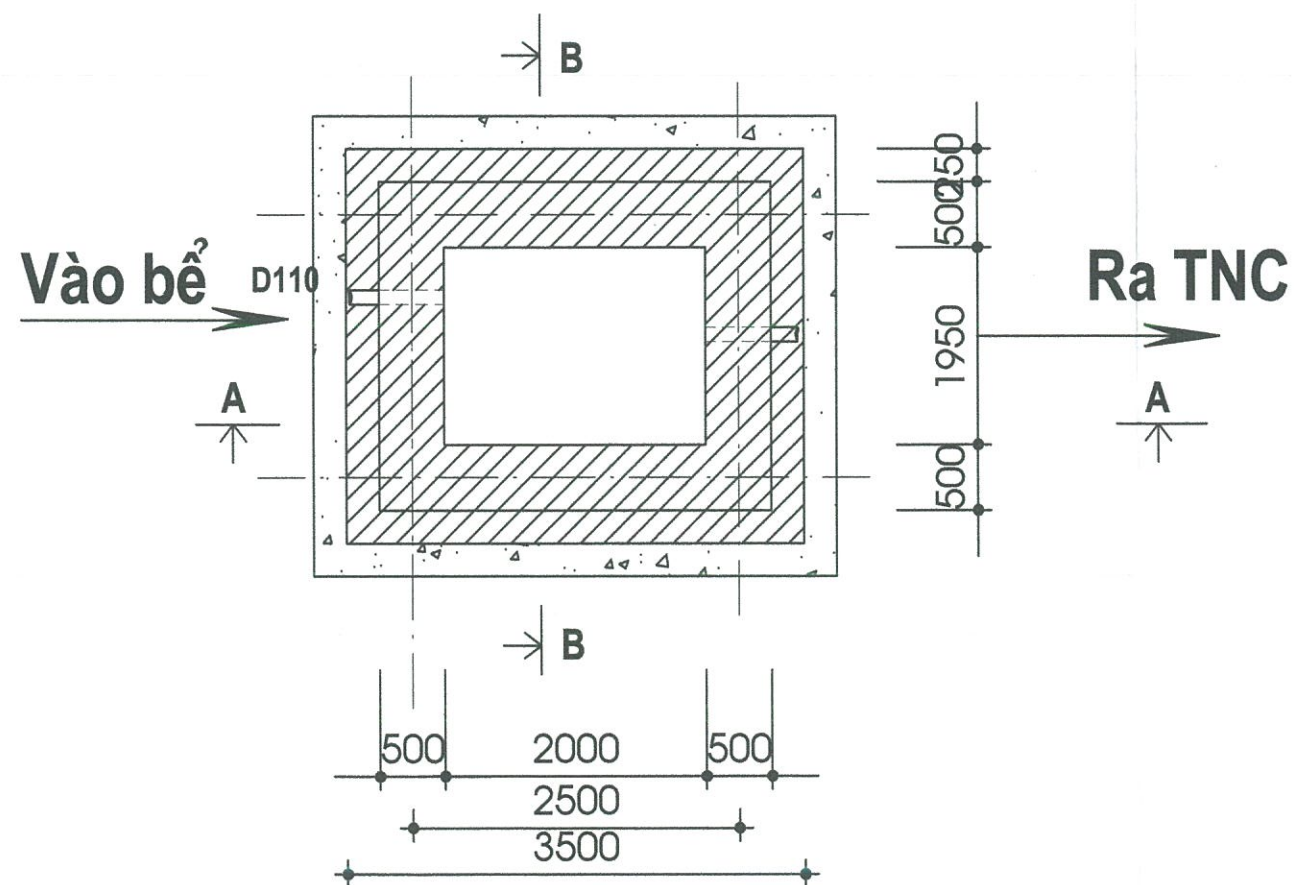
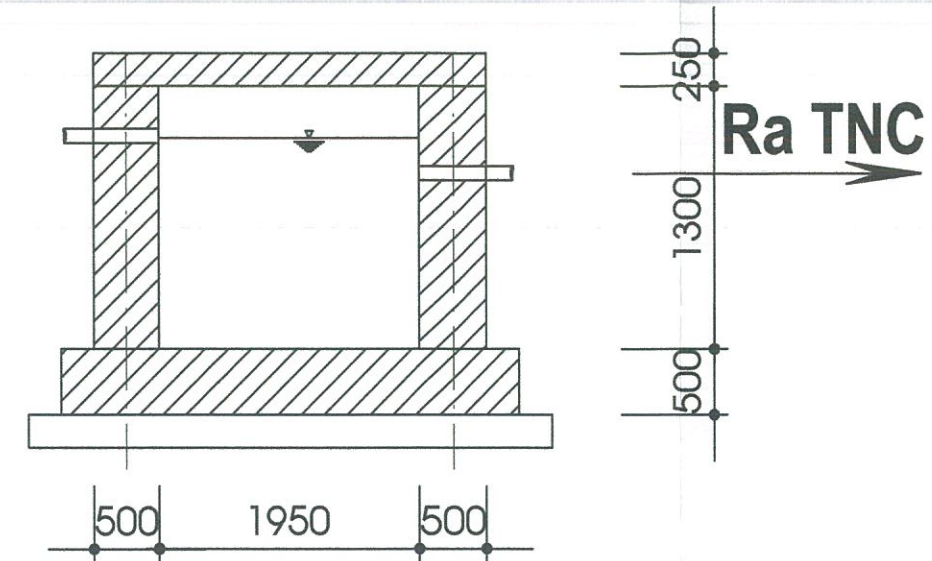
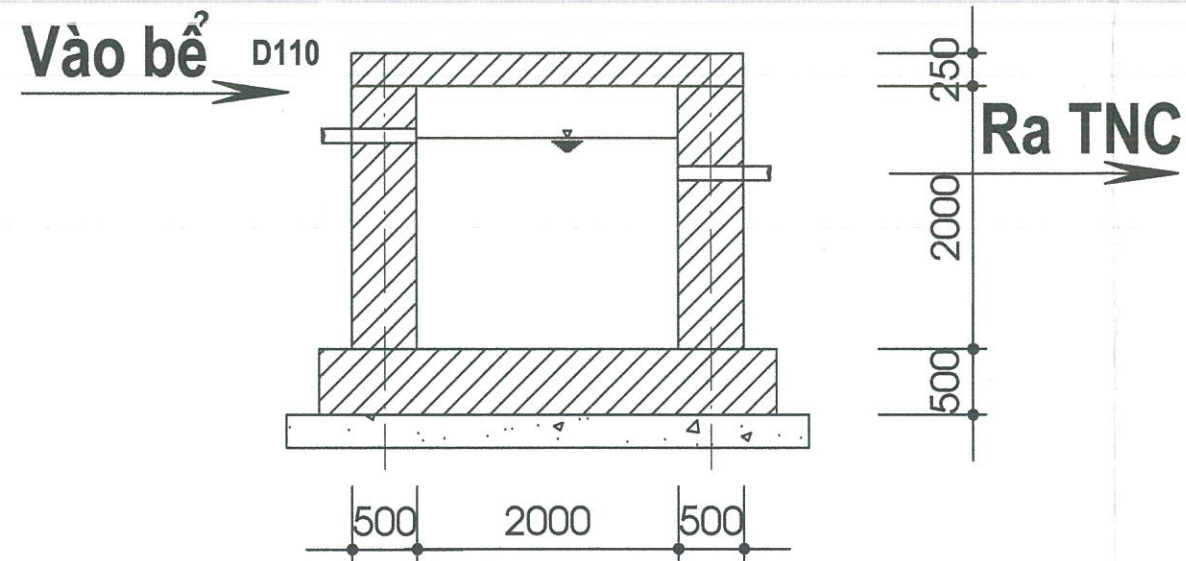
- Đáy bể lót lớp bê tông gạch vỡ dày 100mm, vữa xi măng mác 50#, đổ lớp bê tông cốt thép mác 200#, dày 150# lên trên lớp bê tông xi măng gạch vỡ.

- Thành bể tự hoại xây gạch đặc, vữa xi măng chống thấm.

BỂ KHỬ TRÙNG 5M3

MẶT CẮT A-A

MẶT CẮT B-B



Ghi chú:

- Đáy bể lót lớp bê tông gạch vỡ dày 100mm, vữa xi măng mác 50#, đổ lớp bê tông cốt thép mác 200#, dày 150# lên trên lớp bê tông xi măng gạch vỡ.
- Thành bể xây gạch đặc, vữa xi măng chống thấm.